

NĂM THỨ 6 – NGÀY 1-4-1962

BACH KHOA

trong số này

HOÀNG MINH TUYNH 7 năm chính sách Pháp tại Algérie • NGUYỄN HIỂN LÊ bác sĩ Hồ-Thích đã từ trần • TRẦN HƯƠNG TỬ siêu việt thể của Jaspers • TRẦN THỨC LINH mảnh lối điều tra • CÔ LIÊU ngày mai sẽ là ngày « máy trị » ? • ĐOÀN THÊM đẹp là gì • T.Đ.G. nếp sống người Hòa Lan • TƯỜNG LINH — XUÂN HIỂN — MAI TRÚC DIỄN lên — tình ca số 1 — nguyên vu • NHẬT TIẾN cái kiến • ĐOÀN THÊM — DƯƠNG PHÙ SAO — BÙI GIÁNG — SAO TRÊN RỪNG hòa âm số 4 — bày tỏ — hy vọng — nếu đời trắng chết • ĐẶNG TRẦN HUÂN ma giữa đại dương • MAI THẢO người cha và người con • ĐỖ BÁ THẾ — PHẠM CAO CÙNG — TRÚC LIÊN — MAI THẢO — Á NAM TRẦN TUẤN KHAI trả lời cuộc phỏng vấn văn nghệ • NGUYỄN NGU Í những lối nói Việt Nam •

126

Cái gì đang sợ hơn rượu ?

DÓ LÀ ... KHÁT, ĐƠN GIAN THỂ THÔI

VÀ XIN TRÌNH BÀI Ý-KIỆN SAU ĐÂY
ĐỂ GIÚP QUÍ VỊ GIẢI-LAO TRONG KHI RƯỢU
WHISKY TRỞ NÊN KHAN VÀ ĐÁT

- NẾU NGÀI NHỨT QUYẾT KHÔNG DÙNG RƯỢU, NGÀI HÃY DÙNG THỪ **VERIGOUD** MỘT LOẠI SI-RÔ THƯỢNG HẠNG CHÈ BẰNG **NGUYÊN-CHẤT** CÁC LOẠI TRÁI CÂY NHƯ CAM, CHANH, BƯƠI HOẶC QUÍT.
- MỘT PHẦN **VERIGOUD** PHA VỚI 4 PHẦN NƯỚC, QUÍ NGÀI SẼ CÓ MỘT LY NƯỚC CAM TƯƠI HAY NƯỚC CHANH TƯƠI.
- NHƯNG NẾU QUÍ NGÀI CÔNG NHẬN RẰNG RƯỢU UÔNG VỚI SỰ CHỪNG MỰC SẼ GIÚP CHO THÂN-THỂ ĐƯỢC ĐIỀU-HOÀ THÌ XIN QUÍ NGÀY HÃY NỀM QUA CÁC THỨ **PADDY-SODA, RHUM-LIMONADE, ANISETTE** HAY **CURACAO** PHA NƯỚC ĐÁ.

TRONG MỌI TRƯỜNG-HỢP,
NẾU QUÍ NGÀI MUỐN CÓ MỘT
SẢN-PHẨM HẢO HẠNG, QUÍ NGÀI NÊN TÌM
MUA CÁC SẢN-PHẨM **DIC**, CHẾ-TẠO BỞI

HÀNG RƯỢU BÌNH TÂY

DISTILLERIES DE L'INDOCHINE

VÀ CÓ ĐẶT BÁN TẠI CÁC HIỆU BUÔN ĐỪNG-ĐẪN.

BÁCH

KHOA trong số này

Số 126 ngày 1-4-62

HOÀNG-MINH-TUYNH	7 năm chính sách Pháp tại Algérie	3
NGUYỄN-HIẾN-LÊ	bác sĩ Hồ Thích nhà cách mạng văn học Trung-Quốc đã từ trần	13
TRAN-HƯƠNG-TỬ	siêu việt thề của Jaspers	19
TRAN-THÚC-LINH	mánh lới điều tra	27
CÔ-LIÊU	ngày mai sẽ là ngày « máy trị » ?	31
ĐOÀN-THÊM	đẹp là gì ?	37
T. Đ. G	giới thiệu nước Hòa-Lan	47
TƯỜNG-LINH — XUÂN HIẾN — MAI TRÚC DIÊN	lên ; tình ca số 1 ; nguyên vu (thơ)	52-54
NHẬT-TIẾN	cái kiến (truyện ngắn)	55
ĐOÀN-THÊM — DƯƠNG-PHÙ-SAO — BÙI-GIÁNG — SAO-		
TRÊN-RỪNG	hòa âm số 4 ; bày tỏ ; hy lạp ; nếu đời trắng chết	64-66
ĐẠNG-TRAN-HUÂN	ma giữa đại dương (truyện dịch)	67
MAI-THẢO	người cha và người con (truyện ngắn)	77
ĐỖ-BÁ-THẾ — PHẠM-CAO-CÙNG — TRÚC-LIÊN — MAI-		
THẢO — Á-NAM TRẦN-TUẤN KHẢI	trả lời cuộc phỏng vấn của Bách Khoa	91-112
NGUYỄN-NGU-Í	những lời nói Việt Nam	113

BÁCH-KHOA

trong những số tới

7 năm chính sách Algérie (2)

Những nhận xét về thương số trí năng

Siêu việt thê và Jaspers (3)

Nguồn lợi của Đại-dương

Mánh lới điều tra (3)

Triền lăm hội họa mùa xuân

Góp ý về cú pháp

Đẹp bên ngoài nghệ thuật

Thi khảo : thơ Tôn phu nhơn của

Tôn thọ Tường

Vấn đề thư tịch Việt-Nam

Tòa khâm sứ

Hội nghị thường niên của Ban chấp hành

Hội đồng quốc tế âm nhạc tại Luân Đôn

Đổ dẻ dêm

Kinh nghiệm đời văn (dịch Erskine

Caldwell)

Điềm sách : người công giáo trước thời đại

Về dâu (truyện dài)

Buồn chán (giới thiệu và dịch L'Ennui

của A. Moravia)

Nỗi buồn (truyện ngắn)

HOÀNG-MINH-TUYNH

NGUYỄN-HIỂN-LÊ

TRẦN-HƯƠNG-TỬ

TRỊNH-THIÊN-TỬ

TRẦN-THÚC-LINH

NGUYỄN-VĂN-PHƯƠNG

ĐỖ HỒNG-VŨ

ĐOÀN-THÊM

ĐÔNG-HỒ

LÊ-XUÂN-KHOA

BỬU-KẾ

TRẦN-VĂN-KHÊ

NGUYỄN-HỮU-PHIỄM

PHONG-GIAO

NGUYỄN ANH LINH

VÕ-PHIÊN

NGUYỄN-MINH-HOÀNG

LÊ-TẮT-ĐIỀU

7 năm

chính sách Pháp

tại

Algérie

Đã từ bảy năm, về vụ Algérie khởi nghĩa, báo L' Aurore viết ngày 2-11-1954: « Tính chất dã man của những hành vi phiến loạn khiến chúng ta không còn thể chấp nhận bất luận một ý niệm nhu nhược nào », trong khi báo Le Monde phóng ra tiếng kêu cấp cứu: « Thời gian gấp rút | **HOÀNG-MINH-TUYNH** | lắm rồi. Các người có trách nhiệm về chính sách Pháp tại Algérie không thể phủ nhận rằng nếu còn trì hoãn việc chọn lựa một chính sách tổng quát để đối phó thì chắc chắn tình hình sẽ trở nên hư nát không còn phương cứu vãn ».

Cùng thời gian trên, báo Le Parisien Libéré cho rằng: « nạn khủng bố khàn trương tại Algérie chứng tỏ nó nằm trong một kế hoạch qui mô có thể trực tiếp hăm dọa toàn bộ Liên Hiệp Pháp »,

Báo L'Humanité khôn ngoan hơn, nói: « Khủng bố không phải là một giải pháp. Chỉ có thể tìm thấy giải pháp khi người ta sẵn lòng đáp ứng lại nguyện vọng chính đáng của nhân dân Algérie hiện đang muốn được tự do ». Còn báo Le Populaire đưa ra một ý kiến dung hòa: « Nên loại những kẻ phiến loạn ra ngoài vòng tác hại, nhưng nên thận trọng để khỏi rơi vào cái bẫy đàn áp mù quáng » Cũng một ngày đó, người ta nhận được

7 NĂM CHÍNH SÁCH PHÁP TẠI ALGÉRIE

một truyền đơn của Mặt Trận Giải Phóng quốc gia (Algérie) (F L N) đòi « công nhận chủ quyền Algérie duy nhất và bất phân »

Như vậy là ngay từ buổi đầu, các vai trò trong tấn thảm kịch Algérie đã được phân định dứt khoát, và phần nhiều các vai trò đều giữ lập trường của mình theo đúng chính cương, không sai một dấu phẩy. Kẻ bàng quan đứng phân tích chính sách Pháp từ lúc cuộc khởi nghĩa mở đầu đều thấy rõ qua các bài diễn văn, tuyên cáo, cũng như qua các biến chuyển dồn dập và động loạn liên tiếp diễn ra, các trào lưu lớn của tư tưởng chính trị Pháp đã được các đảng chính trị Pháp đem ra áp dụng tại Algérie theo đúng lập trường của mỗi đảng.

Hai quan niệm yêu nước khác nhau

Đang khi thế giới tiến tới giai đoạn giải trừ chủ nghĩa thực dân thì hai quan niệm về ái quốc của người Pháp, hai quan niệm về « Đại Pháp » của người Pháp, bỗng đâm ra đối lập với nhau.

Một bên thì cho rằng nước Pháp, nếu muốn còn mãi là Đại Pháp, cần phải làm sao duy trì được quân đội và các công chức cao cấp của mình tại những địa điểm xa xôi, hẻo lánh nhất trong hoàn cầu. Đó chính là quan điểm ông Robert Lacoste đã nói ra khi tuyên bố : « Điều chúng ta muốn có thể tóm lại trong một câu : lá cờ tam tài tại Algérie. Điều chúng ta muốn không phải là quyền lợi của người Pháp Algérie, cũng không phải là sự trở lại nguyên trạng trước, *statu quo ante*, điều chúng ta muốn là danh dự của nước Pháp.

Chúng ta coi mọi hình thức đào nhiệm và mọi thương nghị đưa tới đào nhiệm, đều là một cách xâm phạm tới danh dự của nước Pháp » (1).

Một bên thì lại cho rằng mục tiêu chính xác của một Đại Pháp ở thế kỷ XX này, phải nhằm vào công cuộc mở mang kinh tế, bình đẳng xã hội và văn minh văn hóa Pháp ra cùng khắp thế gian. Họ còn cho rằng nước Pháp nếu cứ trù trừ mãi trong việc đáp ứng lại yêu sách chính-trị của các thuộc địa thì không những không làm cho mình được « giải sáng » ra và lớn lao hơn, mà trái lại, chỉ tỏ làm ngưng trệ bước tiến trong một công cuộc thực cao cả và thực thích hợp với sứ mệnh của mình. Alain Savary viết : « Nước Pháp, nếu muốn tỏ ra mình cao cả trong vấn đề Algérie, thì phải làm sao tìm ra và áp dụng được một thể thức nào khả

(1) L'Express 2.5.1958 « Un entretien avec M. Robert Lacoste ».

đi để cho Algérie đi tới một self-government, nghĩa là phải làm sao giải trừ được chủ-nghĩa thực dân tại đó... » (1)

Trong một cuốn sách (2), Jacques Soustelle hô lớn : « Các bạn hãy nhìn thề-giới hiện nay, ngôn ngữ của hai đế-quốc hiện đang tiến tới để xâm nhập, một đế-quốc thì dùng dollar, còn một đế-quốc thì dùng xe thiết giáp. Sau mỗi đế-quốc đều có uy lực, dân số, vũ khí hạch tâm » Raymond Aron liền đáp lại : « Tôi tin tưởng ở « sứ mệnh » của nước Pháp tại Algérie, tôi tin tưởng ở thiên chức của nước Pháp tại Phi-châu. Song, sứ mệnh và thiên chức ấy không phù hợp với sự từ khước không để cho các dân-tộc Phi Châu được quyền tự cai trị lấy mình ». (3)

Trong khi các thanh-niên Pháp chiến đấu tại Algérie thì hàng trăm thanh-niên khác lại tới giáo hóa và hợp-tác về kỹ-thuật với Tunisie hay Maroc. Người ta có thể coi đó là biểu hiệu của một cuộc chung sống giữa hai quan-niệm. Một quan niệm thì lạc quan. Một quan-niệm thì trông cậy vào uy lực của vũ khí và vào sự bền vững của giếng mỗi luật pháp hiện hành. Trong cuộc xung đột giữa người Pháp và người Pháp, lồng thêm cuộc xung đột giữa người Pháp và người Al-

gérie này, trong buổi đầu, quan niệm thứ hai có chiều như thắng thế.

Khi cuộc khởi nghĩa bùng nổ, thực tế không người nào tin nước Pháp chịu bỏ chủ quyền của họ tại Algérie. Ông Mendès-France, thủ tướng chính phủ hồi bấy giờ, tuyên bố quan hệ giữa Pháp và Algérie phải coi như bất khả phân ly. Đảng Cộng-Sản Pháp đợi mãi tới ngày 8 tháng 11 năm 1954 mới công bố một thông cáo, xác nhận một cách rụt rè rằng nước Pháp hiện đang đứng trước « một vấn đề có tính chất quốc gia ».

Việc áp dụng nguyên tắc « quan hệ bất khả phân ly » được khá đông người tán đồng, song các đảng phái lại quan niệm nó một cách khác nhau. Đối với ông Mendès France, và một năm sau, đối với Mặt Trận Cộng Hòa, nguyên tắc trên phải dung hợp với một chính sách cải cách rộng rãi. Nhiều người coi đó là mầm mống của một cuộc tiến triển sau này. Đối với những người chủ trương duy trì « lá cờ tam tài tại Phi-Châu » để củng cố danh dự Đại Pháp, thì nguyên tắc đó lại có một chiều hướng đáng lo ngại. Do đây, đã hai lần, họ quyết tâm đưa nó tới chỗ thất bại : trước hết, hồi tháng giêng năm 1955, họ lật đổ chính phủ Mendès-France. Rồi tới tháng giêng năm 1956, sau kỳ tuyên cử đem lại thắng lợi tương đối cho họ Mặt Trận Cộng Hòa, ông Coty thấy rằng, trong một quốc hội chia rẽ, ít nhất cũng có thể có được

(1) Alain Savary, *Nationalisme algérien et grandeur française*.

(2) Jacques Soustelle, *Le drame algérien et la décadence française*.

(3) Raymond Aron, *La tragédie algérienne*.

một đa số gồm từ các đảng viên xã hội cho tới các nghị sĩ độc lập, duy người thủ lĩnh không thể là ông Mendès-France nữa, mà phải là ông Guy Mollet. Quả nhiên ông Guy Mollet được tấn phong. Ông này sở dĩ lên cầm quyền được đã đành là nhờ bởi đã khéo thu xếp thành lập được một đa số ủng hộ mình, nhưng thật ra còn nhờ, nhất là nhờ bởi đã chịu điều đình với nhóm chủ trương « duy trì lá cờ tam tài tại Phi-châu ». Ngày mùng 6 tháng 2, ông qua Algérie, đem ông Robert Lacoste thay thế Đại tướng Catroux, vốn bị coi là một phần tử có khuynh hướng tự do. Như vậy là quan niệm thứ nhất chủ trương duy trì « lá cờ tam tài tại Phi-châu » để củng cố danh dự Đại Pháp đã thắng thế, và thắng thế trong một thời gian tương đối lâu dài.

« Mặc cảm Verdun »

Cuộc khởi nghĩa của người Algérie bị hết mọi chánh-phủ của Đế Tứ Cộng Hòa Pháp coi là một cuộc khởi loạn vô trang do chính các công dân Pháp xướng lên chống lại chính-phủ mình. Như vậy là các công dân này đã tự đặt mình ra « ngoài vòng pháp luật ». Người ta nhắc đi nhắc lại « không thể có kẻ đòi thoả giá - trị trong đám phiến loạn ». Ý niệm thiết lập một quốc-gia Algérie bị loại trừ một cách quyết liệt. Do đây, nhiệm-vụ đầu tiên của chánh - phủ Pháp là phải dùng quân lực mà « văn hồi trật-tự » và bình định xứ sở, hầu bảo

đảm an-ninh và bảo toàn lãnh thổ. Trong vấn-đề Algérie, không thể có sự can thiệp của ngoại quốc, vì vấn đề Algérie là vấn đề thuộc nội bộ Pháp. Thuyết trên được luôn luôn biểu diễn ra cho tới ngày Đế Tứ Cộng Hòa sụp đổ (1).

Cách thức xác nhận chính sách đối với vụ Algérie trên làm phát sinh ra trong quốc dân Pháp một tâm lý về chính trị rất đặc biệt, nhiều người gọi là tâm lý « national-molletisme ». Nguyên từ sau hồi bại trận năm 1940, người dân Pháp cảm thấy quốc thể ngày càng bị vủ nhục quá đáng. Cách thức phải chấm dứt cuộc xung đột tại Đông Dương, phải rút lui khỏi Syrie — Liban, phải trả lại độc lập cho Tunisie — Maroc, khiến cho chính những người đã từng tranh đấu cho hòa bình tại Đông Dương và độc lập cho các cựu thuộc địa Bắc Phi cũng phải tủi hờn. Do đây nảy ra cái tâm trạng gọi là « mặc cảm Verdun », cho rằng : tới đây phải chấm dứt các cuộc thoái triệt, Algérie là chiến tuyến cuối cùng trong cuộc để kháng chống lại những kẻ có manh tâm phá hoại uy danh và làm hao mòn lãnh thổ nước Pháp, khiến cho Jacques Soustelle phải viết : « Thực tế, lúc này, thâm kịch

(1) Thuyết trên không còn đứng vững, khi tại L.H.Q. người Pháp bảo việc Algérie là việc nội bộ của Pháp, nhưng lại nhìn nhận có những « người đòi thoả giá trị » và dự trù thành lập một quốc-gia Algérie.

không phải là thăm kịch Algérie, chính là thăm kịch một nước Pháp suy mạt vậy ».

Cuộc gọi tái nhập ngũ đầu tiên tại Pháp nhân vụ Algérie gây ra ít nhiều hoang mang trong dân chúng, nhưng rồi cũng lạt dần. Chủ trương xiết chặt quan hệ giữa Pháp và Algérie được một đa số khá quan trọng hưởng ứng ; Chính phủ Mollet nhờ vậy mà thu lượm được một số thăm ủng hộ khá trung thành tại Quốc hội. Kẻ không chấp nhận chính sách của Chính phủ bây giờ bị quốc dân coi như không phải là người có lòng ái quốc. Một thứ chủ nghĩa gần giống với chủ nghĩa Mac-Carthysme phát sinh tại Pháp nhằm đả phá những kẻ có chủ trương thoái triệt khỏi Algérie. Tâm lý chiến sĩ trong quân đội cũng rất nhiệt thành ; các cuộc hành quân được nhiệt liệt hoan hô và thành tích chiến đấu của các đoàn quân xung phong được mọi người ca tụng gần như thành tích thần thánh. Quang cảnh từng bừng trái ngược hẳn với quang cảnh ngày thất trận tại Đông Dương. Các phong trào kết nạp các phần tử người Âu tại Algérie cũng khai ngự trị trên chính trường Pháp và lần lần chi phối chính tình Pháp một cách rõ rệt. Gần như không một ai dám hé răng lên tiếng đòi cho Algérie được độc lập. Phe đòi lập tá khuynh, do ông Mendès-France cầm đầu, khi đưa ra chương trình Algérie năm 1957, tuyên bố : cần phải « cứu vãn Phi Châu thuộc Pháp ». Thậm chí đảng Cộng Sản

cũng xác nhận chủ trương của đảng là : « duy trì liên lạc thường xuyên về chính trị, kinh tế và văn hóa, đặc biệt giữa Pháp và Algérie » (1)

Ông Guy Mollet tuy có đề nghị chương trình ba điểm về vụ Algérie : tuyên cử tự do, dưới quyền kiểm sát quốc tế và thương nghị với các đại biểu dân cử, nhưng ông vẫn đòi những người « phiền loạn » phải ngưng bắn vô điều kiện, nhiên hậu mới mở các cuộc tuyên cử và thương nghị. Ai cũng biết đó là một cách đòi bọn kháng chiến phải đầu hàng và muốn đạt tới kết quả đó, ai cũng thấy là không có giải pháp nào khác hơn là giải pháp quân sự.

Nỗi thăng trầm của chủ nghĩa quốc gia Pháp

Như vậy là người Pháp đã đem chủ nghĩa quốc gia nồng nhiệt của họ ra đòi phó lại với ý thức quốc gia chớm nở của người Algérie. Chủ nghĩa ấy đạt tới điểm tuyệt đỉnh vào thời 13 tháng 5 và sau ngày thượng tướng De Gaulle lên nắm chính quyền. Chủ nghĩa ấy hiện còn đặc biệt cổ tri trong một số các khu vực của công luận, cứ xem những tuyên cáo của Tổ chức Quân đội Bí mật (OAS) phát ra và những tuyên bố của các chính khách tỏ ra đồng tình với Tổ chức trên thì đủ rõ. Bọn người này cho rằng : để cho Algérie độc lập tức là làm suy bại nước

(1) Thông cáo chính trị cục của đảng Cộng Sản Pháp 2.3.1956.

7 NĂM CHÍNH SÁCH PHÁP TẠI ALGÉRIE

Pháp, thậm chí chính ông Debré ngày 16-8-1960 còn tuyên bố trong bài diễn văn đọc tại Ile-Bouchard rằng : « Vận mệnh nước Pháp bị ràng buộc vào vận mệnh Algérie..... Đối với chúng ta, mọi sự sẽ đổi thay nếu chúng ta không đứng vững được trên lãnh thổ cội cội đã do chính chúng ta tạo dựng ».

Cái ý chí duy trì uy thế của Đại Pháp bằng cách duy trì chủ quyền của Pháp tại Algérie làm nảy ra cái ý chí cải cách chế độ trong nội bộ nước Pháp theo một phương thức chuyên hoành. Ngày 15 tháng 2 năm 1957, Ủy ban chấp hành đảng cấp tiên biểu quyết một kiến nghị tố giác « nguy cơ phát-xít biểu lộ một cách quá hỗn xược ». Mười lăm tháng sau, tháng năm 1958, các nhân viên trong Ủy ban Cứu quốc Algérie-Sahara thông qua một quyết nghị, được tướng Salan chấp thuận, trong đó có lời tuyên bố : « các đảng phái chính trị, khí dụng của các quyền lợi cá nhân, đều là những yếu tố gây mầm chia rẽ, nên cần phải thủ tiêu đi, nếu muốn thông nhất và kết tập hết mọi người dân Pháp xung quanh thực tại sinh động của quyền lợi chung là môi trường gia đình, nghề nghiệp, hàng xã, hàng tỉnh và đất nước ». Cái khuynh hướng chuyên hoành trên hiện đang được bồi dưỡng và phát triển trong nội bộ Tổ chức Quân đội Bí mật (OAS). Sở dĩ tổ chức này phải hoạt động trong vòng bí mật, đó là vì cuộc chiến thắng của các người theo phe chủ trương « duy trì lá cờ tam tài tại Phi-châu » bị

quốc dân đâm ra nghi ngờ quá mua chóng. Cuộc chiến thắng ấy bị ba áp lực chính yếu làm cho nó trở nên hết sức mong manh, khiến khó lòng để quốc dân tin tưởng lâu hơn nữa được. Ba áp lực đó là : thực tại Algérie, thực tại quốc tế và thực tại nội bộ.

Trước hết, xin nói về áp lực của thực tại Algérie. Như ta đã biết, chính sách của chính phủ Pháp chỉ có thể đứng vững nếu chính phủ bảo đảm được với quốc dân rằng mình sẽ thắng nổi bọn khởi nghĩa bằng quân sự. Song thực tế cuộc tranh đấu vẫn tiếp diễn và có cơ kéo dài chưa biết bao giờ mới chấm dứt. Một nhà quan sát chính tình quốc-tế rất khách quan, ông Thomas Oppermann, người Đức, khi bàn về vụ Algérie, vào cuối năm 1958, viết :

« Một đôi phương như Mặt Trận Giải phóng Quốc gia (FLN), không được coi là một chính phủ thù địch, cũng không được coi là một đảng phái khởi loạn có võ trang theo công pháp, thì tất nhiên phải coi nó là một phong trào không đáng kể và không có đủ khả năng ngăn cản quân đội tăng cường của chính phủ tại Algérie phục hồi trật tự. Vậy nếu trật tự vẫn không phục hồi được mà trái lại Mặt trận Giải phóng Quốc gia (FLN) với quân đội của họ vẫn được tăng cường một cách hiển nhiên và công khai thì phải nhìn nhận sự kiện này là chủ trương của chính phủ Pháp quả mỗi ngày mỗi dờn xa thực tế ».

Thứ đến áp lực bên ngoài. Áp lực của Liên Hiệp Quốc thụ lý vấn đề Algérie từ năm 1955 là áp lực khá mạnh, khiến nước Pháp phải dự thảo ngay đạo loi-cadre năm 1957. Bản tường trình của chính phủ Bourghès-Mannoury hồi tháng bảy 1957 về dự thảo đạo luật, trong đoạn nói về lai do của dự thảo, mở đầu bằng mấy lời sau đây : « Từ mấy tháng nay, chính phủ Cộng hòa chú tâm khai thông để tìm ra những căn bản cho một giải pháp hòa bình, dân chủ và công bình cho vấn đề Algérie ». Mấy lời trên, đáp ứng thực đúng nguyện vọng của Đại Hội Đồng Liên Hiệp Quốc, nhân kỳ thảo luận ngày 15-2-1957, yêu cầu Pháp hãy đưa ra « một giải pháp hòa bình, dân chủ và công bình » cho vấn đề Algérie.

Tuy không rõ rệt bằng áp lực của Liên-Hiệp-Quốc, áp lực của các nước Tây Minh, đặc biệt của Hiệp-Chúng-Quốc vốn có chủ trương chống chủ nghĩa thực dân và vốn e ngại một cuộc phân tranh có thể làm suy giảm lực lượng Tây Minh về phương diện quân sự và chính trị. Áp lực này không phải là không đáng kể. Dấu hiệu thứ nhất của áp lực diễn ra nhân vụ Hiệp-Chúng-Quốc thất bại trong cuộc hành quân tại Suez. Ảnh hưởng của vụ Suez đối với vụ Algérie thực rõ ràng. Ngày ấy, ông Kennedy còn là thượng-nghị-sĩ, đã lên tiếng nói ra những lời rất đanh thép. Ít ngày sau (tháng giêng 1958), thượng nghị sĩ dân chủ Mansfield viết trong

thuyết trình đệ lên thượng nghị viện Mỹ như sau :

« Trước hết phải đem lại cho vấn đề Algérie một giải pháp tức thời để cho Algérie vừa được hưởng độc lập chính trị tới một mức độ quan trọng, vừa duy trì được mối bang giao chặt chẽ với nước Pháp... Nước Pháp phải chịu nhượng bộ ít nhiều... ».

Trong khi hội đàm với các bộ trưởng Pháp, các nhà lãnh đạo Hiệp-Chúng-Quốc thường nhấn mạnh về sự cần thiết phải đưa ra một giải pháp rộng rãi, khoáng đạt cho vấn đề Algérie. Áp lực của họ tỏ ra mãnh liệt hơn sau vụ oanh tạc làng Sakiet - Sidi - Youssef của Tunisie và nước Pháp khi đó đã phải nhờ tới sự trung gian của Anh - Mỹ để điều đình với Tunisie. Đây là lần đầu tiên Pháp chịu chấp nhận để một đệ tam nhân đứng ra làm kẻ điều thoại cho mình được nói chuyện với Bắc Phi.

Từ « kết nhập » tới « cá tính Algérie »

Sau nữa là áp lực bên trong. Chính sách của ông Guy Mollet bấy giờ, mặc dù trên thực tế và theo các định chế, là một chính sách kết nhập, intégration, song có thể coi chính sách ấy chính thức là một chính sách căn cứ vào sự tôn trọng « cá tính Algérie ». Người ta thấy lời lẽ tuyên bố của thủ tướng Guy Mollet phảng phất một ý muốn đưa ra chủ trương liên bang và chủ trương này

đã được các nhà cầm quyền Pháp đưa tới cho các nhà lãnh đạo kháng chiến Algérie để dò ý trong các vụ tiếp xúc bí mật, nhưng đã bị chối từ. Dù sao, tại Pháp, giữa 1956 và 1958, giải pháp liên bang có chiều tiên tới. Nhiều người coi đó là một giải pháp trung dung, thực tế hơn giải pháp kết nhập và có điều hay là vừa thỏa mãn được nguyện vọng của Algérie vừa duy trì được chủ quyền của Pháp. Nhiều dự án liên bang hay bang liên được thảo ra, có khi được Hiệp-Chúng-Quốc ủng hộ, có khi được Tunisie hay các đại biểu dân cử Hắc Phi ủng hộ nữa. Ông Pflimlin nói đến « Cộng hòa Pháp phân quyền rộng rãi », thống chế Juin nói đến « liên bang Pháp phân quyền rộng rãi ». Các dự án trên làm cho một số người Pháp lo ngại và nghĩ rằng chế độ liên bang sẽ là mầm mống của sự phân tranh, ly tán. Tuy nhiên dự án ngày càng sản ra nhiều và lần lần người ta không thấy có gì là không thể dung hợp được với chủ trương của các giới chính thức vẫn thường tuyên bố tôn trọng cá tính Algérie.

Bắt đầu từ 1957, một chủ trương đòi lập khác có chiều muốn triển dương sâu rộng. Chủ trương này đặt nền tảng chính yếu vào các lý do kinh tế và có tính chất giống với chủ trương bang liên Gia-Nã-Đại của Cartier. Raymond Aron, vốn có tiếng thiên hữu, là một trong những người dám nói lên rằng đưa Algérie tới độc lập là một

chính sách có thể lý hội và có lẽ hợp lý đối với nước Pháp. Một thuyết trình của các công chức cao cấp trong các bộ của chính phủ được phổ biến sâu rộng, cũng nói trắng ra rằng : « Thương nghị trực tiếp với kháng chiến Algérie là một thái độ có thể chấp nhận được ». Lại có nhiều người khác đề nghị kế hoạch chia cắt Algérie và người ta bảo chính ông Pineau, ngoại trưởng, cũng đã tỏ ý hưởng ứng đề nghị ấy trong một cuộc hội đàm với ông Nehru. Sau hết, có phe đòi lập nội bộ Pháp lên tiếng trách vấn chính phủ đã dung túng cách dùng những phương tiện không xứng đáng để thực hiện chánh sách của mình. Họ tổ chức thành những cuộc vận động bài trừ các vụ đàn áp và tra tấn dã man tại Algérie. Họ nhằm đả kích phương tiện. Song thực ra họ đã đụng tới cứu cách của chính sách, khiến uy tín và hiệu lực của chính sách bị giảm đi rất nhiều.

Dưới ba áp lực : thực tại Algérie, thực tại quốc tế và thực tại nội bộ, nước Pháp bị bó buộc phải đưa ra đạo *loi-cadre* tháng hai 1958, sau nhiều cuộc thương lượng, điều đình rất kỳ khu. Song đạo *loi-cadre* ra đời cũng chẳng đem lại được giải pháp gì thỏa đáng, cho tới ngày thượng tướng De Gaulle lên nắm chính quyền và đặt ra *Đệ Ngũ Cộng Hòa*.

(còn một kỳ nữa)

HOÀNG-MINH-TUYNH

BÁCH KHOA CXXVI

THAI BANKING SERVICES IN SAIGON

Bangkok Bank Ltd.

SAIGON BRANCH

44, *Nguyễn-Công-Trứ*, 44

S A I G O N



HEAD OFFICE

Plapplachai, Bangkok.

OVERSEAS BRANCHES:

LONDON

Barrington House 59-67 Gresham Street, London, E.C. 2

TOKYO

No. 1, 2-Chome Muromachi, Nihonbashi, Chuo-ku, Tokyo

HONGKONG

60, Bonham Strand West.

CENTRAL DISTRICT

Shell House, Queen's Road.

KOWLOON

580 A. Nathan Road Kowloon.

SINGAPORE

64 South Bridge Road.

KUALA LUMPUR

14 Ampang Street.

**Société Indochinoise de Documentation
et de
Représentations Commerciales
(S. I. D. E. R. C. O.)**

Exclusivités :

Whisky BALLANTINE'S »

Cognac « COURVOISIER »

Sardines « LES OCÉANIDES »

Champagne « HEIDSIECK & C°
MONOPOLE »

Vins de Chianti et Vermouth
« MIRAFIORE »

Vin Rose Valpolicella Chiaretto
« MONTRESOR »

Huile d'Olive « ADOLPHE PUGET »

18, Bến Bạch Đằng
SAIGON

Tél : 20.055

**La Société Urbaine Foncière
(S. U. F. O.)**

18. BEN BACH DANG — SAIGON

BÁC SĨ HỒ THÍCH

NHÀ CÁCH MẠNG VĂN-HỌC TRUNG QUỐC ĐÃ TỪ TRẦN

NGUYỄN-HIẾN-LÊ



Bác sĩ Hồ Thích

Time

ông không cống hiến cho nhân loại được nhiều, mà về văn tài thì ở Trung-Hoa trong nửa thế kỷ nay còn có người hơn ông, chẳng hạn Quách-Mạt-Nhược, Lỗ-Tấn, Lâm-Ngữ-Đường... Nhưng ai cũng phải nhận rằng ông là một trong số ít cây bút có ảnh hưởng lớn nhất trong lịch sử văn học hiện đại của thế giới vì năm 1917 ông đã đề xướng cuộc cách mạng văn học không tiền trong lịch sử Trung-Hoa, và năm sáu trăm triệu dân Trung-Hoa mà mau tiến được trên đường Âu-hóa, trên đường dân chủ, một phần lớn là nhờ công ông.

* *

Để độc giả dễ nhận tính cách quan trọng vô cùng của cuộc cách mạng văn học đó, dễ nhận nhân lực siêu quần và hùng tâm đáng phục của Hồ tiên sinh, chúng tôi nghĩ cần phải trình bày sơ sơ địa vị của bạch thoại Trung-Hoa thời đó.

Ai cũng biết rằng ngôn ngữ một dân tộc luôn luôn thay đổi: có những tiếng biến nghĩa đi, có những tiếng khác chết

Bác-sĩ Hồ Thích — tự là Thích-Chi — viết khá nhiều loại: khảo cứu triết học, phê bình văn học, tùy bút, du ký, cả truyện ngắn nữa. Và đôi khi cũng làm thơ. Tôi chỉ mới được đọc hai tác phẩm chính của ông tức *Trung-Quốc Triết học sử đại cương*, *Bạch thoại văn học sử* và vài tiểu phẩm như tập du ký *Nam du tạp lục*, thiên khảo luận *Tam bất hủ*... Tôi thấy

hân (nghĩa là không còn dùng trong dân gian nữa), lại có nhiều tiếng mới sinh, rồi từ cách phát âm, tới ngữ pháp cũng thay đổi. Cứ so sánh Việt ngữ bây giờ với Việt ngữ thời vua Quang Trung — mà nói chi xa, ngay thời Trương-vĩnh-Ký, Huỳnh-tĩnh-Cử — thì rõ điều đó.

Trong một nước mênh mông như một lục địa, tức Trung Hoa, gồm bao nhiêu miền cách xa nhau, bao nhiêu dân tộc đồng hóa nhiều hay ít, thì lại còn thêm rắc rối vì văn đề thổ ngữ nữa, và dân miền này không hiểu được tiếng nói của dân miền khác. Người Hoa Nam không hiểu người Hoa Bắc, người Triều Châu không hiểu người Tứ Xuyên... Muốn nói chuyện với nhau họ phải dùng lối bút đàm, dùng văn tự.

Vậy ở Trung Hoa ngôn ngữ đã khó thống nhất được, thì phải thống nhất văn tự để thống nhất quốc gia. Và công việc thống nhất văn tự được thực hiện vào đời Tần. Thấy chữ 天, chữ 地 chẳng hạn, người mỗi miền tuy đọc khác nhau rất xa mà cùng hiểu rằng chữ trên chỉ trời, chữ dưới chỉ đất. Thống nhất văn tự thì đồng thời thống nhất cả cách đặt câu, dùng chữ, và từ đó về sau, khắp Trung Hoa, người nào viết văn cũng theo một kiểu mẫu không thay đổi. Lối văn đó mới đầu, ở đời Tần chắc không khác ngôn ngữ thường ngày tại miền Bắc. Nhưng dần dần ngôn ngữ thường ngày thay đổi tùy thời, tùy miền, mà lối văn kiểu mẫu để viết kia lại không thay đổi, thành thử sự cách biệt giữa hai lối viết và nói đó mỗi ngày một tăng lên, và người ta phân biệt: lối viết là *cổ văn*, lối nói là *bạch thoại*.

Tới cuối đời Thanh, nghĩa là non hai ngàn năm sau sự thống nhất văn tự của nhà Tần, cổ văn và bạch thoại khác nhau quá xa đến nỗi các cụ Cử, cụ Tú của ta, rất thông cổ văn mà trông vào bạch thoại nhiều chữ không hiểu; và các cậu Tú Trung-Hoa ngày nay chỉ học bạch thoại, không học cổ văn thì nhìn vào cổ văn cũng chỉ hiểu lôm bôm.

Cho tới cuộc cách mạng Tân-hội (1911), ở Trung-Hoa chỉ có cổ văn là được dạy, được dùng trong mọi sách vở, công văn. Thành thử có hiện tượng lạ lùng này: nói chuyện với nhau thì người ta dùng bạch thoại, ngôn ngữ đương thời mà hễ cầm cây bút để viết — dù là một bức thư tình, một bức thư đòi nợ — thì người ta dùng cổ văn, ngôn ngữ của hai ngàn năm trước. Ta cứ tưởng tượng nếu ngày nay chúng ta dùng thứ Việt ngữ của thời Hai Bà Trưng để dạy học, viết lách, hoặc người Pháp dùng thứ Pháp ngữ trong những «chansons de geste» thì gần thấy được sự rắc rối bất tiện của hiện trạng kể trên.

Thực ra bạch thoại cũng đã được dùng trong các đời Nguyên, Minh để viết một số tường, một số tiểu thuyết, nhưng hạng trí thức Trung-Hoa vẫn coi những tác phẩm đó là « ngoại thư » là tầm bậy tầm bạ, không nên đọc, mặc dầu nhiều tác phẩm rất có giá trị về văn học, cho nên họ muốn đọc thì phải đọc lén mà chính tác giả nhiều nhà cũng không dám đề tên thực của mình lên tác phẩm.

Hiện trạng đó có những bất lợi rất lớn cho văn hóa Trung-Hoa :

— chỉ một số người thông minh, đủ ăn (khoảng 5% dân chúng) mới biết đọc biết viết.

— họ phải học « tử công phu », mười năm đèn sách là ít.

— cái học của họ ít có lợi cho quần chúng vì họ viết ra, quần chúng đọc không hiểu, hoặc hiểu không rõ.

— văn hóa khó mà truyền bá được sâu rộng — chỉ trong số 5% dân chúng — cũng khó mà tiến được vì hiện tượng đó gây tinh thần sùng cổ, bảo thủ.

* * *

Ngày mùng 10 tháng 10 năm Tân hội tiếng súng cách mạng nổ ở Vũ-Xương; sáu năm sau (1917) Hồ-Thích tiên sinh đề xướng việc cải lương văn học. Lúc đó ông mới du học ở Mỹ về, hăng hái muốn cải tạo xã hội, cho rằng văn học không phải là vật đặc hữu của 5% quốc dân, mà phải lan tràn khắp quần chúng.

Ông đăng bài *Văn học cải lương xó nghị* (Bàn về sự cải lương văn học) trong tạp chí *Tân thanh niên*, chủ trương rằng :

— Văn học phải tùy thời thay đổi

— Văn bạch thoại là văn chính tông của Trung-Quốc và là lợi khí của văn học tương lai.

Ít lâu sau ông vạch tám quy-tắc cải lương văn học (người Trung-Hoa gọi là *Bát bất chủ nghĩa*) :

1^o — Có điều gì đáng nói thì hãy viết.

2^o — Đừng nô lệ cổ nhân.

3^o — Nền giảng về ngữ-pháp.

4^o — Đừng « vô bệnh thân ngâm » (không đau mà rên), nghĩa là phải tránh thói ủy mị.

5^o — Tránh dùng những tiếng sáo, những điệu cũ rích.

6^o — Không dùng điển.

7^o — Không dùng phép đối ngẫu.

8^o — Cút dùng những tiếng thông tục.

Năm sau ông lại viết một bài nữa chủ trương bốn điều dưới đây : (người Trung-Hoa gọi là *Tứ điều chủ nghĩa*).

1^o — Có điều gì đáng nói thì mới nói.

2^o — Có điều gì thì cứ nói thẳng ra.

3^o — Dùng lời của ta, đừng mô phỏng người.

4^o — Người ở thời đại nào thì dùng tiếng của thời đại ấy.

Ông đề xướng rồi Trần - Độc - Tú hưởng ứng, hô hào :

— đã đảo lỗi văn điều luyện của quý tộc ; kiến thiết lối văn bình dị của quần chúng

— đã đảo lỗi văn cổ điển, hủ bại, khoa trương ; kiến thiết lối văn tả chân, mới mẻ, thành thực,

— đã đảo lỗi văn tối tăm, khó hiểu ; kiến thiết lối văn rõ-ràng, thông tục.

Ta thấy chủ trương của Trần chỉ là quy-kết tự nhiên của *Bát bất chủ nghĩa* và *Tứ điều chủ nghĩa* của Hồ (chỉ khác là giọng của Trần mạnh hơn) mà *Bát*

bất chủ nghĩa với Túc điều chủ nghĩa cũng là quy-kết tự nhiên của chủ trương :

Văn bạch thoại là văn chính tông của Trung-Quốc và là lợi khí của văn học tương lai.

trong bài *Văn học cải lương xô nghị*.

* *

Tất nhiên hoàn cảnh đã giúp ông — xã hội Trung-Hoa lúc đó cổ hủ quá rồi, đương có một sự biến chuyển lớn lao — tất nhiên, ông đã được một số học giả như Khang, Lương mở đường cho, và được một số bạn ủng hộ ; nhưng ta thử nghĩ, một mình ông mà dám đương đầu với cả cái giới sĩ phu Trung Hoa thời đó, dám đả đảo một truyền thống thiêng liêng từ mấy nghìn năm, đả đảo cổ văn mà cả dân tộc ông đều tự hào là quý báu vô cùng — họ tự hào là phải và chính ông, ông cũng rất trọng cổ học — để đề cao văn bạch thoại lên, cho nó là *văn học chính tông của Trung-Quốc*, thì cái hùng tâm của ông thực là đáng kính ! Mà hồi đó ông mới 26 tuổi !

Sở dĩ ông có được hùng tâm đó là vì ông có một nhân lực phi thường. Ông biết rằng cuộc cách mạng của Tôn Trung Sơn dù có thành công hoàn toàn — lúc đó nó mới chỉ thành công được một phần — dù tam dân chủ nghĩa được áp dụng triệt để, mà không thay đổi nền giáo dục của Trung-Hoa, không thay đổi dụng cụ để phô diễn tư tưởng, nghĩa là bỏ cổ văn mà dùng bạch thoại thay vào — thì dân tộc Trung-Hoa cũng không sao tiến hóa mau cho kịp thời

được. Một dân tộc dù có năm sáu trăm triệu người mà chỉ có 5 % dân chúng biết đọc, biết viết, thì dù có dùng những giải pháp chính trị, kinh tế mầu nhiệm đến đâu đi nữa, cũng không thể là một dân tộc hùng cường được.

Vậy thì sau cuộc cách mạng chánh trị của họ Tôn, phải có một cuộc cách mạng văn học; cái sau bổ túc cho cái trước. Và ông tự lãnh nhiệm vụ hoàn thành cuộc cách mạng sau. Tôi nói « hoàn thành » vì không phải chỉ đưa ra những đề nghị mà đã gọi là thành công được. Ông còn phải chiến đấu với phái thủ cựu. Họ đông ghê gớm, mà quyền uy của họ rất mạnh. Họ nhao nhao lên phản đối ông — ngay Lâm Thụ một nhà cựu học có tinh thần rất mới, có công dịch 93 tiểu thuyết Âu, Mỹ, để giới thiệu với đồng bào — cũng mặt sát ông kịch liệt. Họ mỉa mai rằng theo chủ trương của ông thì cứ mời ngay những anh chàng bán « phá xa », bán « táo xoạn » vô làm giáo sư Đại học cho rồi; họ tìm cách lật đổ ông và nếu không được Thái-Nguyên-Bồi — một học giả nổi danh — bênh vực thì chắc ông đã mất chức giáo sư (người Trung-Hoa gọi là giáo thụ) ở Bắc kinh Đại học.

Nhưng rồi họ đuối lý, và chính Lâm Thụ chẳng còn biết chỉ trích ông cách nào, đâm ra lẩn thẩn, viết một bài tưởng tượng ra một bậc « trượng phu » đã ba nhân vật mà Lâm bịa tên để ám chỉ Hồ Thích, Trần-Độc-Tú, Tiền-Huyền-Đông, đã một trận nên thân và ba nhân vật kia phải năn nỉ mới được tha.

Phải dùng đến thủ đoạn đó để bứt chiến thì người ta đã tự nhận là thua

rồi. Hai năm sau khi bài *Văn học cải lương xó nghị* ra mắt độc giả, nhân cuộc Ngũ tứ vận động (4-5-1919), khắp Trung Quốc nổi lên những cuộc biểu tình để phản đối đồng minh đã ăn hiệp Trung-Hoa trong hội nghị Versailles, phong trào cách mạng văn học của Hồ phát triển càng mạnh, và năm sau (1920) ông toàn thắng : Tổng trưởng bộ Quốc gia giáo dục ra chỉ thị cho các trường phải dạy bạch thoại.

* *

Vừa chiến đấu với phái thủ cựu, Hồ tiên sinh vừa sáng tác bằng bạch thoại để chứng minh cho dân chúng rằng văn bạch thoại đủ khả năng diễn những tư-tưởng triết học uyên áo nhất. Năm 1919 ông cho xuất bản cuốn *Trung-Quốc triết học sử đại cương* dày khoảng 600 trang. Tiếc rằng cuốn đó chỉ xét Triết học thời thượng cổ mà ông không tiếp tục viết nốt những thời sau. Rồi ông lại soạn thêm bộ *Bạch thoại văn học sử* gồm khoảng ngàn trang để chứng minh cái hay, cái đẹp của văn bạch thoại.

Từ đó dân chúng không còn nghi ngờ khả năng của bạch thoại, và trong nửa thế kỷ nay văn bạch thoại đã hoàn toàn thay thế cổ văn, đã sản xuất được nhiều tác phẩm giá trị, đã giúp cho Trung-Hoa diệt được nạn mù chữ một cách khá mau, giảm bớt được cái công học cho mấy trăm triệu người trong không biết bao nhiêu thế hệ nữa ! Công của Hồ tiên sinh thực là vĩ đại, đúng là bất hủ, sẽ lưu truyền trong thời gian vô cùng. Ông đáng đứng ngay bên

cạnh Tôn - Trung - Sơn. Và tôi chưa thấy trong văn học sử những nước mà tôi được biết, một bài báo nào ảnh hưởng lớn lao như bài *Văn học cải lương xó nghị* của ông. Trên kia tôi đã nói ông không cống hiến gì nhiều cho nhân loại ; tôi đã lầm : khi một người cống hiến như vậy cho một phần năm nhân loại thì nhân loại còn đòi gì hơn nữa ?

* *

Ông dạy cho chúng ta bài học này : muốn làm một việc lớn thì phải có một nhân lực phi thường, phải có hùng tâm tuyên bố ra mặc dầu ý đó đụng chạm rất nhiều người (tôi nghe nói ông rất thích câu này của Phạm - Trọng - Yêm : « Ninh minh nhi tử, bất mặc nhi sinh » (1) ; rồi phải chiến đấu cho ý nghĩ đó, rồi lại thực hành liền ý nghĩ đó cho người ta thấy rằng ý đó đúng.

Tiểu sử của ông, sự nghiệp giáo dục của ông (ông là đồ đệ của triết gia Mỹ Dewey), sự nghiệp văn chương, sự nghiệp biên khảo của ông, công việc chiến đấu cho tự do dân chủ (ông không vô một đảng phái nào cả)..., chắc có nhiều báo Hoa văn và Việt văn nữa đã hoặc sẽ nhắc lại đầy đủ, chúng tôi không muốn bàn thêm, chỉ xin ghi lại rằng Tiên-sinh sanh ở tỉnh An-Huy năm 1.891 và mất ở Đài Bắc ngày 24 tháng 2 d. l. vừa rồi, thọ 71 tuổi.

Sài gòn 10-3-62

Nguyễn-Hiền-Lê

(1) (Có điều bất bình) thà kêu lên tức phản đối tới chết, chứ không làm thỉnh dề sống.

CÁC TRẺ SƠ SINH

VÀ TRẺ EM

NUÔI BẰNG

SỮA BỘT



Guigoz

— Mau mạp

— Ít đau

— Chóng lớn

— Khỏe mạnh

Tổng phát hành : TRUNG VIỆT DƯỢC PHẠM CUỘC

66, GIA-LONG — SAIGON

JASPERS HIỆN SINH VÀ SIÊU VIỆT

(xin xem B. K. từ số 123)

2. Siêu-việt-thể của Jaspers

Trần-Hương-Tiê

Jaspers còn dùng Phương-pháp « soi vào » để tìm thấy Siêu-việt trong hai thái-độ của con người trong lịch-sử. Vì triết Hiện-sinh không dùng lý-luận, và chỉ dùng « soi vào », nghĩa là chỉ dùng suy-tư để nhận định những giá-trị chân-chính của những hiện-trạng có thực, cho nên Jaspers không thể không nghiên-cứu về hai hình-thức sinh-hoạt của tín-ngưỡng : *vô-thần* và *tôn-giáo*. Cũng như chúng ta đã thấy Jaspers xử dụng phương pháp « soi vào » để nhận ra tự-do hiện-sinh chính-thực qua những hình-thức của sinh-hoạt mệnh danh là tự-do, thì ở đây ông cũng dùng phương-pháp đó để nhận định đâu là Siêu-Việt đích-thực.

Trước hết chúng ta hãy thử xem *sinh-hoạt vô-thần*. Ở đây, Jaspers đã chỉ-trích thậm-tệ Nietzsche, mặc dầu sau đó ông đã truy-nhận những giá-trị cao-quý của tư-tưởng Nietzsche. Nietzsche là người suy-tôn con người, và để suy-tôn đến cùng, Nietzsche đã đặt con người làm Thượng-đế cho con người : Thiên Chúa chết rồi, tự nay chỉ còn lại con người. Triết-học Nietzsche là một *Nhân-bản chủ-nghĩa* coi con người là tất cả, Chính trong ý đó, Nietzsche đã phải tạo ra Siêu-nhân, con người ở trên con người ; làm thế, vì Nietzsche thấy tổ-tường con người là một hướng lên, và hướng lên cái Vô-cùng. Không còn Thượng-đế,

Nietzsche đành gọi cái vượt lên trên con người đó là *Siêu-nhân*. Jaspers cũng chủ trương con người phải luôn luôn vươn lên, cho nên Hiện-sinh chính-thực là hiện-sinh khả hữu; tuy nhiên, khác với Nietzsche, Jaspers nhấn mạnh không kém về tính-chất hữu-hạn của con người. Jaspers nhắc đi nhắc lại từng trăm lần rằng: con người không tự sáng-tạo nên mình, cho nên tự-do của con người là một Tặng-phẩm do Thượng-đế ban cho con người; cũng cần phải nhớ rằng tự do của con người không tuyệt-đối, nhưng là một tự-do hữu-hạn. *Bản-tính con người là hữu-hạn*. Là hữu-hạn, nhưng « hữu-hạn-tính của con người không khép kín lại như ta thấy nơi con vật ». (*Foi philosophique*, p. 90). Hơn nữa, con vật chịu đóng kín trong hữu-hạn và nó không có ý thức gì về giới-hạn đó hết; trái lại, duy con người tự ý thức được tình-trạng bị giới-hạn của mình. Đã thế, hoặc vì điên rồ, hoặc vì cố chấp, « *tất cả những ai muốn cho mình có tự-do tuyệt-đối đều là hạng bị quỷ ám* » (Ibid. p. 168). Cho nên những kẻ vô-thần, kể cả Nietzsche, đều là những người bị quỷ ám theo nghĩa trên đây. Quỷ-thần là một ảo-ảnh của Siêu-việt: nhiều người tôn-thờ Quỷ-thần và coi chúng là Thượng-đế; cũng vậy, nhiều triết-gia đã lẫn chất quỷ-thần với chất thần-linh. Thực ra hai hình-thái đó khác nhau lắm: « Cả hai cùng ở xa tít trên miền Yên-lặng, nhưng con người tôn-giáo trở nên sáng suốt trước Thượng-đế, còn người quỷ-thần thì bị chìm trong dày-đặc của chất quỷ-thần. *Người quỷ-thần là ý-chí ngạo-mạn muốn tự đặt mình làm tự-do tuyệt-đối; nhưng đó chỉ là một dự-tính*

tuyệt-vọng: người đó càng nhiều ý-thức thì sự thất-vọng càng tăng thêm. Nó tự làm khổ mình, và hết sức để tự làm khổ mình: nó phá phách tất cả mọi sự, và nó chỉ tự cảm thấy hiện-hữu khi phá phách như thế ». (Ibid. p. 169-170).

« Tất cả những ai muốn cho mình có tự-do tuyệt-đối đều là hạng bị quỷ ám ». Người quỷ ám là người tự cho mình là Thượng-đế của mình. Người quỷ ám là người điên rồ đến mức nghĩ rằng mình là đấng sáng-tạo nên mình. Jaspers nghiệm rằng: con người không thể không tự vấn về nguồn gốc của mình; mà đã tự vấn như thế, con người tất phải nhận-thức rằng « *mình không thể chỉ là kết-tinh của cuộc tiến-hóa động-vật* » (Ibid. p. 84); hơn nữa, con người tự biết mình tuyệt-đối linh-thiêng hơn vạn vật và mình khác hẳn vạn vật ở chỗ *tự ý-thức* và có khả-năng vươn tới Vô-cùng. Nhưng chính người quỷ-thần, vì không tin có Siêu-Việt, cho nên đã lại tự hạ xuống hàng súc-vật. Tại sao? Vì « ngoài Thượng-đế ra, thì chỉ có những thần-tượng (idoles) mà thôi. Và thần-tượng là những hình-thái của vũ-trụ... Cho nên, ở quăng giữa Thượng-đế và vũ-trụ không có chi hết. » (Ibid. p. 173, 177). Nói thế nghĩa là con người vô-thần hoàn toàn sống trong ảo-tưởng: những thần-tượng chẳng qua chỉ là những ảo-tưởng do con người vô-thần tạo ra để an-ủi mình và lừa dối mình: họ lấy những thần-tượng đó để thay vào chỗ trống-trái của Thượng-đế trong đời họ. Sau bao nhiêu triết-gia khác, Jaspers cũng nhận-định rằng: con người không thể sinh-hoạt ngoài Thượng-đế được, cho nên *một* là chúng ta truy-nhận có Thượng-đế như chủ-đích mà Hiện-sinh ta vươn tới, *hai* là

ta chối Thượng-đế thì lúc đó ta lại tạo ra những thần-tượng cho mình. Nhìn vào xã-hội đang đắm chìm trong duy-vật ngày nay, Jaspers vạch cho chúng ta thấy : những người tự xưng là vô-thần lại chính là những người dễ dàng tôn thờ những cái vớ vẩn, như tôn sùng những minh-tinh màn bạc, suy-tôn những anh-tài như Gandhi v. v. (*Foi philosophique*, p. 178). Cổ-nhân nói con người là vật đầu đội trời chân đạp đất, thành thử nếu không đội trời nữa thì con người nhất định sẽ đội những thần-tượng như minh-tinh B. B., hiền-nhân Gandhi, lãnh-tụ Staline v. v. Rồi Siêu-Việt có thể là Đảng, là Phát-minh khoa-học v. v. Nhưng « *suy-tôn một con người làm thần-tượng như thế là thái-độ của những người bị quỷ ám. Chỉ những kẻ vô-thần mới hay suy-tôn những thần-tượng như vậy để tự tạo cho mình một thứ siêu-việt giả-hiệu; bọn chúng đã thần-thánh-hóa những con người bằng xương và bằng thịt.* » (Ibid. p. 181). Rút cục : những kẻ vô-thần tưởng mình tự-do tuyệt-đối, nhưng thực ra chúng đã sa xuống vực sâu của mê-tiên và đồn-mạt; chúng đã suy-tôn những con người hèn hạ như chúng (Ibid. p. 183).

Như vậy, nhờ phương-pháp « soi vào Hiện-sinh », Jaspers đã vạch cho ta thấy Vô-thần là con đường cùng (*impasse*); hơn nữa, Vô-thần còn là con đường dẫn tới chỗ tiêu-diệt mất tự-do chính-thực, tiêu-diệt Hiện-sinh chính-thực của con người. Vô-thần là chỗ diệt-vong; nhưng Vô-thần cũng là một Tượng-số xét theo chỗ nó cho ta thấy Vô-thần là giới-hạn của Hư-vô : xét theo ý đó, Vô-thần là một cảnh-cáo cho ta, một lời mách bảo chúng ta

rằng chúng ta không thể do đường Vô-thần để đạt tới Siêu-việt.

Bây giờ chúng ta quay sang xem Tôn-giáo là nẻo ngược lại với Vô-thần. Chúng ta chớ vội tưởng rằng Jaspers đón chào các Tôn-giáo như những con đường giải-thoát và dẫn thẳng con người tới Siêu-việt đâu. Ricoeur đã viết : « Nội-bi-ai của sự khước-từ Tôn-giáo là tiếng nói rõ nhất của phần Siêu-hình-học Jaspers. Đó là một sự khước-từ đầy xót-xa, khác hẳn giọng châm-biếm của Voltaire hoặc của nhóm Mác-Xít ». (*Dufrenne et Ricoeur*, p. 250). Jaspers vừa thấy tôn-giáo là cần-thiết cho sinh-hoạt con người, vừa thấy cần phải vượt qua những hình-thức tôn-giáo sùng bái. Dưới đây là những nhận xét của Jaspers về tôn-giáo.

Dùng phương-pháp « soi vào », Jaspers đã theo dõi sinh-hoạt của con người tôn-giáo : ông đã nhận ra ở đó những ưu-điểm lớn lao, nhưng cũng tố cáo những nguy-hiểm mà các hình-thức tôn-giáo sùng-bái mang lại cho Hiện-sinh.

Qua lời lẽ của ông, người ta thấy ông khước-từ tôn-giáo vì hai lẽ chính này : đức tin tôn-giáo thường là một an-nghỉ, và đức tin tôn-giáo thường sinh ra mê-tín. Trước hết Jaspers trách đức tin tôn-giáo là một an-nghỉ : những tín-đồ tự coi mình như đã đạt được Chân-lý tuyệt-đối, và chỉ mình họ có Chân-lý tuyệt-đối đó ; nhưng khi ai muốn tìm hiểu với họ về Thượng-đế, thì họ tỏ ra khinh bỉ và kiêu-căng : « Tôi đã đến gặp những nhà thần-học để học hỏi về chân-lý. Tôi đã chỉ mang về những buồn chán : tôi thấy không thể đối-thoại với

họ được. Họ chỉ nói đi nói lại mấy công-thức không ai có thể hiểu được ; nhất là họ chỉ đưa ra những lời khuyên nhủ. Thực ra họ không chút lưu tâm đến những thắc mắc của tôi. Đáng khác họ tỏ ra vững tâm một cách làm tôi sợ : vì họ chỉ biết khư khư nắm lấy niềm tin-tưởng của họ, cho nên tôi nghĩ rằng : Những người nắm chặt lấy chân lý một cách chung-thảm như thế, không thể nào đối-thoại với ai được ». (*Foi philosophique*, p. 105-106). Xem như thế, hình-thức tôn-giáo của các Hội-giáo dễ sinh ra đức tin công thức là thứ đức tin ngộ-đạo, cho mình là Chân-lý duy nhất, « chỉ mình có chân-lý, còn bao nhiêu người khác đều sống trong tối-tăm lầm lạc » (Ibid. p. 119). Sự tự-phụ này thường ngấm ngấm sui nên những cảnh vô nhân-đạo : cấm đoán và giết hại những tín-đồ của tôn-giáo khác ; ý-chí hùng-cường muốn bắt ép người ta gia-nhập tôn-giáo của mình. Jaspers vạch rõ những trang sử mà sự cuồng-đạo đã làm đổ máu bao nhiêu dân lành vô-tội, những cuộc đổ máu gây nên do những vị giáo-chủ ngộ-đạo đã súi dân lành của hai Hội-giáo giết lẫn nhau. Ngày nay, tuy sự cuồng-đạo không thể gây chết chóc nữa, nhưng nó vẫn là bức tường ngăn cách nhân-loại thành từng nhóm bíт kín và đố-ky nhau. Thành thử sự nguy-hiểm do tôn-giáo sùng-bái là một nguy-hiểm thực sự, nguy-hiểm sâu xa. Sâu xa vì rất ít khi người ta nhận thấy rằng đó là một sự ác : người ta thường cho những hành-động cuồng-đạo là những hành-động tốt lành, tốt lành vì người ta chỉ muốn đem những kẻ tối-tăm về con đường ánh sáng của chân

lý. Mà chân-lý thì chỉ có thể là chân-lý của Hội-giáo tôi. Để kết luận, Jaspers viết : « Ước mong phụng-sự chân-lý một cách hư-hỏng như vậy, con người đã tự bào-chữa cho những bản-năng thấp hèn trong mình và là những bản-năng hung-tợn nhất : đó là ý-chí hùng-cường, tính tàn ác, thích phá-phách. Người ta tưởng mình tranh đấu cho chân-lý ; thực ra người ta đã thả cương cho những bản-năng thẳm kín ». (Ibid. p. 124).

Xét về phương-diện thứ nhất này của tôn-giáo, người ta thấy tôn-giáo là một chương ngại cho tình huỳnh-đệ và cho mỗi Thông - Giao. Người tín - đồ cuồng đạo tự vít mình trong một thái-độ tự kiêu và tự mãn : họ lấy hết chân-lý về cho họ, và coi tất cả những người khác như chìm đắm trong tối-tăm. Đó là một hậu-quả tai hại. Một hậu-quả tai-hại khác là : sự cuồng-tín làm cho con người tự cho mình đã đạt được Siêu-việt, đã đạt được Chân-lý, cho nên những con người đó không cảm thấy cần tìm tòi hơn và vươn lên hơn nữa. Họ đã tới nơi : đức tin của họ đã cứng đống, đã an-ngỉ.

Nhưng Jaspers còn phê bình Tôn-giáo ở một điểm khác nữa : tôn-giáo thường sinh ra những hình-thức sùng-bái đầy mê tín. Jaspers nói ngay : tự nó tôn-giáo không sinh ra những mê-tín đó, nhưng vì bản tính con người là lười-biếng, mà lười biếng thì sinh ra mê-tín. Mê-tín chỉ là thứ tôn-giáo rẻ tiền, tôn-giáo của những người không có can-đảm sống đời sống tinh-thần của Tôn-giáo chính-thực. Người mê-tín là người muốn lấy vài hình-thức để làm (lắm bảм vài câu kinh, đốt nến hương,

dâng một số tiền, tổ chức một cuộc lễ linh-đình v.v.); họ muốn dùng mấy hình-thức dễ làm đó để thay thế cho sinh-hoạt thâm-thúy của đức tin. Sinh hoạt đức tin là điều khó, vì đòi buộc cả một cách sống đầy suy-tư và đầy hy-sinh tinh-thần; chính những hy-sinh tinh-thần này là mối ghê sợ cho những người tín đồ lười lãn; họ không có khả-năng hãm dẹp dục-tình, hãm tính tham lam, hãm xác thịt lãng loạn, hãm lòng thù oán, hãm lười gian ác v.v... Đàng khác, sinh-hoạt đòi có liên-tục và hành-vi sau phải hợp-lý với hành vi trước; trái lại những sự sùng bái thì không cần hợp lý chi hết, và chỉ là những hành-vi lễ tế không ăn-nhịp với cuộc đời. Những « hạm » ăn hối-lộ vẫn có thể gửi tiền cúng vào đền chùa hoặc nhà thờ để xin thần-linh bang-trợ cho những chuyến « làm ăn » của họ được an toàn; những tên gian phu dâm phụ vẫn đến chùa hoặc nhà thờ để cúng vái và cầu kinh, xia cho con cái chúng đẻ ra được an toàn mạnh giỏi; những kẻ thù hằn nhau, những kẻ suốt đời chỉ mưu toan ác hại tha-nhân, vẫn có thể dâng hoàng tổ chức những cuộc rước thần và lấy đó làm lễ phạt-tạ xin chư thần xóa bỏ những tội ác của họ v.v... Tóm lại, người ta thấy khá nhiều hình-thức mê-tín trong các tôn-giáo; và điều tai-hại là nhiều tín-đồ đã đương nhiên coi các việc cầu kinh và cúng vái kia như những phương tiện để « chuộc lại » những tội ác, mặc dầu con người không có thật tình hối cải. — Thêm vào đây, Jaspers chỉ trích những thần-thoại hoang đường mà nhiều khi các tu-sĩ làm ngơ cho dân chúng tin theo:

thí dụ những truyện thần-linh quật chết, « trời đánh thánh vật » những truyện về hình-khổ nơi Địa-ngục, những hình-ảnh về quỷ sứ v.v... « Tôn-giáo đã phát-sinh và duy-trì những sợ sệt ảo-tưởng, làm cho tâm-hồn con người khiếp-nhược ». (Ibid. p. 116). — Tóm lại, sự khiếp-nhược và sự lười biếng đã sinh ra mê-tín. Cho nên, « soi vào Hiện-sinh », Jaspers thấy rằng ít là ở chỗ này, tôn-giáo không đưa tới Siêu-việt, mà chỉ đưa tới những thần-tượng, tức những siêu-việt giả-hiệu mà thôi.

Nói thế có nghĩa là Jaspers tuyệt-đối chối bỏ tôn-giáo không? Qua mấy dòng trên đây, chúng ta thấy Jaspers đã can-đảm nhìn thẳng vào sinh-hoạt tôn-giáo: nhờ phương-pháp « soi vào », ông đã thấy rằng tôn-giáo chứa đựng khá nhiều nguy-hiểm cho sự vươn lên tới Siêu-việt. Tuy nhiên, ông cũng nhận-định thẳng thắn về vai-trò của tôn-giáo, và ông không khước-từ tôn-giáo như ông đã khước-từ Vô-thần. Jaspers nghĩ rằng tôn-giáo là một hình-thức cần-thiết cho Hiện-sinh, nhưng rồi Hiện-sinh phải vượt qua giai-đoạn tôn-giáo đó để tiến tới cái mà ông gọi là « niềm tin triết học » (foi philosophique). Trước hết ông cho tôn-giáo là cần thiết. « Triết-học không thể cung-cấp cho con người những cái mà tôn-giáo đã ban cho con người, cho nên tôn-giáo là một lãnh-vực riêng. Triết-học không tự đặt mình như chân-lý toàn-diện và duy-nhất. Đàng khác, trong một thế-giới vô tôn-giáo, chân lý triết-học không thể tồn tại lâu được: chính nhờ đức tin tôn-giáo mà thực-chất của triết-học được bảo-tồn và sống động » (Ibid. p. 148). Như vậy, tôn-giáo rất cần-thiết, vì không có tôn-giáo thì chân-lý, dầu là chân-

lý triết-học, không thể tồn tại được : thành thử những nước vô tôn-giáo cho ta thấy cảnh-tượng chiều tàn của chân-lý, vì ngoài chân-lý của bạo-lực và của chính-quyền ra thì không còn một chân-lý và công-bình nào hết. Đó là cảnh-tượng những nước cộng-sản, và những nước chuyên-chế. Rồi tôn-giáo còn cần-thiết để duy-trì truyền-thống nhân-đạo của con người : chính trong tôn-giáo, người ta gặp được những di-sản cao-quý nhất của tiền-nhân. Tôn-giáo là kết-tinh của những nỗ-lực cao cả nhất và những tư-tưởng nhân-đạo nhất : tôn-giáo còn là môi-trường phát-sinh ra những bậc anh-tài và thánh-nhân. Cho nên Jaspers không ngần ngại viết : « Tôn-giáo đã thực hiện tất cả những gì là lợi ích và vững bền trong lịch-sử nhân-loại. » (Ibid. p. 115). Như vậy phải kết luận gì ? Có nên duy-trì tôn-giáo không, hay là nên bãi bỏ nó như một quá-trình mà nhân-loại đã bước qua ?

Để trả lời câu hỏi trên đây, một câu hỏi rất khúc mắc và không được Jaspers trả lời trực-tiếp và gọn ghẽ, chúng ta thử tìm hiểu « niềm tin triết-học » vì đó là hình-thức tín-ngưỡng của ông. Jaspers đã muốn coi « niềm tin triết-học » như yếu tính của tương-quan giữa ta và Siêu-Việt. Có thể gọi đó là tôn-giáo theo quan-điểm Jaspers.

Jaspers đã soạn hẳn một cuốn sách, cuốn *La foi philosophique* (Niềm tin triết-học), để bàn về vấn-đề mà chúng ta thắc mắc. Tuy nhiên, khi nhìn vào tất cả 250 trang giấy của cuốn sách, chúng ta không khỏi thất vọng vì cách trình bày quá linh-động của triết-nhân. Dầu sao, chúng ta cũng có thể nhặt lấy vài định-nghĩa

của ông để làm căn-cứ cho những nhận-xét của chúng ta. Trước hết, Jaspers định-nghĩa : « Niềm tin triết-học là niềm tin của con người vào những khả-năng của mình. Niềm tin này nói lên tự-do-tính của con người ». (p. 100). Câu này quá rộng nghĩa : điểm duy-nhất cần được chú ý là Niềm Tin triết-học phải là hướng vươn lên của Hiện-sinh, cho nên niềm tin này đề cao tự-do của con người và sức vươn lên đến Vô-tận của con người. Ngay ở đây, người ta thấy Jaspers có ý đối-chiếu niềm tin triết-học của ông với những hình-thức tôn-giáo đã nô-lệ-hóa con người bằng những sợ sệt và bạc-nhược. — Khi muốn nói lên tính-chất đặc biệt của Niềm Tin triết-học, Jaspers thường đưa ra định-nghĩa này : « Nói cho chắc, Niềm Tin là một hành-vi hiện-sinh, khi hiện-sinh tự ý-thức rằng mình sống trong tương-quan với Siêu-Việt trong thực-tại của Siêu-Việt ». (p. 23). Đúng thế, như chúng tôi vừa nhắc lại trên đây, Niềm Tin triết-học là chính tương-quan sống động của Hiện-sinh (con người) và Siêu-Việt (Thượng-đế) : Niềm tin chính là cái thần-lực thúc đẩy chúng ta vươn lên mãi mãi cho đến khi thể-hiện được sự sống mật-thiết với Siêu-Việt. Có lẽ bây giờ chúng ta mới hiểu tại sao Jaspers đã nhiều lần viết rằng không có Siêu-Việt thì không thể có Hiện-sinh chính-thực : phải, nếu không có Siêu-Việt chính-thực (thí dụ trong cảnh vô-thần, hoặc trong trường-hợp con người suy-tôn những thần-tượng lên ngôi Siêu-Việt), thì con người không có hướng đi lên : những kẻ vô-thần và những kẻ tôn thần tượng làm Siêu-việt đều là những kẻ

bị quở ám, và kết cục đều bị đặt trước vực sâu của Hư-vô. « Những kẻ bị quở ám đó tưởng mình vươn lên cao lắm : thực sự, vì khước-từ Siêu-việt, cho nên chúng bị giam tù trong bản-tính con người. Hơn nữa, chúng tự đẩy mình xuống hàng súc vật. Súc vật thì như quở : và những người càng quở-thần thì càng giống súc vật ». (p. 175). — Đi sâu vào yếu-tính của Niềm Tin triết-học, Jaspers cho thấy đó không phải là một tri-thức, nhưng là một *bất-thức* (non-savoir), nghĩa là một tri-thức vì siêu-việt quá cho nên không thể đối-tượng-hóa và không thể dùng lời để diễn đạt được (p. 42-43). Trong ý đó, Jaspers thường nói : một Thượng-đế có thể chứng-minh được, không phải là một Thượng-đế, cho nên người ta không thể gặp Thượng-đế ở cuối một bài luận-lý và chứng-minh, nhưng người ta chỉ gặp Ngài trong Hiện-sinh đích-thực của ta mà thôi. Như vậy, Niềm Tin triết-học là một trạng-thức ở cao hơn tri-thức : Jaspers quả-quyết rằng chỉ khi nào con người đã chứng-nghiệm sự bất-lực của tri-thức luận-lý là tri-thức có đối-tượng phân-minh, thì khi đó Niềm Tin mới xuất hiện ra như một ánh sáng mới và một sinh-hoạt mới của tâm-trí.

Một cách cụ-thể hơn, Jaspers đã tự đặt câu hỏi : « Niềm Tin triết-học có thể trở thành một thực tại không, hay nó chỉ là một ảo-mộng ? ». Và Jaspers đã mạnh bạo trả lời rằng Niềm Tin có thể trở thành sự thực (p. 147). triết-học phải giúp tôn-giáo, nhất là các tôn-giáo theo truyền-thống của Thánh Kinh, vượt qua những hẹp hòi của tín-ngưỡng mình để đón nhận tất cả những gì là chân-lý của

các tôn-giáo khác. Tuy nhiên con người không thể bỏ hẳn tôn-giáo để theo triết-học, vì, theo lời của Jaspers, đứng ở ngoài những tôn-giáo, không thể có kinh-nghiệm về tôn - giáo. Khi người ta bỏ tôn-giáo để chỉ sống trong suy-tưởng triết-học, người ta sẽ đánh mất tính-chất thực-tại của tôn-giáo (p.148), Thành thử triết-học phê-bình tôn-giáo, đôi khi chống đối tôn-giáo để giúp tôn-giáo tránh khỏi trạng-thái an-nghỉ, nhưng triết-học không thể bỏ qua tôn-giáo. Tóm lại Jaspers nói ông không có tham vọng biến-cải tôn-giáo thành triết-học, và ông nghĩ rằng đầu việc đó có thể thực hiện cho một vài người trong nhân-loại, thì nhất-định toàn thể nhân-loại cũng không đi vào con đường đó (p.144).

Như vậy, Niềm Tin triết-học là gì ? Jaspers trả lời cho ta biết đó không phải là một tri-thức, nhưng là một bất-thức, tức một niềm tin ; ông lại cho ta biết Niềm Tin triết-học không có chủ-đích thay thế đức-tin tôn-giáo, nhưng chỉ có ý giúp đức tin đó tự vượt mình, bỏ trạng-thái an-nghỉ và độc-tôn để vươn tới mãi về chiều sâu và chiều rộng. Jaspers nghi-ky các tôn-giáo ở chỗ chủ-trương an-nghỉ và chủ-trương độc-tôn (p. 153) : an-nghỉ sẽ đưa các tôn-giáo đến chỗ sa xuống những mê-tín và hình-thức ; độc-tôn sẽ đẩy các tôn-giáo tới chỗ cuồng-đạo, gây thù-hằn và đổ-ky, và như vậy, thay vì trở thành nguồn phát-sinh ra thân-ái và cảm - thông, các tôn-giáo thường sinh ra chia rẽ và thù ghét nhau giữa các Hội-giáo. Có thể coi sự « an-nghỉ » như yếu-tố phá-hoại cho tự-do Hiện-sinh và « độc-tôn » là yếu-tố phá-hoại tình Thông-giáo. Thiếu tự-

do đích-thực, không thể có Hiện - sinh chính-thực ; thiếu Thông-giao, không thể có Niềm Tin là mối Tương-quan giữa Hiện-sinh và Siêu-Việt (p. 241). Niềm tin sẽ giúp con người tôn-giáo càng ngày càng đi sâu vào sự thông-hiệp với Siêu-Việt ; và đi sâu vào đây không có nghĩa là đi sâu vào bằng suy-niệm trừu-tượng, nhưng đi sâu vào bằng cách càng ngày càng « soi vào » Hiện-sinh của ta để tìm ra ở đây những đòi hỏi của Siêu-Việt và những tương-quan sâu xa hơn. Đồng thời Niềm-Tin giúp con người tôn-giáo càng ngày càng « soi vào » sinh-hoạt tôn-giáo của tha-nhân để nhận-định ra ở đây những hình-thức chân-lý khả dĩ bổ-khuyết cho sự hiểu-biết của ta về Siêu-Việt : ta phải coi tha-nhân như đồng quyền với ta về phương-diện chân-

lý và nhất là đồng-quyền với ta trong tình yêu của Thượng - đế : tha - nhân cũng là những nhân-vị cao quý như ta, và cũng được Thượng-đế quý trọng như ta. Định mệnh của ta không cao quý hơn định-mệnh của tha-nhân. Đó là ý-ng m-thông của Niềm Tin.

(còn một kỳ)

TRẦN-HƯƠNG-TU

CÁO LỖI

Vì lý do kỹ thuật bài của Ô. Nguyễn-Hiển-Lê phải tạm gác lại một kỳ, và sẽ đăng tiếp trên Bách-Khoa số tới 127.

Xin trân trọng cáo lỗi cùng tác giả và độc giả Bách-Khoa.

ĐI MÁY BAY

ROYAL AIR LAO

QUÍ KHÁCH SẼ VỪA LÒNG :

MAU CHÓNG - ĐỦ TIỆN NGHI
TIẾP ĐÃI ÂN-CẦN

SAIGON - PAKSE - SAVANNAKHET - VIENTIANE

Thứ tư — Thứ Sáu và Chúa Nhật

XIN HỎI Ở : 65, LÊ THÁNH TÔN

ĐIỆN THOẠI : 24.178

MÁNH-LỜI

ĐIỀU-TRA

ÔNG P... , quản lý một công ty xuất nhập cảng thực phẩm bị ủy ban kiểm giá phạt một số tiền lớn. Ông I... , chủ tịch ủy-ban kiểm giá bị tình nghi đã đề nghị cùng P... sẽ nhẹ tay, giảm số bạc phạt nếu P... tỏ ra biết điều, khăn y một số tiền xứng đáng.

Một bức thư nặc danh tố cáo I... được gửi đến Biện lý cuộc. Ông Biện lý chuyển sang phòng Dự thẩm. Ông Dự thẩm mở cuộc thẩm cứu, tạm truy tố kẻ vô danh đã can tội phù lạm, hồi lộ.

Ông Dự thẩm, có lẽ vì bận việc, có lẽ muốn mượn tay các sĩ quan tư pháp cảnh sát, dù sao cũng ủy-thác cho một quận trưởng công an nghe các nhân chứng, làm mọi việc khám xét, tịch thu cần thiết để phát huy sự thực trong vụ này.

Được ủy thác của phòng dự-thẩm, Công an hỏi cung các nhân chứng trong sổ đó có P... Viên quản lý một mực khai cho ông I... chủ tịch ủy ban kiểm giá có hứa giảm khoản phạt, số tiền dư phải cúng cả cho ông ta. Đền đây, Công an không biết tiền hành cuộc điều tra ra sao. Lầy lời khai của ông I... ? Tất nhiên ông I... không đại gì mà nhận một lỗi hiện còn vu vơ, không có một bằng chứng gì cụ thể. Làm sao cho có bằng chứng bây giờ ?

Một nhân viên công an vốn nhiều sáng kiến đưa ra mảnh lời gài bẫy người b tình nghi : làm sao khiến I... nhận tiền của P... rồi bắt tại trận.

Sau khi suy tính, quận trưởng công an xếp đặt như sau : P... sẽ điện thoại cho I... , nói bằng lòng giao tiền. Các câu văn đáp đã được

Công an soạn sẵn cho P... cứ theo đó, theo đó mà nói. P... y. kể thi hành, kêu đây nói cho I... tại ngay bàn giấy quận trưởng Công an, cứ theo « cầm nang » của Công an mà đề nghị, mà mặc cả... I chấp nhận. Quận-trưởng Công an, từ lúc đầu vẫn giữ một ông nghe và cho ghi-âm cả cuộc điện đàm đặt ông nói xuống, lập biên bản, tư tòa

Viên chủ tịch ủy ban kiểm giá bị tòa dưới phạt, bị tòa trên y án. Thượng tố lên tòa Phá án, ngày 12-6-1952, tòa án tối cao hủy bản án, *tuyên bố biên bản của công an vô hiệu* (1) vì lẽ khi hình-cảnh-lại được các thẩm phán ủy thác thẩm cứu có đủ nhiệm vụ của vị thẩm phán ủy quyền. Trong các nhiệm vụ ấy có nguyên tắc *thành tín*, phải làm việc một cách minh bạch, không được gài bẫy một ai (... qu'il est de principe qu'un juge d'instruction doit toujours agir à visage découvert en déclarant ses qualités et fonctions, et qu'il ne lui appartient pas de tendre des pièges aux témoins et aux inculpés pour amener ceux-ci à faire des déclarations pouvant se retourner contre eux).

Bản án tòa Phá-án ngày 12-6-1952 cho ta thấy :

1) Nguyên tắc THÀNH-TÍN không phải là một lời khuyên cáo lạc hậu, có người cho THÀNH-TÍN chỉ phù hợp với xã-hội khoảng trăm năm về trước, hồi ông tòa Vigneau bị đưa ra trước Thượng hội đồng thẩm phán (2), khi dân tình còn chắt

phác, chứ thời buổi bây giờ, thiên ma bách chiết, những kẻ lưu manh dùng các mảnh lời tân kỳ, lẽ nào cuộc thẩm cứu cứ phải cò-chấp với những nguyên tắc cổ hủ. Tòa Phá án không chấp nhận lý luận ấy và ngót trăm năm sau khi đã minh thị nêu ra nguyên tắc THÀNH TÍN vẫn còn áp dụng một cách triệt để.

2) Nguyên tắc THÀNH TÍN có một giá trị cưỡng bách. — Có người cho quan niệm THÀNH TÍN đượm mùi đạo lý, chỉ là một lời khuyên cáo xuống. Tòa Phá án, trong phán quyết ngày 12-6-1952 và nhiều bản án sau này, đã coi nguyên tắc THÀNH TÍN như là một *nguyên tắc đại tổng*, có tính cách cưỡng bách như một đạo luật. Thường thường Tòa Phá án chỉ tuyên bố vô hiệu một biên bản khi nào vi phạm một điều luật rõ rệt (như các điều 37 và kế tiếp Hình sự tố tụng về khám xét và tịch thu, điều 2 và kế tiếp luật ngày 8-12-1897 về hỏi cung bị can v. v...). Không có điều luật nào buộc các công việc điều tra phải làm trong phạm vi THÀNH TÍN. Ấy thế mà các hành vi thiếu THÀNH TÍN vẫn bị trừng phạt, Ông hội thẩm Brouhot chú thích bản án ngày 12-6-1956 đã viết: « Tòa án tối cao luôn luôn lo nghiêm trị mọi vi phạm, giúp các cơ quan bảo vệ trật tự và an ninh công cộng. Nhưng nhất định giữ sao cho

(1) Bản án đăng trong *Pháp lý tuần san* J.C.P. 1952 II. 7241.

(2) X. C. Bách khoa số 124 — trang 19

việc hình phải được giải quyết trong sự tôn trọng triệt để pháp luật và thành tín. Bản án mới rồi chúng tôi Tòa Phá án có ý kiểm soát không những thủ tục làm có hợp pháp không mà còn có đứng đắn không » (Cette haute juridiction a toujours eu et conserve le souci d'assurer la répression des infractions et de contribuer au maintien de l'ordre et de la sécurité publique. Mais elle entend que les affaires pénales soient conduites dans le strict respect de la loi, avec *loyauté*. Elle vient de clairement manifester son intention de vérifier non seulement la légalité des informations mais aussi — si l'on peut dire — leur correction).

3) Nguyên tắc THÀNH TÍN được áp dụng cho cả các nhân viên Tư pháp cảnh sát.

Không nói chỉ những hành vi phạm đến các điều đã được luật lệ minh thị cầm đoán, các nhân viên tư pháp cảnh sát lại không bao giờ được làm, như bóc thư riêng, vào nhà tư, tra tấn v. v... mặc dầu tội phạm lớn lao, bị can ngoan cố, điều tra khó khăn bức nào. Làm các hành vi đó, không những bị truy tố theo các điều 187, 184 và 309 Hình luật mà tất cả thủ tục điều tra bị vô hiệu tuyệt đối. Cho nên ngày 10-1-1951, tòa Thượng Thẩm Paris đã tha bổng bị can, tuyên bố biên bản cảnh sát vô hiệu khi, ban đêm, nhân viên công lực, vào nhà tư của một kỹ nghệ gia để chứng nhận việc chủ nhân đã chiếu phim

« con heo » cho bạn bè coi. Ngày 26-9-1960, Tòa Phá án Việt Nam đã thủ tiêu án tòa Thượng Thẩm Sài-gòn xử phạt con bạc vì lẽ biên bản khám xét của cảnh sát vô hiệu, phạm điều 2 sắc lệnh ngày 20-10-1924. Cho nên do bản án ngày 23-10-1959, tòa Thượng Thẩm Saigon đã xử phạt một nhân viên công lực bắt giam và tra tấn người trái phép v. v...

Nhưng cũng không thiếu gì các bản án tuyên bố biên bản của tư pháp cảnh sát vô hiệu vì thiếu thành tín, nhân viên công lực đã dùng những mảnh khoe không xứng đáng với sự trang trọng của Công lý. Tòa Phá án coi như phi pháp những mảnh lời không dung hợp được với những « nguyên tắc pháp lý siêu việt » tuy không nói ra nhưng chắc chắn đã làm nền tảng cho mọi cơ cấu hình sự (Il suffit, pour qu'un procédé soit illégal, qu'il apparaisse incompatible avec ces principes, informulés mais certains, qu'on appelle parfois « les principes supérieurs du droit » et sur lesquels reposent nos institutions criminelles — Blondet — J. C. P. 1958 — 1419)

Cho nên, ngày 12-6-1953, tòa Thượng Thẩm Colmar đã tuyên bố việc một thám tử nhìn vào khe cửa để chứng một vụ phạm gian là phi pháp và phi-luân (D. 1953. 653), ngày 21-5-1941, tòa Paris cho việc một kiểm soát viên kinh tế giả vờ đến mua gà của một công nhân thất nghiệp để lập biên bản bán

quá giá là bị ôi (Guz Pal. 1941. 2. 68); cũng như tòa Thượng Thẩm Limoges hủy biên bản của một nhân viên cảnh sát đã nấp trong tủ để nghe qua cánh cửa câu chuyện trong phòng vì « đời tư người ta là một khu vườn kín, không ai được ghé mắt tò mò » (Cass. 18-3-1955. D. S. 1955. 573)

Khắt khe như vậy không phải vì Tòa Phá án quá nệ cổ, hoá cổ chấp. Trái lại, tòa án Tối cao lúc nào cũng chăm lo trừng phạt các tội phạm, bảo đảm an ninh và trật tự công cộng » (J.C.P. 1952 II. 7241). Nhưng phải giữ vững nguyên-tắc THÀNH-TÍN đặt các cơ quan công lực làm tròn nhiệm vụ của mình và sự trừng phạt kẻ gian hữu hiệu hơn.

Vẫn hay, đời sống xã-hội sẽ cực nều bước chân ra khỏi nhà là bị « thối xe máy » « cắt túi » hay bị bọn lưu manh rình rập hành hung... Nhưng đời sống cũng không đẹp hơn gì nếu nay bị công an đòi, mai bị cảnh sát hỏi, nằm trong phòng riêng nghe tiếng động cửa mà giật mình; nói chuyện với vợ con hay bạn bè cũng sợ có người nghe thấy... Nhiệm vụ của các cơ quan công lực là đem lại cho dân chúng sự an toàn. Công an, cảnh sát quá mẫn cán, sự an toàn đó cũng có thể bị xao động như một y sĩ dùng thuốc công phạt quá mạnh đối với một bệnh nhân cảm soàng. (1)

Và tòa Phá án, sau khi nghiên cứu thông kê các vụ kiện, trong khoảng thời gian 50 năm ở những nước

lớn như Pháp, Anh, Đức, Ý... đã nhận thấy số việc xử lầm, số việc bị phá đã giảm rất nhiều trong những thời kỳ tư pháp cảnh sát hoạt-động đứng đắn, trong cuộc điều tra sơ bộ cũng như trong cuộc thẩm cứu dự bị, nguyên-tắc THÀNH-TÍN được tôn trọng (2).

Lần lượt ta sẽ xét khi các mảnh lời điều tra đến mức nào được Tòa Phá án cho là dùng được, quá mức nào sẽ phạm vào nguyên tắc THÀNH-TÍN.

TRẦN-THÚC-LINH

(1) La tâche de la police est de promouvoir la paix publique qui est une des conditions du bonheur des citoyens. Mais il se trouve que l'activité de la police cause elle-même, par contre-coup, une perturbation de la tranquillité publique et qu'elle se retourne, dans une certaine mesure, contre la fin qu'elle poursuit. La vie n'est pas tenable.... Mais elle n'est pas tenable, non plus, si le zèle de la police n'est pas réfréné. Les citoyens, dans un Etat sain, doivent respirer un air libre.... Ils doivent aller et venir, exprimer leurs opinions, téléphoner, lier conversation avec le premier venu et parler de n'importe quoi, sans crainte d'être espionnés et dénoncés... (Blondet — J. C. P. 1956.1419.)

(2) L'enquête de police doit tendre, en thèse générale, à la même loyauté que l'information judiciaire (Blondet — bài đã dẫn)

Muốn có một phương-pháp sáng-sủa và dễ dàng để học Triết-học, bạn nên đọc cuốn :

Triết-học nhập môn

của TRẦN-T-ÁI-ĐÌNH
tiến-sĩ triết-học

sẽ là ngày « máy trị ? »

CÔ - LIÊU

N G À Y ngày nhà chánh trị phải thu thập và phân tích rất nhiều tài liệu và phương diện để quyết định một biện pháp hữu hiệu. Khả năng giải quyết một vấn đề cho hoàn hảo càng ngày càng kém khi vấn đề càng phức tạp. Nếu kể đến sự phát triển của kỹ nghệ, của những cơ cấu kinh tế và xã hội kim thời, đến sự tương quan mật thiết giữa các dân tộc trên thế giới, thì công việc của một nhà chánh trị ngày nay không có thể so sánh với công việc của một ông vua thời Trung Cổ.

Trước những trách vụ khó khăn và phức tạp như thế, óc người, với giới hạn khả năng thu thập, ghi nhớ và phân tách những số tài liệu khổng lồ, phần nhiều đứng ở dưới mức yêu cầu của hoàn cảnh. Óc người tuy có tính

cách phổ biến để suy diễn mọi cảm giác và giải quyết mọi trường hợp khi tiếp xúc với ngoại giới, nhưng có một khuyết điểm là tỏ ra nặng nề chậm chạp lúc phải suy diễn những tài liệu trừu tượng. Trong khi ấy óc điện tử tỏ ra có khả năng điều động và suy diễn được rất nhiều tài liệu, và rồi đây, máy mỗi ngày một hoàn thiện khả năng suy luận thêm nhanh chóng và chắc chắn. Máy điện tử còn có ưu điểm nữa rất khó thấy ở óc người : quyết định của máy hoàn toàn vô tư. Yếu tố thiên vị đã gây nên nhiều xáo-động cho xã-hội, sẽ tránh được nếu máy làm chính trị thay người. Trước những sự kiện trên đây người ta không thể không nghĩ rằng sẽ xuất hiện một khoa học chánh trị khai thác khả năng dồi dào của máy điện tử. Máy thu thập đủ

tài liệu, hiểu biết mọi cạnh khía, sẽ tìm ra những quyết định vô tư và thỏa đáng để giải quyết những vấn đề xã hội khó khăn.

**Từ một trung tâm
nhiệt điện tự động.**

Xem cách tác động của óc điện tử trong một trung tâm nhiệt điện sau đây, ta có một ý niệm về khả năng của óc điện tử.

Người ta đốt than lấy hơi nóng cho chạy một cái tuya-bin kéo máy phát điện. Sự khó khăn là tính sao cho sò than đốt lúc nào cũng vừa vặn. Nhiệt độ cung cấp cho máy điện thay đổi luôn luôn tùy theo sò điện lực phải cung cấp từng giờ, từng ngày, từng mùa. Trước kia kỹ sư và chuyên viên phải làm những con tính rất dài và rất khúc mắc mà vẫn không bao giờ thực hiện được một nhiệt độ thích ứng trong lò đốt than. Công việc tính toán giao cho óc điện tử, nó thu thập tài liệu của các máy đo, rồi tính trong nháy mắt cách điều khiển thế nào cho nhiệt độ luôn luôn thích hợp. Như vậy người ta đã tiết kiệm được một số lớn nhiên liệu.

... đến máy cai trị

Căn cứ vào thí dụ nói trên, ta có thể nói: dùng óc điện tử sẽ tìm được giải pháp thỏa đáng, nhanh chóng và có lợi, nếu thu thập đủ tài liệu và bố trí cách nào để óc điện tử có thể xử dụng các tài liệu đó được. Như vậy trên lý thuyết người ta có

thể vượt lên bước nữa, nhờ óc điện tử giải quyết những vấn đề trên một bình diện cao hơn như chính trị, kinh tế, xã hội chẳng? Bước khó khăn chính yếu là làm sao lập được một thứ « sơ đồ tổ chức » xã hội theo chế độ mình muốn, trong đó các tài liệu đủ mọi ngành hoạt động được tập hợp, bài trí cách nào để diễn lại hình ảnh của một xã hội. Những hiện tượng chỉ phôi đời sống một xã hội đã phức tạp đến mức nào, chuyển những sự kiện đó thành dấu hiệu riêng cho máy, và gán cho máy những bộ phận ghi nhận, phân tích và suy diễn những dấu hiệu ấy, thật là một công việc khó khăn ngoài trí tưởng tượng. Tuy nhiên đây mới là bước đầu còn ở trong tầm quan niệm của trí óc loài người. Và có thực hiện được máy như thế, máy vẫn là máy, nghĩa là thiếu nhiều tư cách để biến hóa, thích ứng với những hoàn cảnh mới, tạo ra những tình trạng mới và tự sửa chữa nếu có lúc « ngưng chạy », tóm lại linh ứng như óc người và độc lập tự túc như tế bào sinh vật để biết suy tưởng như người.

**Những mẫu máy điện tử
dùng về kinh tế học**

Trên thực tế người ta nghiên cứu một sơ đồ nông cốt có tính cách giản lược, chỉ kể đến những yếu tố kinh tế, sau sẽ ghép thêm vài chi tiết khác. Thế mà công việc soạn thảo một sơ đồ tổ chức để cho máy dùng cũng đã cực kỳ khó khăn.

Nhiều nước đã nghiên cứu vấn đề. Tại nước Anh, ông Tustin nghiên cứu cách đặt những nguyên tắc kinh tế thành phương trình. Tại Hoa - Kỳ, ông Leontiev nghiên cứu cách phân loại nền kinh tế Hoa-Kỳ ra 36 khu vực và nghiên cứu ảnh hưởng hỗ tương của các khu vực. Về kỹ thuật ông thực hiện một cái khung chia ra 36 đường ngang và 36 đường dọc, mỗi đường (mỗi khu vực) đều liên quan đến 35 đường khác. Kiểu mẫu này sẽ dùng để thực hiện một hệ thống máy điện tử tượng trưng cho một hệ thống kinh tế.

Anafrance là một mẫu máy tương tự nghiên cứu nền kinh tế của Pháp. Máy có những đặc điểm sau đây :

— Những « đường dây » về hàng hóa được thể - hiện bằng những điện-tích.

— Vốn liếng được tượng trưng bằng những hòn bi, mỗi hòn bi là 10 triệu quan mới. Tác động của những luồng điện liên hệ tới hai yếu tố hàng hóa và vốn liếng sẽ cho biết thành quả về giá hàng. Còn những mạch phụ chỉ dẫn về sinh hoạt ngân hàng, thuế vụ, tiết kiệm, lạm phát v.v...

— Công sức của nhân công được biểu thị bằng những luồng sáng.

Một khi hoàn thành, những loại máy này sẽ có công dụng lớn lao cho các nhà chánh trị.

Ngày nay chính trị gia bất lực trước những vấn đề xã-hội trọng

đại vì khả năng ghi nhận và phân tích của chính trị gia có hạn, họ có khuynh hướng tách rời vấn đề muốn giải quyết ra khỏi toàn bộ, nên giải pháp chỉ thỏa mãn được cục bộ. Khi hoàn thành một kiểu máy trên đây, người ta có phương tiện tính được hậu quả của một biện pháp kinh tế trên nhiều khu vực của đời sống, biện pháp có thể có hiệu lực sâu rộng hơn. Như muốn tăng giá một nông phẩm, máy sẽ căn cứ vào kiến trúc kinh tế của toàn quốc, cho biết ảnh hưởng trực tiếp, gián tiếp tức thời hay xa-xôi đến các khu vực khác.

Đường lối chánh trị căn cứ vào thực tại sẽ thiết thực hơn, và những tuyên ngôn bóng bẩy đầy hứa hẹn của một chính khách sẽ trở thành lời nói huyênh hoang nếu máy kiểm soát lại mà sai trật.

Máy phải có khả năng thích ứng với hoàn cảnh mới.

Muốn được hiệu nghiệm như vậy, máy phải gồm những đặc trưng tiêu biểu cho thực trạng sinh hoạt của một nước. Thực trạng này biến đổi theo thời gian. Người ta căn cứ vào thực trạng của một thời kỳ nào nhất định để lập những đặc trưng này vì vậy máy không thể dùng mãi mãi. Vậy máy phải có khả năng khác là có thể cải biến đặc trưng tùy theo sự diễn biến của khung cảnh xã-hội.

Thí dụ sau đây cho ta một ý niệm về sự cần thiết phải thích ứng với hoàn cảnh mới.

Đề nghiên cứu về sự giao thông, người ta dùng một thứ máy điện tử, trong đó những luồng điện tượng trưng cho xe cộ sẽ cho biết phải định những đoạn đi một chiều, những đoạn cấm đậu, những đoạn mở rộng thêm, cách nào để sự giao thông được dễ dàng. Nhưng về sau vì thương mại phát triển mạnh ở khu nào đó, vì xuất hiện thêm xe cộ, hay vì có cái nào khác, sẽ có sự kẹt-đọng. Nếu cứ theo sự chỉ dẫn của cái máy có những đặc trưng từ thời kỳ tình trạng giao thông lúc mới đầu, mà quy định thế thức thì kết quả sẽ ngược lại ý muốn. Giải pháp thỏa đáng là đặt công-tơ ở ngay đường lộ báo tin cho máy biết tình trạng giao thông của khúc đường ấy từng giờ, từng ngày, để bài tính của máy có yếu tố suy luận đúng với thực tại.

Trên bình diện chính trị và kinh tế, chưa thể quan niệm được một cái công-tơ như thế để ghi nhận sự biến chuyển của guồng máy kinh tế xã hội trong một nước. Nhiệm vụ ấy còn phải để cho người làm. Công việc ấy cần rất nhiều người quan sát, tra cứu, nhất là hội ý với nhau để soạn thảo một bản phúc trình đầy đủ và xác thực nhất đem vào làm tài liệu cho máy. Giá trị những quyết định của máy sẽ tùy theo giá trị những tài liệu ấy.

Những tiêu chuẩn dùng cho máy quyết định

Với những tài liệu ấy máy cũng chưa thể cho ta những quyết định

mong muốn, vì còn phải định cho máy những tiêu chuẩn làm hướng. Ta trở lại thí dụ trung tâm nhiệt điện tự động hóa. Người ta có thể lựa nhiều tiêu chuẩn : đòi hỏi máy tính cách nào để dụng cụ ít hao mòn, để tốn ít than, để biết loại than thích hợp, rẻ và tốt, lựa chọn những tiêu chuẩn ấy không phải là dễ.

Đền như những tiêu chuẩn chánh trị thì khó biết chừng nào, vì có biết bao nhiêu tiêu chuẩn và từ những tiêu chuẩn đó có biết bao nhiêu cách phối hợp khác nhau !

Người ta có thể lựa những tiêu chuẩn để lập những kế hoạch 5 năm, 10 năm hay 20 năm. Người ta có thể kể đền giá thị trường quốc tế hay chỉ chú trọng đền sở thích của người tiêu thụ. Nên chiều sở thích người tiêu thụ hay hướng dẫn sở thích ấy.

Trên lý thuyết thì giản dị lắm. Trong một chế độ dân chủ, theo định nghĩa thì dân chúng sẽ có quyền lựa chọn. Nhờ máy chỉ dẫn từng ưu khuyết điểm của mỗi biện pháp, sẽ đưa ra nhiều biện pháp cho quốc dân chọn lựa. Lựa chọn xong xuôi, nhà nước cứ theo đây thi hành.

Nhưng trên thực tế, sự thi hành không có gì là giản dị. Về phương diện chánh trị, mỗi chương trình chính trị, thực ra chỉ gồm một số biện pháp kinh-tế, xã-hội v.v..., trong số nhiều biện pháp khác. Nếu để mỗi công dân tự ý thảo ra một chương trình thì tình trạng thật là loạn xạ,

không sao lựa chọn được. Trái lại nếu giao phó cho một nhóm chuyên gia chánh trị soạn thảo một sớ chương trình kiểu mẫu, người ta lại trở về lẽ lỗi bầu cử cổ điển với những người đại diện, nên dân chúng lại chỉ có ảo tưởng được tham gia lựa chọn thôi. Chỉ còn một giải pháp là để cho máy soạn thảo một sớ chương trình để quốc dân tùy ý chọn lựa.

Nhiệm vụ của chánh trị gia sẽ là nhiệm vụ môi giới giữa dân chúng và máy soạn thảo chương trình. Guồng máy nhà nước sẽ khác bây giờ; chánh trị gia sẽ được huấn luyện theo những căn bản mới vì công việc của họ là tìm những quy luật chuẩn xác như luật đi đường, định rõ thể thức tiến triển của kinh tế xã hội.

Bây giờ đời sống vật chất của mọi người sẽ được tự động giải quyết

như trong thân thể người ta, sinh lý điều hành tác động các cơ thể để bảo vệ sự sống, mà ta không cần biết đến. Nhà nước cỏi bỏ được mọi bận tâm giải quyết nhiều vấn đề kinh tế xã hội thường xuyên, sẽ rảnh thì giờ để nghiên cứu những mục tiêu trọng đại của xã hội, hướng tiến của nhân loại và sự hoán cải về tư tưởng, cảm tình, theo khung cảnh sinh hoạt mới của ngày mai.

Nhưng hình ảnh một xã hội tươi đẹp như thế có thể thực hiện được chăng? Muốn được như thế, phải quan niệm được một thứ máy linh ứng như óc người và độc lập tự túc như tế bào sinh vật, điều mà khả năng khoa học ngày nay chưa thể đề cập tới.

Thuật theo Albert Ducrocq

CÔ-LIÊU

SOCIÉTÉ D'OXYGÈNE ET D'ACÉTYLÈNE D'EXTRÊME-ORIENT

(S. O. A. E. O.)

DIVISION VIETNAMIENNE :

2, Nguyễn-Trường-Tộ (Khánh-hội) — SAIGON

Tél. : 23.741 — 23.742



Fabrication : **Oxygène — Acétylène — Gaz Carbonique.**

Vente : **Hydrogène - Ammoniaque - Cyclopropane — Protoxyde d'Azote — Argon etc...**

● *Matériel pour soudure oxy-acétylénique et électrique.*

● *Installations de gazothérapie.*

Notre service technique d'application est à la disposition de la clientèle pour toutes études et installations.

VIỆT-NAM CÔNG-THƯƠNG NGÂN-HÀNG

(BANQUE COMMERCIALE & INDUSTRIELLE du VIETNAM)

Số vốn : V.N. \$ 50.000.000

TỔNG CUỘC SAIGON :

93 - 95, Đại-lộ Hàm-Nghĩ

Điện thoại : 21.558 - 21.559

Điện tín : VIETNAMBANK

CHI NHÁNH :

- SAIGON, 209-213 đại-lộ Trần-Hưng-Đạo
 - ĐÀ-NẴNG (Tourane), 59 đường Độc-Lập
-

ĐAM-NHIỆM tất cả **NGHIỆP-VỤ NGÂN-HÀNG**

— **CÓ ĐẠI-DIỆN KHẮP HOÀN-CẦU** —

ĐẸP LÀ GÌ ?

Đoàn - Thêm

TRONG những lúc tìm Đẹp, tôi đã từng phải băn khoăn nhiều lần về một câu hỏi: Đẹp là gì?

Vấn - đề đặt đúng hay không, sẽ liệu xét sau, nhưng trong thực - tế nó đã nảy ra thì cũng cần xem đưa tới đâu, đến kết - luận tích - cực hay tiêu - cực: nếu không giải đáp nổi, vẫn nên nhận định để rồi sau khỏi mất thời giờ.

Cái hộp sơn này đẹp, mặt người đó đẹp, bức tranh kia đẹp, ngôi nhà ấy đẹp, hoa mai nở đẹp; điệu đàn nghe chiều qua, trang sách mới đọc, hương vừa thoảng quanh đây... mọi vật mọi sự kể trên tuy khác hẳn nhau, đều có một cái gì chung: đẹp. Đẹp không phải là màu, vì cũng là

mùi, không phải là hình dáng vì còn là âm thanh, không những là đôi - tượng trông thấy, nhưng cũng có thể không màu không tiếng không mùi vị mà cứ rung động buồn vui ở bài thơ hay. Vậy ai giải thích cho tôi thỏa - mãn?

Rồi sau tôi mới rõ rằng nghĩ miên man như vậy, chẳng phải chỉ một mình tôi, nhưng từ mấy ngàn năm nay, nhiều người đã vướng phải thác - mắc tương - tự, và đã thử tìm thử nắm cái Đẹp chung kia.

Theo Platon, triết - gia Hy - Lạp (thế - kỷ thứ IV trước dương - lịch) thì Đẹp không phải là hình sắc hương thanh, Đẹp có sẵn như trời đất, ở bên ngoài mọi vật, rồi hễ

(1) Xin coi B. K. số 124

nhập vào đâu thì đem thú vị say sưa vào đó, vào cây thì cho thấy hoa ngọan mục, vào người cho thấy duyên-dáng, vào nhạc cho thấy du-dương (1). Đẹp hiện ra nhiều vẻ, đẹp vật-chất, đẹp tinh-thần, Thiện và Chân chẳng qua cũng là Mỹ, thấy Mỹ có thể tiến về Chân và Thiện (2).

Đẹp như thế là hoàn-toàn, mà hoàn-toàn là đặc-tính của Trời (le divin) nên Đẹp là sự thiêng-liêng đời cao tối quý, siêu-việt, vĩnh-cửu, con người chỉ có thể hướng lên gần, nghệ-thuật phải làm sao phản chiếu được thật nhiều cái Đẹp muôn năm trường-tại ở trên mọi vật nhất-thời. Bởi Đẹp là một ý-tưởng, mà ý-tưởng đó lại phải thỏa mãn cả Thiện và Chân, nếu chỉ có thể hiện ra trong sự dung-hoà kết-hợp, cần sự tương-giao tương-ứng, cân-xứng, thăng-bằng, nghĩa là dưới những vẻ mà ta nhận thấy lý-trí sáng suốt êm đềm hơn là những cảm-tình hỗn-độn sôi nổi. Platon đưa ra các tỉ-dụ Đẹp đáng làm khuôn-mẫu, những hình kỷ-hà đơn-thuần, đều đặn như lục-lăng bát-giác (3).

(1) Le beau n' était pas un attribut particulier à mille et un objets sans doute, hommes, chevaux, vêtements, vierge ou lyre, sont des choses belles, mais au-dessus de tout cela, il y a la Beauté elle-même (theo Raymond Bayer nói về Platon : Méthode esthétique).

Une beauté première qui, par sa présence même, rend belles les choses que nous appelons belles (theo P. M. Schuhl — Platon et l' Art de son temps).

Nhưng ngay ở thời ông, đã có người không đồng ý. Triết-gia Aristote, môn-đệ của ông, không chịu rằng Đẹp hoặc mọi ý-tưởng khác từ bên ngoài nhập vào sự vật, Đẹp không phải là một sức tiên-thiên bí-huyền có trước khi con người sinh ra rồi sau bay nhập vào thần-trí mà cho thấy những gì ưa thích. Nếu theo Platon, thì Thơ chẳng hạn, là phép kỳ-diệu của Trời cho và nếu không sẵn thiên-phú, chẳng thể thành thi-sĩ; nhưng đối với Aristote, Thơ chẳng qua là ở sự-vật, con người phỏng theo sự vật mà nói lên bằng lời đẹp những rung động nội-tâm. Chúng ta biết sự vật và Đẹp nhờ ngũ-quan, sau khi nhìn thấy, nghe thấy, nghĩa là biết Đẹp một cách hậu-nghiệm, và mỹ-cảm nuôi tưởng-tượng cho con người sáng tạo. Con người có thể tạo ra Đẹp bằng cách sắp đặt sự vật thế nào cho có trật-tự và hoà-hợp

(2) Một kẻ si-tình, mới đầu yêu vì sắc và bằng thân-thể, rồi yêu cả tâm-hồn mỹ-nhân, yêu thì phải thực lòng và tốt với người đẹp, rồi có thể thành người tốt, ái-tình tổng hợp cả Chân Thiện Mỹ.

(3) Đẹp lý-tưởng của Platon đã đưa tới một quan-niệm nghệ-thuật tuyệt-đối với những qui-mô bất-dịch. Người thời trước tìm thấy Đẹp, người thời sau cứ việc noi theo thì dễ thấy đường. Trong ngót hai mươi thế-kỷ, các môn phái gọi là Cồ-Điền, dù ở hội-họa, kiến-trúc, văn-chương... đều chịu ảnh-hưởng của ông. Kết-quả là nhiều kiệt-tác, nhưng cũng là một tinh-thần nệ-cổ, lệ thuộc những mẫu-mực kích-thước kìm hãm sự phát-triển nghệ-thuật.

(1). Nghệ - thuật tuy bắt nguồn từ thực-tề, không phải là sự bắt chước như hết thực-tề (Mimésis) vì Đẹp vượt quá thực-tề, song Đẹp nhờ xúc-động cá-nhân nghệ-sỹ mà hiện-lộ (Cathasis).

So sánh hai lý-thuyết, tôi thấy Aristote có khuynh-hướng thiết-thực hơn Platon, nhưng vẫn không cắt nghĩa cái Đẹp chung kia. Nếu nó không ở một thể-giới linh-tượng của Platon mà rơi xuống trần-gian, thì từ đâu lại để tôi thấy nó, khi chung quanh tôi chỉ có vật này đẹp, người kia đẹp, hay cây kia đẹp? Nếu bảo rằng nó nằm sẵn trong thâm-tâm tôi từ kiếp nào như mọi ý-tượng tổng-quát khác (concept) thì cũng chỉ đưa ra một giả-thuyết không dựa vào chi vững chắc mà lời cuốn tin-tưởng của tôi.

(1) Un être ou une chose composée de parties diverses ne peut avoir de beauté qu'autant que ses parties sont disposées dans un certain ordre et qu'elles ont en outre une dimension qui ne peut pas être arbitraire, car le beau consiste dans l'ordre et la grandeur.

Nếu theo Aristote mà suy luận ra, thì nghệ-thuật bắt nguồn ở tạo-vật hơn là ở ý-thức, thiên về cảnh và tình hơn lý, ưa động hơn tĩnh, biến đổi thực-tề chứ không theo sát, tùy sức cá-nhân hơn là theo những mẫu mực ngàn xưa. Dù sao, hai lý-thuyết rờng rã mấy chục thế-kỷ, cứ tùy nơi tùy lúc lên xuống cạnh tranh mà chỉ phối kiến-trúc, thi ca, hội-họa. Như ở hội-họa, thì trọng màu sắc dễ rung cảm hơn đường nét lạnh lùng: ở thời Phục-Hưng Ý, họa-phái thành Florence chịu ảnh-hưởng Platon, họa-phái thành Venise chịu ảnh-hưởng Aristote (*René Huyghe — L'Art et l'Homme*).

Nếu vậy tôi sẵn lòng theo Platon? Nhưng Platon sẽ kéo tôi đi quá xa, vào cõi bao-la dễ lạc: nhận Đẹp là một linh-tượng, thì phải nhận cả thể-giới diệu-huyền ở bên ngoài thể-giới ngũ-quan và chứa đựng bao nhiêu linh-tượng khác chung sống với Đẹp, mắt không trông được, tai không nghe thấy, không khả-giác nhưng vẫn khả-tri. Rồi lan man như thế, tôi sẽ vướng phải rất nhiều thuyết nữa về vũ-trụ, và thể nào cũng bị các nhà siêu-hình-học bắt bẻ vì lẽ này lẽ nọ, cũng như họ đã chồng đổi nhau mấy ngàn năm chưa dứt.

Tôi đành chịu, không dám tin Platon, nhưng không khỏi ngậm ngùi luyến tiếc: thể-giới của ông có lẽ chỉ là một ảo-mộng, song không thiếu thi-vị, và khi ở trên đường, trong nhà, ngoài đồng chỉ thấy những mặt đẹp, những chiếc bình đẹp, những màu cỏ đẹp, tôi vẫn ước rằng cái Đẹp chung có nơi nương gửi, ở một Thiên-thai bên ngoài gió mây...

Mà đâu phải chỉ có tôi phân vân? Nhiều triết-gia sau Platon và Aristote, chắc cũng thấy khó khăn, nên không thấy ai tán đồng hẳn hay phản đối hẳn hai tiền-triết Hy-Lạp, và ở phạm-vi thẩm-mỹ, chỉ cho biết như thể nào thì đẹp, mỗi thứ nghệ-thuật có những vẻ Đẹp gì, nghệ-sỹ tìm đẹp ra sao... còn mọi định-nghĩa thường hàm hồ, hoặc tóm lại vài tính-cách sự Đẹp, chứ không dứt khoát về bản-chất bí-huyền. Dù sao, qua nhiều thiên

đại-luận thuyết trình với lập-trường riêng, vẫn nhất ra được những ý-kiến có thể qui về hướng Platon hoặc Aristote.

Triết-gia Kant (1724-1804) không bảo rằng Đẹp ở bên trên hay ngoài mọi vật, ông căn cứ vào ưa thích tự-nhiên mà nhận định ra Đẹp. Đẹp là cái gì khiến ta ưa thích ngay tức khắc ở sự vật, không cần ý-niệm gì, không phải lý luận chứng minh như sự thiện, không đòi hỏi công-dụng như sự cần ích. Sự Đẹp phải được mọi người mọi thời đều thấy; nghệ-thuật cần theo những qui-lệ, nhưng qui-lệ đó có sẵn trong trời đất, tạo hóa chỉ mượn bậc kỳ tài truyền lại cho đời (1).

Hégel (1770 — 1834) coi Đẹp là sự thể-hiện của Ý-Tưởng (l'Idée) Ý-Tưởng là nội-dung khả-giác của nghệ-thuật; nghệ-thuật cho ý-tưởng mượn các hình-thể mà xuất phát cho giác-quan và tưởng-tượng thấy rõ. Mới đầu Ý-tưởng của con người còn lộn xộn, cần tìm cách diễn tả, chỉ đạt một cách gọi là, thành những hình thù thô kệch như tượng đá cổ lỗ (thời-kỳ tượng-trưng, âge symbolique); rồi tới những hình-thể tinh-vi (thời-kỳ cổ-diễn (âge classique) phải đợi thời-kỳ Lãng-Mạn (âge romantique) mới thấu được cả ngoại-giới vào nội-tâm mà đến hình thể xứng hợp nhất, tí như thơ tự-tình (poésie lyrique); — Người ta đã công kích ông về nhiều điểm, nhưng riêng tôi ở đây chỉ thắc mắc tự hỏi: ông có công nêu rõ sự biến chuyển

của nghệ thuật qua các thời-đại, hoàn-cảnh, và tâm-hồn cá-nhân; nhưng ông chỉ biết đến thời ông, khi Lãng-Mạn đương thịnh: sao quả quyết là nghệ thuật đã thật xứng hợp với Ý-Tưởng, thế còn về sau này thì không? Ông cắt nghĩa Đẹp bằng Ý-Tưởng: nhưng Ý-Tưởng đó ở đâu ra và là cái gì, hay lại là linh tượng từ thiên-cung của Platon rớt xuống? Tôi rất ngờ, khi còn nghe ông nói gần như Platon: nghệ thuật đạt tới tuyệt-đích nếu cho nhận thức và biểu lộ được Thiêng-Liêng (2).

Sau ông, ảnh-hưởng Hy-Lạp cũng chưa hết. M. Blanchot tin rằng Thơ vốn có sẵn, rồi mới nhập một cách bí-mật vào thi-nhân mà thành bài: khác gì Platon? (3). Theo Bachelard,

(1) — Le beau plaît universellement et sans concept.

— Le génie est la disposition innée de l'esprit par laquelle la nature donne ses règles à l'Art.

— L'Art est une imitation dont la nature a donné des règles par le moyen du génie.

(Critique du jugement — traduction P. Platon et Denis Huysman).

(2) — L'Art atteint son but suprême quand il rend conscient et exprime le divin — Hégel.

(theo Denis Huysman - l'Esthétique)

(3) — Le poème est ce qui doit exister sans lui et avant lui (le poète) dans une conscience supérieure où s'unissent l'obscur du fond de la terre et la clarté d'un pouvoir universel... M. Blanchot: La Part du Feu.

— Ce n'est pas en effet par art, mais inspiration et suggestion divine que tous les grands poètes épiques composent tous ces beaux poèmes... Ces beaux poèmes ne sont ni humains ni faits par des hommes, mais divins et faits par les Dieux - Platon

Bergson, Malraux, sự Đẹp bắt đầu hiện ra trong hồn nghệ-sỹ với một hình ảnh lơ mơ (images, schèmes) nhưng nghệ-sỹ không bắt chước thực-tế, trái lại, biến đổi đi mà sáng tác : Aristote đã từng nghĩ thế (1).

Phải vài pho sách mới lược thuật được các ý-kiến... Nhưng chưa ai giải nổi cho sự thắc mắc ngàn xưa : Đẹp là gì ? Hégel thấy không tài nào xét kịp từng vẻ đẹp riêng ở mỗi đồ vật khác nhau, nên phải cố xem sự Đẹp chung cho mọi vật ra sao ; nhưng rốt cuộc, chính ông cũng phải lùi « Đẹp là đối-tượng của tưởng-tượng, của trực-giác, của tình-cảm, nên không thể là đề-tài nghiên-cứu của một khoa-học hay triết-học ». (2)

* *

Vậy tốt hơn hết là tạm gác bỏ ảo-vọng định nghĩa sự Đẹp mà trở về các hình-thái đẹp trong thực-tế, ở thiên-nhiên hay nghệ-thuật.

Nhưng ngay ở phạm-vi này, nhiều khi tôi vẫn chưa khỏi e dè... Bên cạnh những vẻ đẹp thấy ngay giây lát như bông hoa nở thắm, còn bao vẻ lâu dần mới nhận ra đẹp hay xấu : thơ, nhạc v. v. ...

Những gì đã khiến tôi ngần ngại ? Chưa đủ kiên-thức về nghệ-

thuật ? thiếu tự-tín trong phán-đoán ? học hỏi, xem xét, suy nghĩ, thì tự giải thoát. Song còn những sự-kiện ở quanh tôi và chẳng tùy tôi hẳn : những thành-kiến, những cồ - chấp, nghĩa là những áp - lực nặng nề. Tôi tự nhủ : tìm đẹp cho mình, thì cứ việc theo chủ - quan, hà-tất phải kể đến người khác ?

So đo, cò xát với tha-nhân, không phải là vô-ích, vì đôi khi tình ngộ. Và chẳng, tôi không khỏi buồn nếu mình khen đẹp mà người chê xấu, và ngược lại ; sự cô-đơn trong sáng tác cũng như trong thưởng - thức làm giảm mất vui, và ở đây vẫn cần chia xẻ. Nếu không gặp bạn đồng-tâm chia xẻ thực-sự, ít ra cũng phải hy-vọng rằng người khác nếu thấy chắc cũng đồng-ý với mình là tranh mình vẽ hay ngâm cũng coi được, đàn mình gảy hay nghe cũng êm tai... Những sự lơ-lãng mà tôi bác bỏ, cũng mong bạn nữu đừng ca ngợi. Tóm lại, nghệ-sỹ hay khán-giả, thính-giả hay thức-giả đều cần một sự cảm thông thật, hoặc sự khả-hợp, dù khi ích-kỷ thấy đẹp muốn giữ riêng cho mình. Bởi vậy, tôi lại gặp một thắc-mắc nữa, về tính cách *riêng* hay *chung* của mọi vẻ đẹp.

Một đấng tôi thường nghe nói : mỗi người thích một vẻ, mỗi người ưa một mầu, không lấy gì làm chuẩn-đích được : chỉ có sự đẹp chủ-quan. Theo triết-gia Kierkegaard (1813-1855), không thể có sự Đẹp khách-quan hay sự Đẹp lý-tưởng chung cho cả nhân-loại, mỗi nghệ-

(1) — L'Art et l'imagination — Textes de P. Picon.

(2) — Le beau étant l'objet de l'imagination, de l'intuition, du sentiment, ne saurait être l'objet d'une science et ne se prêterait pas à un traitement philosophique (Hégel — theo Denis Huisman).

sỹ tự-do tìm ra một thứ đẹp riêng theo ý mình (1).

Đằng khác, biết bao áng văn, bản nhạc, pho tượng .. được nhiều người tán dương ; các tuyển-tập, các giải thưởng, các viện bảo-tàng đều công-nhận sự Đẹp chung. Triết-gia Kant, tuy căn cứ vào chủ-quan mà giao cảm đẹp xấu, cũng tin rằng sự Đẹp phải được tòi-đa-sò ở mọi thời và chuộng (2).

Theo quan-điểm thứ nhất, thì tự-do cá-nhân được tôn trọng, không ai chê bai kẻ khác nếu họ chẳng xét đoán như mình. Nhưng sự thông-cảm có thể gặp trở ngại, nghệ-sỹ mặc sức buông thả theo hứng riêng, hay lạc vào bí-mật, quái-dị : trường-hợp nhiều thơ siêu-thực và nhiều tranh trừu-tượng.

Với quan-điểm thứ hai, người ta muốn hòa-hợp, nghệ-thuật ở điều-độ thăng-bằng, có thể lên cao mà vẫn dễ hiểu : trường-hợp các nghệ sỹ và các môn-phái Cổ-điển. Nhưng người ta hay dựa vào sự đồng-ý, tôn những vật hoặc người được nhận là đẹp làm kiểu-mẫu, đưa những đồng-điểm lên làm tiêu-chuẩn, biến những sở-thích của sở-đồng làm thể-lệ, lấn áp cả sáng-kiến của những ai không tán thành.

(1) L'heure de la pensée germanique — (L'Art et l'Âme — René Huyghe).

(2) ... l'accord le plus parfait possible de tous les temps et de tous les pays. (Critique du jugement, Kant).

Ở đây, tôi ba phải, và nghĩ cả hai quan-điểm kể trên đều có phần đúng. Mỗi con người đều có cảm xúc riêng tư không ai chỏi cãi và khó lòng cắt nghĩa. Nhưng ngoài ra, đã cùng giống loài, cùng xác thịt, cùng nếp sống, v.v... đã có nhu-cầu chung thì phản-ứng đối với những phương-tiện thỏa-mãn cũng có thể tương-tự nhiều hay ít : đối với sự Đẹp và nghệ-thuật, cũng vậy (1). Sự đẹp do chủ-quan của một nghệ-sỹ tìm ra, thường được truyền thụ cho nhiều người khác thấy : hiểu người khác, tôi có thể thay đổi chủ-quan của tôi để giống họ và hòa nhập vào các chủ-quan khác, để tới ý-niệm khách-quan về sự Đẹp chung.

Song nếu tôi không chịu chú ý kiểm soát, thì sự hòa-đồng kia cũng có hại. Lắm khi tôi yên trí là đẹp tại nhiều người khác ưa. Xưa kia, có bậc tôn-trưởng bảo tôi rằng thơ này thơ nọ được sĩ-phu bốn phương ngâm nga, thế là từ đó tôi cũng thấy hay ; nhiều bức tranh được tôi ca ngợi chỉ vì đã nổi tiếng : về sau đọc lại, ngắm lại, chẳng thấy rung cảm, tôi đành rút lui về chủ-quan, và

(1) Kant gián tiếp nhận có sự Đẹp khách-quan, nhưng đã giải thích như sau vì sao Đẹp chủ-quan có thể hợp với Đẹp khách-quan : cảm mà ưa thích là tùy chủ-quan ; nhưng khi ta nhận xét rằng vật này vật kia là đẹp, ta phỏng đoán rằng người khác cũng nhận như ta, ta mặc-nhiên dựa vào một ý-niệm đẹp chung mà xét « La nécessité du consentement universel conçue dans un jugement de gout, est une nécessité subjective, représentée comme objective sous la supposition d'un sens commun ».

từ đó, tôi không ngần ngại gạn lọc dần những cái đẹp « ư a lầy » đã ngấm ngấm len lỏi vào tâm-hồn tôi tuy trái với sở-thích, dầu tác-phẩm nằm trong văn-học-sử hay nghệ ở viện bảo-tàng.

Tôi cũng đã từng chịu sự lừa dối của những chữ, những lời lẽ tăng bốc, mới đầu để nói bóng, sau quen đi thành tiếng thông-dụng, rồi in sâu vào óc tôi lúc nào chẳng biết. Đẹp như Tây-Thi, Tống-Ngọc: không ai dám chê là xấu vì mấy mươi vạn người truyền tụng rồi, và nói hay không, chưa ai trông thấy bóng nàng kia và chàng đó: tôi cũng nghĩ là mỹ-mạo tuyệt-trần. Hoa-khôi hoa-hậu thê-giới: coi hình ảnh ở báo hay màn bạc, tôi không mê, tuy không dám chê, trước áp-lực của dư-luận. Ngâm kỹ, tôi phủ nhận, vì tiếng rằng của « thê-giới », nhưng thực ra chỉ là của đa-sở trong vài chục ông giám-khảo, chọn trong vài trăm cô; rất có thể mấy ông nhà văn ghi lại dung-nhan để sau này làm tập nghiên-cứu như « l'éternelle et changeante Beauté » của Madge Garland, rồi hậu-thê tưởng rằng đó là Đẹp điển-hình của nhân-loại năm 1936 hay 1961, và nhiều ông khác dựa vào đó mà rút ra những kết-luận hùng-hồn về đường lối thẩm-mỹ chung của thê-hệ chúng ta. Cho nên, tôi không tin nữa rằng những nàng bụng tròn của Cranach hoặc những bà mập của Rubens tiêu biểu cho cả phái đẹp ở thời các ông: có

lẽ đây là một vài cô đứng làm kiểu-mẫu như Hélène Fourment mà thôi.

Theo cùng một đà suy luận như vậy, tôi càng thấy huyền-hoặc, nhiều ý-kiến về sự Đẹp chung. Người ta thường bảo: nhà văn nhà thơ ấy nói lên được tiếng nói của thời-đại: nghĩa là đã tìm được cái hay cái đẹp chung cho cả một nước hay cả loài người 1890 hay 1940? Tôi-nghĩ bắt quá các vị cũng như hoa-khôi hoa-hậu, hợp với một sở nào, ở một vài giới nào, về những điểm nào đó thôi; còn khi sáng tác, chẳng ai dám chắc sẽ vừa ý bao nhiêu người xa lạ. Nếu trách họ không nói được tiếng nói của thê-hệ, là tự nhận mình làm phát-ngôn-viên của thê-hệ mà phê bình, khi chỉ căn cứ vào chủ-quan của mình đem dựng lên làm chủ-quan của mấy chục triệu người (1).

Về tính-cách vĩnh-cửu hay nhất-thời của sự Đẹp, tôi lại càng dè dặt hơn.

Hiện nay, các lý-thuyết tiên-hóa lan tràn mạnh-mẽ, và trong sự hăng-hái tranh thủ tương-lai, nhiều người phủ nhận một cách tiên-nghiệm những vẻ đẹp cũ và chủ-trương rằng thời nào nghệ-thuật ấy, thời qua đẹp hết, thấy gì không mới mẻ thì nghi kỵ. — Ngược lại, nhiều người khác ngờ vực những chỉ được ca ngợi bây giờ, coi những phát-minh của nghệ-thuật hiện-đại

(1) Ở trường-hợp này, triết-gia Kant đã không lầm, khi ông nêu ra sự phỏng- đoán một quan-niệm Đẹp chung, suy ta ra người mà xét.

như sự bóng - bột chồc lát, chẳng bao lâu sẽ bị chê bai: hoặc chỉ ưa chuộng luyện tiềc những vẻ đẹp đã quen thuộc từ xưa. Những sự xung-đột ấy đã có hồi khiến nhiều ý-kiến của tôi bị lung lay, tôi không biết mình nên bỏ hay giữ những ưa-thích mới hoặc những tha-thiết cũ, và hoang mang tự hỏi mình muốn thứ đẹp nào ?

Rồi tôi thấy cần phân biệt rõ ràng hai phương-diện sáng-tác và thưởng-thức.

Nghệ-sỹ *sáng-tác*, tìm đẹp cho mình và cho người, tất phải khám phá ra những dáng vẻ chưa từng thấy, còn nếu chỉ phỏng theo lặp lại người trước về mọi mặt, thì khó rung động được người chung quanh, cũng không tới chỗ độc-đáo mà thể hiện nổi cá-tính, một trong những mục-đích nghệ-thuật.

Nhưng ngay về phương-diện này, cũng lại phải tách rời kết-quả và phương-tiện, miễn là kết-quả mới, những phương-tiện thực hiện vẫn có thể cũ một phần nào. Với câu 12 về Alexandrin, mà Ronsard dùng ở thế-kỷ XVI, những thi-nhân về sau này, Victor Hugo, Jules Supervielle, Jean Cocteau hay Marie-Noël, vẫn diễn tả nổi những tâm-tình mới. Ai dám cả quyết rằng ngũ-ngôn hay lục-bát chữ nôm đã được tận-dụng khả-năng ở thời nho-học ? Trái với một vài dư-luận, tranh thể-hiện (peinture figurative) chưa lỗi-thời để phải nhường bước cho tranh trừu-tượng (peinture abstraite) vì

người, cây cỏ, nhà cửa vẫn có thể thành công như Dunoyer de Segonzac, khi nghệ-sỹ biết sử-dụng các phương-tiện kỹ-thuật cũ một cách đặc-biệt. Nom chiếc đỉnh đồng, phân đồng chề là cũ kỹ : nhưng ch cũ kỹ nếu đứng trên tủ chề hoặc án-thư, mà nghi ngút khói hương giữa hai bình bông ; còn nếu đặt trên thảm rộng giữa phòng tiếp-tân cho khách bỏ tàn thuốc lá, như tôi đã thấy ở nhà một ngoại-kiểu, thì trông chẳng cổ-kinh như tôi vẫn tưởng : vì vị-trí và công-dụng khác xưa. Thiết nghĩ đôi với chữ trong thơ, âm trong nhạc, và hình sắc trên tranh... cũng vậy mà thôi. Bởi nhiều khi tôi xét quá vội vàng, nên mới trách oan họa-sỹ này hay thi-nhân khác là đi theo những vết đường mòn.

Còn về phương-diện *thưởng-thức*, thiết nghĩ thành-thực là hơn. Mới hay cũ, Đẹp chỉ để cho một mình thích thú, miễn là tôi không một mực chửi từ những vẻ đẹp khác mà người ta ưa chuộng : nói vậy, chứ nhiều khi rất khó, tôi đã bị cái ưa-thích của tôi làm cho ngửa ngáy khó chịu trước những ưa-thích trái ngược, nên tôi phải cố sức nén lòng mới giữ yên được sự kèn cựa của chủ-quan tôi ; cũng vì thế, tôi không dám vừa sáng tác vừa phê bình trong ngành sáng-tác của mình.

Nhưng chính tại trót ưa một vài thứ đẹp cũ, mà cứ bị chê hoài, tôi đã ngẫm xem nên xử sự thế nào, đành xét lại cả những sự được coi là dĩ-nhiên.

Mặt trắng, hoa hồng, giọt sương trong... đã có mấy vạn năm rồi, chẳng ai nở chê là xấu và cũ. Vậy thì chắc chắn nhiều vẻ đẹp rất cũ mà vẫn đáng ưa, có thể tìm ra nhiều tí-dụ khác, bên ngoài lãnh-vực thiên-nhiên.

Ở con người, tôi ngắm lại những hình ảnh thời xưa: tóc đuôi gà lê thê của các bà các cô, tôi không thích. Nhưng giá thử vợ tôi có nhan-sắc của La Vallière hay Mancini thế-kỷ thứ XVII, chắc tôi cũng chẳng thấy cũ kỹ và đáng ghét.

Tiền vào nghệ-thuật, tôi gặp không biết bao nhiêu kiệt-tác cũ: nếu phải gạt bỏ, sẽ cần phá các viện bảo-tàng và đốt sách như Tấn-Thủy-Hoàng. Chúng ta chỉ có thể xác định giá-trị của một tác-phẩm sau sự thử-thách của thời-gian, nghĩa là khi nó đã cũ rồi.

Và chẳng, cũ đối với ai? Cũ người mới ta là sự rất thường. Tôi đã đọc chán truyện Kiều, nhưng cháu tôi học bài thuộc lòng đến đoạn « Buồn trông cửa bể chiều hôm » khen rồi rít là hay: tôi mỉm cười với một ý nghĩ chế nhạo của kẻ đã thừa biết. Có khác nào một bạn thấy tôi xem tranh Le Greco, hỏi tôi coi làm chi những màu sắc cũ? Nhưng tôi chưa từng thấy, thì vẫn mới nguyên.

Dưới mắt trẻ thơ, cuộc đời đầy sây sự mới mẻ, nên nó lẫn mờ vui thú với những đồ vật không còn rúc rung cảm tôi nữa: cái khay bóng, cái lõi chỉ tròn, mảnh giấy

xanh đỏ. Tôi ra đời giữa một nhân loại đã tìm thấy từ mấy vạn năm nay muôn vẻ đẹp mà những người sinh trước tôi chán ngán lâu rồi: nếu tôi chỉ muốn theo kịp người ta, tất sẽ bỏ phí những kho tàng vô-giá.

Sau nữa, con người tôi rất phức tạp vì là kết-quả của bao nhiêu sự kiện mới và cũ, nên những phản-ứng trước mọi vật cũ mới không thể giản dị cho tôi dứt khoát. Tôi gặp bạn, bắt tay chào: cử chỉ đó mới truyền cho chúng ta ngọt 100 năm nay từ khi người Pháp sang Việt-Nam. Tôi nhớ quê hương xa cách: một mối tình đã ràng buộc mấy ngàn năm.... Cạnh những đòi hỏi của cuộc sống mới, còn những nhu-cầu bắt nguồn bất rể tận da thịt sương tủy thuộc nòi giống lâu đời, và ở đáy lòng mờ mịt chìm sâu vào những thời qua: vì thế, tôi vẫn ưa những nhan-sắc của Le Titien thời Phục Hưng thế-kỷ XVI, và những tao-nhã của Vương-Duy Lý-Bạch nhà Đường....

* * *

Nếu nhiều người cùng tôi khen một bức tranh đẹp, tôi càng dễ tin là *đẹp thật*.

Khi nói *đẹp thật*, tôi mặc nhiên thừa nhận là hợp lắm với một sự dùng Đẹp lý-tưởng nào đó để mọi người cùng hướng tới và cùng làm tiêu-chuẩn so sánh các vẻ đẹp riêng biệt ở nơi này, lúc khác. Thành thử tôi lại quay về cái Đẹp khuôn mẫu của Platon?

Chưa hẳn, vì cái Đẹp chung kia của mọi người cũng không bắt di bắt dịch như hình - tượng Hy - Lạp. Hồi 1930-1940, phần đông các kép đào điện-ảnh phải tuân-tú như Ramon Novarro, xinh xắn ngây thơ như Danielle Darrieux... Sau thế-chiến II, chàng Ben-Hur phải vạm vỡ gân guốc như Charlton Heston, và các nàng phải nở trước nở sau như Lollo hay Tina Louise. Nhu-cầu Đẹp, ước-vọng Đẹp chung, theo những mẫu mực (canons) biến chuyển khó lường. Đến đây, hình như tôi lại thấy Hegel nói chí - lý, đúng hơn Platon ?

Nhưng nếu trở lại những hình ảnh cũ, tôi nhận rằng mặc dầu những sự thay đổi tùy thời-trang, tóc dài hay tóc ngắn, thân thể mập hay mảnh rẻ, môi trái tim hay dày mỏng, ở rất nhiều người được khen là diễm-lệ, vẫn có một sở diễm chung, dù Lucrece Borgia thế-kỷ XVI hay Marilyn Monroe ngày nay : các đường nét tròn cong hay ngay thẳng, vẫn phải cân đối nhịp nhàng, các thành - phần phải xứng hợp với toàn-thể, nồn nà bóng bảy chớ không xù xì, mềm mại chớ không gầy nhọn... Ở đàn ông, các lực-sỹ đẹp nở nang đều đặn như thể nào chẳng nữa, cũng chỉ gọi lại kích-thước bề-thể của thần Thái-dương Apollon hoặc người ném đĩa Le Discobole ở Hy - Lạp. Phải chăng những chi-tiết vừa kể là những đặc điểm của một sự Đẹp muôn thừa, hay ít ra là nhiều thừa, ở bên

ngoài và bên trên những sự gia giảm của mỗi thời ?

Chỉ căn cứ vào các đặc-điểm kia, thì sẵn sàng tin có Đẹp vĩnh-cửu. Chỉ chú trọng vào những sự tô-điểm, thì dễ nói chỉ có Đẹp nhất-thời. Nhưng phân biệt như trên, tôi đã vô-tình dung hòa Platon với Hégel ?

Ở triết-học, lý-thuyết nào cũng bị những lý - thuyết về sau công-kích, và nhiều khi phá vỡ gần hết : trong nhiều trường-hợp, tôi tránh sao khỏi hoài nghi ?

Trái lại, ở nghệ-thuật, mỗi vẻ đẹp mới và độc-đáo, là một phát-minh còn lại mãi, dù người khác tìm ra vẻ khác, vì mỗi người một lối, không thể so sánh một cách máy móc các thứ kiệt-tác. Đẹp của Renoir không diệt đẹp của Le Tintoret : không có kiệt-tác cũ kỹ.

Thành thử mỗi sự khám-phá chỉ làm giấu thêm cho nhân-loại, và chung sống với các khám-phá trước. Tôi ưa nghệ-thuật chính vì thỏa mãn cho tôi, hoặc ít ra cho tôi ảo-tưởng thỏa mãn ở cõi này một nhu-cầu day dứt, một khát vọng trường-lưu (le désir d' éternité).

Đ. T.

Kỳ tới : Tìm Đẹp. Đẹp bên ngoài nghệ-thuật.

2

T. Đ. G.

GIỚI THIỆU

NƯỚC HÒA LAN

A. — Đời sống

Du khách qua Hòa-Lan ít ngày, dù có con mắt quan-sát tinh đời đến đâu lúc về cũng không thể tự hào là đã thấu hiểu đời sống của họ. Vì đời sống ở đây hoàn toàn giới hạn trong gia đình. Ngay đến ngày hè nóng nực cũng không có ai ngồi trước cửa nhà, nhắm nháp cốc bia đá. Thực ra, bởi họ không quen như vậy hoặc có những thú khác, và phần đông thì cặm cuội đọc hết các quảng cáo trong nhật báo, hay vui đầu vào sách kỹ-thuật, nên họ ngại ra khỏi cửa.

Đường phố chỉ nhộn nhịp ba lần trong một ngày : từ 7giờ 30 đến 8giờ 30, giờ thợ thuyền công chức phóng vội trên muôn ngàn chiếc xe đạp, giờ trẻ nhỏ, hớn hờ đến trường, hăng hái đạp những chiếc xe cao ngất. Rồi đường phố lại chìm trong im lặng, riêng chỉ còn các bác bán sữa, các bà bán hoa, hay hàng rau cỏ lái xe đưa hàng cho từng nhà. Cho tới 12 giờ 30, các tư

chức, công chức lại gò lưng về nhà nuốt nhanh mấy miếng bánh để rồi quay vội đến sở cho kịp giờ làm. Giờ này những chỗ bán đồ ăn nóng, không khí giống hệt các hiệu phở ở Việt-Nam, (phở Đông-mỹ, phở Tàu Bay, phở hàng Than) đông chật khách ăn, phần nhiều là thanh niên, 17, 18 làm việc trong xưởng. Họ cười nói, suýt soát ăn những nắm cơm rán, những gói khoai tây rán rồi lại lững thững trở về bắt tay vào việc. Yên tĩnh trở lại trên phố xá ; thỉnh thoảng vang lên đây đó tiếng đàn dương cầm của trẻ nhỏ, hay của những bà nội trợ nhàn rỗi.

Tới 5g30, thợ thuyền công chức sách cặp về nhà, chiếc cặp sáng sớm đầy ắp các món ăn cho cả ngày, giờ bẹp xuống như năng lực làm việc của họ. 6g15 giờ của bữa cơm nóng độc nhất, thiêng liêng và bổ, hợp mọi phần tử của gia đình. Sau bữa cơm, bát đĩa rửa sạch, họ sang ngồi nửa buồng ngoài dùng làm buồng khách. Đường phố không bóng người, thành phố ngủ



Vườn Kenkenhof: Théophile Gautier
suốt đời mơ được ngắm hoa Tulipe đen

kỹ cho tới khi mặt trời mọc ngày hôm sau.

Có một điều làm khách du lịch chú ý ngay lúc đầu: đó là sự đồng loạt, từ cách ăn mặc, nhà cửa trong phố xá, đến quan niệm về đời sống. Ba lần trong một ngày, xe đạp đổ ra đường, len lỏi, vun vút như trong rạp xiếc, giầu sang, nghèo hèn, chiếc xe đạp là của cải, cũng như đồ cần thiết. Đàn ông ăn mặc đứng đắn, nhưng không xa xỉ (không có gì ở Hòa-Lan có thể gọi là xa xỉ), đàn bà nếu không dùng áo choàng ngoài (veste) bằng da hoặc Thụy-Điện, thì mặc áo choàng dài (manteau) để khỏi bị lẫn với giai cấp thợ thuyền.

Tôi thường nghĩ mãi đến câu chuyện của một ông bạn đã sống khá lâu ở Mỹ về kể lại. Người Mỹ, theo ông bạn tôi, giống nhau hết cả, giống như những bóng đèn điện, những đinh - ốc, nghĩa là có thể thay nhau được. Người nào cũng có những bộ quần áo cùng một kiểu cắt, cùng một thứ vải, cùng một màu sắc, và cử chỉ, dáng điệu, cho cả đến cách nói chuyện cũng giống nhau

nốt. Nhưng xã-hội Mỹ, trẻ trung, đầy sức sống, và có bị kỹ-nghệ hóa nhiều.

Hòa-Lan cũng có nhiều dấu hiệu của một xã-hội đang bị kỹ-nghệ hóa. Qua các cuộc thăm viếng các xưởng máy lớn, khách bàng hoàng trước sự « hạ giá » của con người. Trai gái 18, 20 tuổi biến thành máy hết cả: máy xoay đinh ốc 15 hoặc 20 chiếc trong 120 hay 180 giây, nghỉ 30 giây, hay máy đặt những hạt bụi Silicium to như đầu kim khâu trên các miếng kim khí mỏng như giấy và rộng không quá đầu tăm. Họ không có thì giờ suy nghĩ nữa.

Xã - hội Hòa - Lan hoàn toàn là một xã - hội quý phái, vì quý phái nên đẳng cấp phân chia rõ rệt. Và càng đi sâu vào đời sống sau ngưỡng cửa của họ, khách càng thấy những điều nhận xét ngoài phố hoàn toàn trái với sự thực. Sự đồng loạt bề ngoài theo ý tôi là do óc tồn cổ, thực-tế, và ít tưởng - tượng của người Hòa-Lan. nếp sống ngày nay, trừ một vài điểm nhỏ, cũng không khác nếp sống vài thế kỷ trước là mấy. Đó là biểu hiệu của cá tính người Hòa-Lan. Như trên đã nói sự phân chia giai cấp Hòa-Lan rất rõ rệt. Họ như xấu hổ khi có người bạn ở dưới điều kiện xã-hội của mình, hoặc kiêu hãnh khoe khoang khi có những người quen thành công rực rỡ. Những người này, đến lượt họ lại dần xa lánh những bạn cũ mà bước chân vào đẳng cấp mới của mình.

Trong những cuộc họp bạn của các giới giầu sang, câu chuyện không ra ngoài những người bạn bè khác, những việc họ mới làm nên, hoặc những đám cưới, những bữa tiệc, những buổi

khieu vũ trong gia đình. Chuyện của giới trí thức hạn chế trong nghề của họ. Những chuyên viên, công tư chức không bàn gì hơn về những việc làm hàng ngày, những câu pha trò nhạt nhẽo vô duyên chỉ đủ làm họ cười rộ lên trong khi chờ một người khác bắt đầu một câu chuyện mới.

Xã hội Hòa-Lan có lẽ có nhiều tổ chức nhất. Không người nào không có chân trong một vài hội. Từ hội từ thiện rộng lớn đến những hội chơi tem, chơi chim bồ câu nho nhỏ, những hội của các nhà tốt nghiệp đại học hay các tổ-chức tập hát tập nhảy. Mỗi tổ-chức có một tính cách riêng biệt và có liên quan đến việc làm của họ. Tỷ như hội những người tốt nghiệp Đại học Academisch Genootschap thường tổ-chức những buổi diễn đàn hay những cuộc họp mặt dành riêng cho họ. Trong các buổi đó họ được thoát khỏi sự kìm hãm của « nội tướng » và xa những con mắt tục tò mò, họ thi nhau uống rượu, ca hát, hay nô đùa nhảy nhót. Có những ông già 50, 60 tuổi đến hội để tìm lại những trò chơi thơ dại khi còn theo mẹ ra ấu trĩ viên. Có những hội sinh viên giàu ở Amsterdam, lấy tên chỉ là tổ-chức những cuộc bàn cãi về các vấn đề xã hội hay về vấn đề học, vì vậy các hội viên không được mời nữ giới tới. Thực tế đó là những quán rượu rẻ tiền, hầu bàn là hội viên, họ đến đó để học đòi những cách sống của ông cha họ ngày xưa đã chôn vùi những năm dài ở đó. Trong trụ sở nhiều người tự cho là chiến tướng lam mả ngày xưa, ăn uống ồn ào, nằm ngổn ngang trên ghế dài sau bữa ăn,

nằm đủ loại nhãn hiệu thuốc lá, sì gà. Rồi sau một cuộc đi dạo ngắn, hay một phim ảnh, ảnh hưởng của bia và thuốc lá đã tan, họ lại quay về lim dim gật gù bàn cãi về bài học tới 2, 3, 4, giờ sáng. Có lần một người Hòa-Lan khoe với tôi là chủ tịch một hội. Muốn lấy lòng, vì thấy ông ta còn trẻ, tôi bèn hỏi tên hội. Ông ta hơi lúng túng trả lời: Hội những đứa trẻ du-côn ! Sau đó ông ta giảng cho tôi: Đó là một trong nhiều tổ chức khác trong tỉnh.

Giờ mời bạn vào một nhà trọ. Ở Hòa-Lan có ít khách-sạn. Trong các tỉnh có kỹ nghệ lớn, thường thường có những nhà trọ chuyên môn hay những gia đình có thừa buồng cho thuê, khách sống như một phần tử của gia-đình, ăn uống, dọn dẹp chung. Nhà cửa ở đây ấm cúng hơn ở tất cả các nước khác ở Âu-Châu. Trừ những biệt thự, nhà các khu phố đông trong tỉnh đều xây theo mẫu được chuẩn y trước. Sự giống nhau làm cho khách nản. Nhưng bước qua ngưỡng cửa, khách có cảm tình ngay với sự quyến luyến của không khí hạnh phúc gia-đình. Chỗ nào cũng sạch-sẽ, vì bà chủ nhà không ngần ngại bỏ ra sàn lau giọt rượu bạn vô ý đổ ra thảm. Dù giàu hay nghèo nhà nào cũng có một buồng rộng, nửa ngăn làm buồng ăn, nửa tiếp khách. Từ khi thức dậy đến lúc đi ngủ họ không rời khỏi buồng này nên các đồ trang hoàng nhiều khi quá đầy: từ những cây cảnh quý, họ nhận được ngày sinh nhật mấy năm trước đây đến những đèn điện ở khắp góc nhà và cạnh mỗi chiếc ghế, đến những bàn ghế cũ nhưng chắc đã chứng kiến đám cưới của chủ nhân. Phải kể thêm

những ảnh kỷ niệm, những bức - họa nổi tiếng. Tất cả đều thuận tiện và giản dị, nếu họ dùng nhiều đèn chỉ vì điện rẻ, hoặc mỗi người muốn bật, muốn tắt mà không phiền đến người khác. Đồ đạc đều chứng minh óc thực hành và giản dị của họ. Khách càng tin là nhận xét của mình đúng, sau khi thăm viện bảo tàng ngoài trời ở Arnhem, nơi đời sống của dân quê ngày xưa còn được trưng bày nguyên vẹn: buồng ăn, buồng ngủ, buồng làm việc, và những lâu đài cổ khác như ở Muiden, lâu đài của chiến tướng, nay thành bảo tàng. Tuy gỗ có khác nhưng giường ngủ, bàn ghế, bếp nước đều vẫn cùng một kiểu.

Ông chủ nhà sẽ không để bạn ra về nếu bạn không ra vườn xem công trình chăm bón, xén tước của ông ta. Cái tuy vườn đối với họ như bộ quần áo đẹp, tuy không cần, nhưng ai không thích đẹp? Họ không trồng rau trong vườn để cạnh tranh với hàng bán rau đầu phố, nhưng trồng hoa vì hoa không thể vắng trong đời sống của họ, hoặc những đám hoa trước nhà để tránh vẻ trơ trẽn đồng loạt của phố xá hoặc hoa ở sau nhà làm ngon thêm cốc chè nóng sáng chủ nhật.

Khách quý đến nhà bao giờ cũng được uống, uống chè, uống cà-phê, hay rượu vang, rượu mạnh, rồi sau khi tán tụng nước Hòa-Lan xong, nếu bạn không khéo dẫn, câu chuyện sẽ nhạt dần khi đĩa lạc rang mặn, hay đĩa bánh đĩa kẹo đã hết. Sự giao thiệp với bạn bè của người Hòa-Lan không ngoài mục đích kể những chuyện vặt hàng ngày nếu không phải là một cơ đến uống cốc cà-phê, cốc bia hay ly rượu vang. Vì tính hà tiện nên họ đặt ra hẳn không mời thì không được

tự tiện đến nhà. Nhưng họ không khó chịu khi có khách đến nhà.

Người Hòa-Lan cần có người khác để thấy mình quan trọng, vì có dịp để khoe khoang, cần có bạn để khen họ cũng như cần có người ngoại quốc để tán thưởng đời sống êm đềm phẳng lặng họ đang sống, nhưng tán tụng sao được mãi. Đến câu hỏi thứ 99, và khi mấy miếng bánh bạn đem vào sở buổi sáng cho bữa trưa đã tiêu, bạn không còn háng hái lắm và thử phê-bình cách sống của họ xem phản ứng thế nào :

— Không, tôi không ưa Hòa - Lan lắm. Vì không chịu nổi ăn uống khổ cực, khí hậu xấu.

Người đối thoại với bạn sẽ trả lời, cúi kính : chúng tôi không sống để ăn như những dân tộc khác ! Mà thực vậy, họ ăn để sống, nghĩa là thanh đạm, không ngon miệng nhưng đủ chất bổ. Bữa điểm tâm không khác bữa cơm trưa, và bữa cơm của ông chủ không khác bữa cơm của bác thợ hay bác thợ ký. Một cốc chè nóng hay cốc cà-phê sữa làm trôi miếng bánh khô kẹp phó-mát, hay quả trứng luộc. Trong bữa trưa phần đông người ta ở lại trong sở, ăn gói bánh đem theo buổi sáng, trừ khi họ là kỹ sư, hay ông chủ có xe hơi về nhà khen tài pha trà của bà nội trợ. Trước bữa cơm trưa, 10 giờ sáng, giờ thiêng liêng của mọi người ; công xưởng ngừng việc, nhà trạm đóng cửa, thầy giáo ngừng giảng bài, bà nội trợ ngừng tay quét tước : người Hòa-Lan uống cà-phê. Năm phút nghỉ để lấy lại sức và trí để nói chuyện về thời tiết và dẹp cơn đói. Ba giờ chiều lễ nghi trên lại được nhắc lại

lần nữa. Họ uống nhiều thế nên trong bữa cơm chiều không có nước, có rượu, phải chờ tới 9 giờ tối mọi phần tử trong gia-đình mới lại nghỉ việc, uống thêm cốc cà-phê sữa để lấy đủ nước cho ban đêm. Thường trong ngân quỹ chi tiêu của gia-đình, phần ăn uống chỉ chiếm chừng 1/10. Vì khoai bổ và rẻ nên không bữa cơm chiều nào vắng mặt khoai. Bạn có cảm tưởng như họ có cảm tình với khoai, hiền lành, chân thật, chắc nịch. Người Pháp khi nói : *qui se ressemblent s'assemblent*, ai giống nhau tìm đến nhau, chắc nghĩ đến họ ? Tuy vậy người Pháp chuộng mới nghĩ ra tới hơn 10 món ăn dùng khoai, người Hoà-Lan tòng cổ và nghi-ky tất cả những điều gì gọi là mới nên chỉ làm 2, 3 món thôi.

Tuy đặt quan trọng vào đời sống gia đình, song họ không sống nghiêm ngặt. Cha mẹ đối với con cái rất thân mật tự nhiên. Họ không ràng buộc con nhỏ mà chỉ khuyến khích và kêu gọi sự suy nghĩ của chúng. Cũng vì nếp tự do đó mà sự giao thiệp giữa trai gái không bị nhìn với con mắt khắc nghiệt của các bậc phụ huynh. Họ cho sự giao thiệp đó là theo luật tự nhiên và cần thiết, chúng chơi với nhau lúc 14, 15 tuổi cũng như lúc 6, 7 tuổi và phần đông đối tình bạn thành tình yêu, và chung sống với nhau với tình bạn đó tới già. Lớn hơn nữa, khi nàng bán hàng trong hãng buôn, hay làm thư ký trong các công ty lớn, chàng học thêm, hay cũng đi làm góp nhặt từng đồng đợi ngày đủ điều kiện để sống chung. Mỗi chủ nhật họ gặp nhau vài ba lần, đến nhà nhau, xem chớp bóng hay đi các tiệm

nhảy hợp với túi tiền của giai cấp họ. Đời sống tình cảm của họ bình thản và phẳng lặng như đời sống vật chất. Không có gì bất thường xảy ra mà họ không biết trước. Họ không đòi hỏi nhiều ở người bạn trăm năm, chịu những thói xấu cũng như cổ tăng những nét hay.

Thường thường chỉ có người cha đi làm. Nếu họ có con gái lớn, khoản chi tiêu của gia-đình cũng rộng rãi hơn, không phải vì con đi làm đưa tiền cho mẹ — vì chúng phải để dành tiền phòng khi đi ở riêng — nhưng chúng tự túc được. Vì là người độc nhất kiếm ra tiền người cha điều khiển gia đình như một ông chủ. Đàn bà sau khi lấy chồng rồi dành hết thời giờ chăm lo nhà cửa, dạy dỗ con cái, và nếu còn thì giờ rồi thì giúp một vài hội từ thiện. Có nhiều nghề như nghề dạy học không được dùng đàn bà có con.

Người Hoà-Lan tin tưởng hoàn toàn ở những nhà chuyên môn, ở chính phủ. Vì họ cho rằng những nhà chuyên môn am-tường về nghề nghiệp, cũng như chính họ. Vì vậy các cuộc đình công rất hiếm. Họ chỉ biết và chỉ muốn làm việc, làm việc để tránh thiếu thốn cho ngày mai. Nhiều người hiện tại sống bằng bột cho ta cảm tưởng họ thờ ơ với tương lai và giao phó vận mệnh cho người khác, nhưng họ không gặp bất trắc, lúc nào cũng tự mãn. Đó chẳng là một triết lý khôn khéo sao ?

T. Đ. G.

Kỳ sau : B. Tính tình người Hoà-Lan — Thanh niên Hoà-Lan.

Lên

TƯỜNG - LINH

Về thăm xứ Bụi Mù Trời (*)
Sao Buồn Muôn Thuở (*) hỏi người Cao-nguyên ?

Cồng lơi, nhạc núi trao duyên
Suối xa ngổ tiếng đào-nguyên gọi mình
Trung-châu : mùa nhớ hoa quỳnh
Hành-trang của chuyến đàng-trình nhẹ tên.

Dinh mờ, xe ngai đường lên
Người trên lưng ngựa, ngựa trên lưng dèo
Mây ùn trốn gió Cheo-Reo
Khói thơm nếp mới, buôn nghèo chờ xuân.

Dừng đây, súng vọng đêm rừng
Thương con chim lạ vội ngừng tiếng sương
KonTum ngút khói sa-trường
Dây căng cánh ná, vút đường tên bay.

Chiều sương Đà-Lạt vơi ngày
Thư xưa ai hẹn chốn này tìm nhau ?
Quần-quanh lạc lối ban đầu
Chênh-vênh phố núi còi tàu vọng-âm.

Chim ơi, cho nhẩn Lâm-Đồng :
Chưa về xuôi được nhưng lòng về xuôi
Blao, thơ đẹp tình người
Chén trà thơm đọng duyên cười cổ-nhân...

Người vui chia trúc rượu cần,
Bản cáo chia nắng trời xuân Việt—Lào.

T. L

(Xuyên-sơn nhật-ký)

(*) Mệnh-danh của Ban-Mé-Thuột.

TÌNH CA SỐ 1

XUÂN - HIỂN

Đời đã lắm bản tình ca

Anh cũng làm tặng em một bản

X. H.

Lại một mùa xuân của chúng ta
Mười năm hương lửa tình chưa già
Tóc em dù bớt xanh thơ mộng
Bếp lửa chưa làm nhạt tuổi hoa

Em vẫn là mùa xuân của anh
Bầy con quần quít rộn thêm tình
Qua bao mưa nắng khu vườn cũ
Chim bướm thưa về lá vẫn xanh

Đã trọn mười năm bao mến thương
Dài nguồn ân ái thắm yêu đương
Ít nhiều lá úa và giòng lổ
Lắm chuyện chua cay lắm giận hờn

Đã biết bao chiều em ngần ngại
Âm thầm chờ đợi với canh chờ
Những đêm con khóc, nhà mưa dột
Anh mãi mê tìm một nét thơ

Những buổi anh vui với phố phường
Một tà áo đẹp một làn hương
Anh quên xóm lẻ nhà đơn chiếc
Vách mỏng phen gãy lắm gió sương

Cây nhỏ em trồng nay đã cao
Hoa đơn sơ nở điểm bên rào
Một trời xuân sáng. Ngồi đôi mắt
Thuyền lạc anh tìm thấy hương sao

Khép nép Xa Hoa lùi trước thềm
Bạc vàng e lệ trước duyên em
Ta đem Mộc Mạc tô xuân mới
Rộng mở trang đời bát ngát thêm

Phường phố người ta xây ảo mộng
Anh về — cửa sổ đón trời thơ —
Ngàn sao nức nở ca niềm sống
Mây trắng bâng khuâng trôi lững lờ

Luống cải. Vườn rau. Thềm trước nhà
Tơ trắng hương lý thoảng đưa xa
Xóm đêm thăm gửi hồn theo gió
Sương lạnh anh chìm trong giấc hoa.

X. H

NGUYỄN VU

MAI - TRÚC - DIÊN

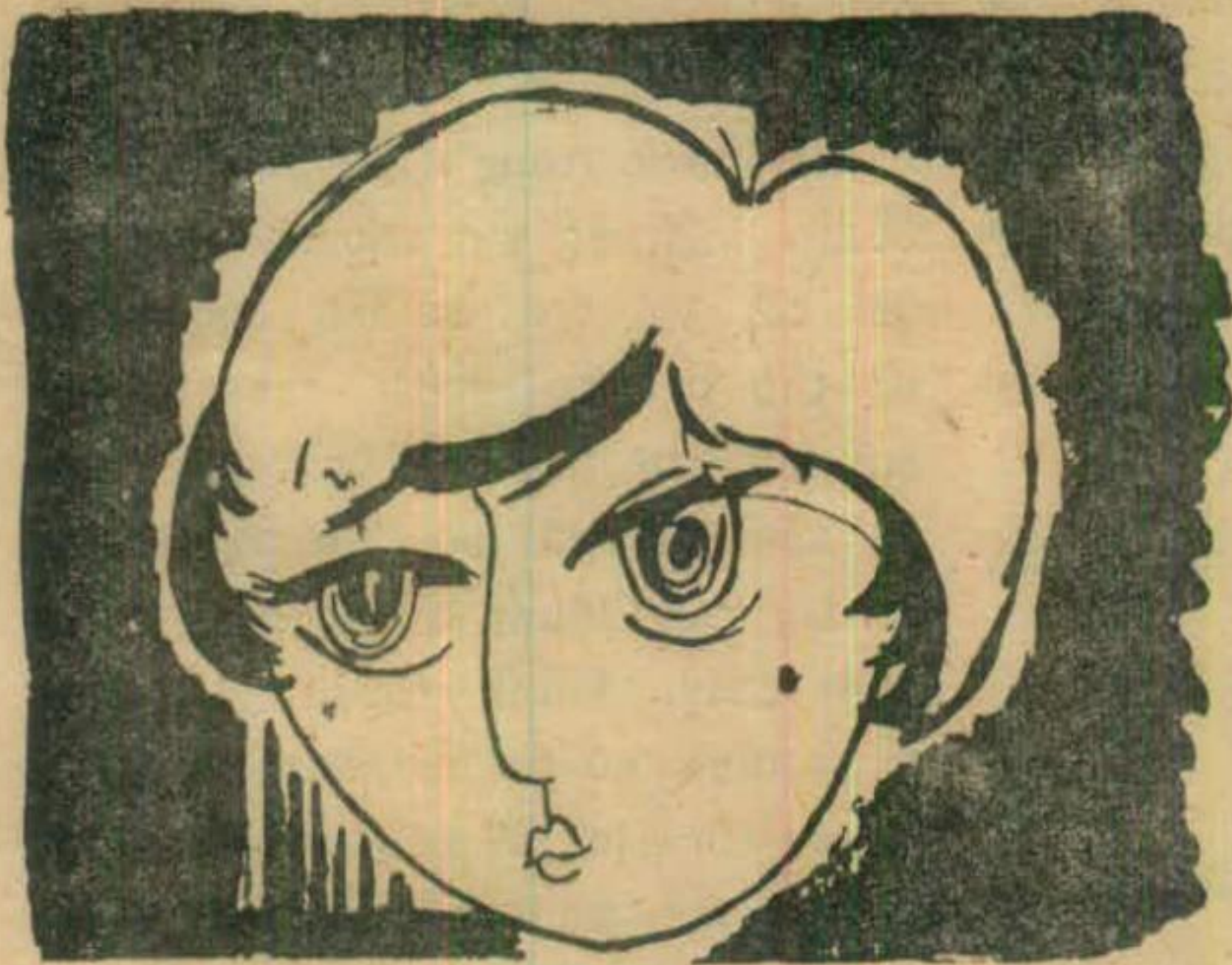
Hồn quẩn choàng ôm ba vũ-trụ
Sao trắng lạo sạo dưới chân đi
Bờ khe thấy giả đau trần trở :
Thửa ấy ta không người vuốt mi

Bỗng nhiên ai ngâm trong nước bạc
Sáo trúc ngân dài muốn đứt hơi
Nghe kể nào bùng hồn trút lại
Giữa óc khô và phở tiếng cười

Ta ngồi dậy làm chàng thư sinh
Thịt da không đung rất hiền lành
Hóa ra ai trộn vào thân thể
Những điệu trúc buồn mặc áo xanh

Và tim cũng mới tay cũng mới
Khắp chỗ gai gai toàn giác quan
Ta rờn rợn cảm từng sợi ý
N hư thửa đầu tiên gọi đến nàng

M T. D.



CÁI KIẾN

Truyện ngắn NHẬT-TIẾN

Cái kiến này kiến củ khoai...

NGUỜI ta bắt được nó trong một buổi hành quân. Nó chúi trong lòng một đồng rơm mục ẩm gần bờ ao. Tiếng súng kéo dài từ sáng sớm đến mãi xế chiều làm nó đói lá và ngủ quên ngay đi. Lúc trở dậy, ngọn lửa cháy đỏ trong suốt dãy xóm, tạt hơi nóng như thiêu ra bốn phía làm nó choàng dậy. Nó nghĩ đến những buổi chiều có gió mát, sau khi dắt trâu về được nhảy xuống ao bơi đùa với bọn trẻ cùng xóm. Tắm xong thì đã có mâm cơm dọn sẵn. Mùi gạo mới thơm lừng xen lẫn với mùi tương ngào ngạt từ dãy chum ngoài bể nước bốc lên đánh thức cái đói cồn cào sau những giờ nô rôn

ở ngoài bãi. Nó sẽ xuống bếp tìm ba cái ghè đóng bằng gỗ dừa khô đem lên đặt chung quanh mâm cơm ngoài đầu hè. Trăng bắt đầu nhô lên sau giàn thiên lý. Gió buổi chiều đưa mùi hoa thơm ngát thoang thoang trong sân gạch. Qua bụi găng làm hàng rào, bên ngoài từng con trâu trở về đồng bước nặng nề trên ngõ tối. Ở sau nhà, mẹ nó tắm và gội đầu xong đứng phơi tóc dưới những chùm hồng bị chín vàng. Mái tóc của bà đen mượt, dài lướt thướt giở những giọt nước lên mặt sân. Phía đằng sau, bầy gà đang lên chuồng rúc lên cùng cục, xen lẫn với tiếng trâu thờ phì phò qua kẽ ván hờ. Một lát

sau, bồ nó đi vườn trở về, ra rửa mặt ngoài bể nước. Trong chiếc lồng chim treo ở đầu giàn mướp, con sáo đen vỗ cánh vừa bay, vừa hót chí choé. Bồ nó đưa gáo nước đầy khế nghiêng vào cái cống sứ. Con sáo cúi xuống tớp từng ngụm rồi ngửa cổ ngược lên cao. Nó nghe thấy giọng bồ nó trách:

— Cống khô thề này mà không ai trông nom đèn cá.

Nó nhón một khoanh củ cải trên mâm cơm bồ tọt vào mồm rồi chạy lại. Hai bồ con lúi húi quanh chiếc lồng sơn màu xanh biển. Con sáo bay vùn lên một nhánh gỗ bắc ngang, hót mừng rồi rít.

Một lát sau, ba bồ mẹ con lại ăn cơm ở đầu hè. Ánh trăng tỏa mát trên sân gạch. Trên nền trời lồng lánh mấy vì sao ướt. Tiếng sáo diều theo gió u u từ xa vọng lại. Xóm làng êm ả trong những ngày hè. Rồi lại một đêm trăng sáng, thằng bé nó đùa với bọn trẻ đồng lứa tuổi.

Những hình ảnh ấy như một giấc mơ đẹp diễn ra trong giấc ngủ chập vạt của nó. Người nó phải cong lại như một con tôm để nằm vừa cái chỗ nấp nhỏ bé. Mặt nó ngửa lên cao để hít cho đầy phổi, khoảng không khí chật hẹp, ngọt ngào mùi rơm ẩm. Một khoảng trời xanh to bằng cái nôi đặc hiện ra thấp thoáng sau những cuống rơm nhăm nhở từ trên nóc

cao. Nó cảm thấy nóng, cái nóng còn ghê gớm hơn cả những lần nó phải dẫn hai con trâu băng qua giải cánh đồng đầy nắng gắt. Nó nghĩ đến bờ ao rợp bóng cây và làn nước trong xanh phẳng lặng. Bỗng nhiên nó vụt choàng dậy, rồi ôm cái cột tre leo lên nóc. Đầu nó thò ra hẳn ngoài khoảng trời mù mịt tàn than và khói lửa. Mặt nó xám đi, mắt nó ngơ ngác nhìn ra dãy xóm chung quanh đang ngùn ngụt cháy. Thình thoảng lại một tiếng sấm nổ rời rạc, xen lẫn tiếng người lao xao từ xa vọng lại. Nghĩ đến bồ mẹ, nó vụt nhồm người đu mình ra khỏi đồng rơm. Gió lùa qua rặng tre kéo kết, thổi tung những mảnh tóc ướt nhếch nháp trên đầu khiến nó cảm thấy dễ chịu vô cùng. Mồ hôi của nó se lại. Nó hít thật mạnh cho lớp không khí mát mẻ căng đầy lồng ngực. Rồi mắt nó nhìn xuống những tảng bèo xanh nằm im lìm trên mặt nước. Mấy bông hoa súng màu tím nhạt rung rinh, bọt nước thỉnh thoảng lại sủi lên những tăm cá nhỏ. Nó nghĩ đến những buổi chiều nóng nực được lội xuống bờ ao đùa với khúc gỗ xoan khô nổi lều bều trên mặt nước. Bất giác nó cởi phăng cái áo ướt dầm mồ hôi và lao mình xuống như một con chim bới cá. Mặt ao xao động, bọt nước bắn lên tung tóe, những tảng bèo nghiêng đổ rạp rên. Nước lạnh ngấm vào da thịt nó làm nó tỉnh táo. Nó vụt nhớ đến buổi sáng sớm, phía đầu làng chợt có tiếng nổ rộ

rã, xé màng tai và tiếng chân người chạy rậm rịch. Cả nhà nó thức dậy, xôn xao. Nó trèo lên đầu tường, trông ra phía cổng làng. Nó trông thấy những làn đạn đỏ bay lơ lửng ở trên cao, thỉnh thoảng một tràng hỏa pháo nổ liên tiếp giữa bầu trời, sáng rực như trăm ngàn ngôi sao nhỏ. Bỏ mẹ nó gọi nó xuống, trao vôi cho một mo cơm nguội rưới nước tương, rồi đẩy nó nằm tốt lên gòn gàng trong lòng đồng rơm ẩm. Từ đây nó chỉ còn nghe mơ hồ thấy tiếng người khóc, tiếng súng nổ, tiếng tre nứa gãy đổ rã rạc vọng qua chỗ nấp. Lâu lâu, nó ngủ thiếp đi. Nó nằm mơ thấy mình đánh trâu đi dưới bầu trời nóng ngọt ngạt, ruột đất khô cằn, toác nứt nẻ.

Lúc ở dưới nước ngoi lên thì mắt nó va phải mây họng súng đen ngòm. Họng súng chia về phía nó. Trên bờ ao lộ nhỏ những bóng người. Mây hòn gạch ném xuống mặt bèo, kêu lồm bồm. Người nó lạnh cứng, chân lay nó run lẩy bẩy, nó ráng sức kêu lên rồi rít :

— Tôi lên ! Tôi lên !

Rồi nó bơi giạt vào bờ. Một người túm lấy nách nó, lôi sềnh sệch :

— À ! Một thằng liên lạc !

Một ngọn roi tre quất vào lưng thằng bé làm người nó nảy lên. Nó có cảm giác như có một giòng nước sôi vừa chảy qua lưng mình. Theo kinh nghiệm, nó quì xuống

hai tay chắp lên đầu, vái lia lia. Nó đã trông thấy thê một lần rồi. Lần chị Sáu ở bên quê ngoại bị người ta lôi ra từ sau bồ lúa. Hai người chọc hai cái đòn sóc vào lưng chị. Một người khác chòng tay vào mạng sườn cười nhe cả hai hàm răng nham nhở. Chị Sáu chắp hai tay lên gối và sụp xuống lạy. Quả nhiên người ta không bắn chị mà dẫn chị vào căn nhà trên. Ở đây rú lên những tiếng cười ằng ặc.

Bây giờ nó cũng bắt chước chị Sáu. Hai tay nó chắp vào nhau. Nhưng nó chưa kịp vái hết một vái thì mũi giấy súng đã đâm vào đít nó. Người nó lộn phộc. Đầu nó cắm vào bụi cỏ ở ven bờ ao. Mặt nó xám ngoét đi. Nó nhìn mọi người, ngất ngư.

Người ta dẫn nó vào giữa sân nhà. Tàn than ở xóm bên kia vẫn bay mù mịt. Lửa đỏ vượn lên trên những mái lá. Tre nứa nổ lộp độp trong từng cuộn khói bốc lên ngùn ngụt. Ở trên thềm, những rương quần áo vút ra bừa bãi. Bàn ghế, tủ chè, giường phản đổ nghiêng ngã. Rải rác khắp mọi nơi, những giấy vụn, vỏ đạn, bông băng đầm máu và những vỏ đồ hộp vút vương vãi. Nó thấy những ngày êm đẹp thuở trước gãy đổ như khung cảnh ghê gớm trước mặt.

Bị bao vây ở giữa đám đông lỗ nhô, đầu óc của nó xáo trộn lên những hình ảnh, tiếng động và sự sợ hãi. Nó thấy những đôi giấy

đỉnh nhảy múa trước mũi sắt, thép sáng lạnh lẽo như những mặt người, tiếng cười, tiếng chửi rủa, tiếng tre nứa nổ ròn lép bép xen lẫn những tiếng hét như chọi: thủng hai màng tai: liên lạc, liên lạc, liên lạc... Người nó mềm nhũn ra, ướt ở mồm, ở vai, ở lưng. Máu, nước mắt, và mồ hôi.

Sau cùng người ta bỏ quên nó ở gần bể nước. Hoa thiên lý rụng xuống quanh đầu. Nó nằm mê man trong tình trạng nửa mê, nửa tỉnh. Nó thấy sân nhà nó tràn ngập ánh trắng rằm. Rồi ánh trắng nóng rực rực như lửa bỏng. Khoảng đó rực rỡ nhô lên từ mái lá phía sau, lan sang căn nhà giữa, rồi loang ra, lem lém như nước ròng trong một ngày lụt lớn. Nó mở choàng mắt. Nó thấy rõ từng ô vuông trên sân gạch lối lổm, sứt mẻ. Những vỏ đạn bằng đồng sáng loáng rơi ngổn ngang khắp chỗ. Từng luồng gió nóng bốc xoáy lên, cuộn rãng rắc trong bờ tre. Thình thoảng ở ngoài xa, lại vọng lên những tràng súng nổ rền. Miệng nó khô lại, cặp mắt như cộm đầy bụi và cát. Nó thêm một hộp nước. Bây giờ đầu óc nó chỉ còn nghĩ đến những giọt nước trong veo, mát lạnh thấm trên miệng giấy ở đầu ngỗ. Nó thiếp đi và mơ thấy mình đang đi quây nước vào những cái loa bằng đất nung đỏ chói.

*
* *

Hôm sau, khi tỉnh dậy, nó thấy mình nằm trên một cái nệm rơm.

Bên cạnh nó là một con chó cao lớn. Người và vật nhìn nhau. Con chó bỗng thè lưỡi liếm một cái lên bả vai nóng hổi của nó. Người nó rúm lại, tê cứng.

Nó định vùng lên chạy, nhưng nó thấy ngay rằng làm như thế là dại dột. Con vật lực lưỡng, với bốn chân thon và dài chắc chắn sẽ tóm được nó ngay khi nó chưa thoát ra khỏi cái bậc gỗ bên cánh cửa ngoài kia. Nghĩ thế, nó lại nằm im như cục gỗ, dương cặp mắt sợ sệt nhìn những cái nanh dài trong hàm răng con vật. Nhưng con chó không dữ tợn như nó tưởng. Con vật quanh quẩn bên nệm rơm, thỉnh-thoảng lại thè lưỡi ra liếm vào bả vai xước máu của nó. Cảm giác pham nháp và nóng nóng từ lưỡi con vật truyền sang làm nó dễ chịu. Nó muốn được liếm như thế mãi, vì bả vai của nó nỏi như, rập nát. Một lát, nó trở nên bạo hơn. Nó thò bàn tay về phía trước mặt. Con chó hếch mũi lên ngửi. Tay nó run run sờ vào râu con chó. Con chó lim dim, hai tai vênh lên, đuôi ve vẩy. Chỉ trong một lát, nó đã ôm được con chó vào lòng. Nó cảm thấy mình bớt lẻ loi. Ngay lúc đó, có tiếng giấy nện mạnh ngoài bậc cửa. Nó sợ hãi nhìn ra. Nó nom thấy một người cao lớn, cỡi trần đang bước vào. Gã ta cười lớn:

— Mày khoái chó hả. Vậy tao sẽ giao cho mày nhiệm vụ trông nom, tắm rửa cho nó.

Rồi gã lục túi vải lấy ra một khúc bánh mì. Gã bẻ đôi quăng cho con chó một nửa và thằng bé một nửa. Miệng gã huýt sáo và gọi nho nhỏ :

— Lu ! Lu !

Một lát sau gã quăng cho thằng bé một bộ quần áo. Gã bảo nó đi tắm rửa và dặn thêm :

— Theo tao đi trận nghe không. Mà mà tròn tao bắn bỏ mẹ.

Thằng bé buồn bã nhìn ra khung cảnh hoang tàn trước mắt. Khóm tre làng xác xơ, cháy nham nhở. Nhà cửa sụp xuống thành bình địa. Những mái lá đổ nghiêng đi, tro tàn âm ỉ cháy. Bồn bể hoàn toàn im vắng, thỉnh thoảng lại có một phát súng cô độc vang lên, ngân mãi về phía xa. Nó không tìm thấy một ai quen thuộc cả. Bỏ nó, mẹ nó, những người cùng xóm, cùng làng, tất cả không biết đã chết từ ngày hôm qua hay bỏ đi về đâu.

Bây giờ thì nó bật lên khóc. Đèn chiều, đoàn quân bắt đầu chuyển dịch. Nó nghiêm nhiên nhập bọn với một đám người xa lạ. Nó đi qua những con đường đất khô cằn, toác nứt nẻ. Nó cúi ngùi trông lại một lần chót những di tích còn lại của xóm làng thân yêu. Vài gốc cây trơ trụi lá, những mảnh tường xám đen, gạch vữa loang lổ, mặt ao đình vắng nước, đen ngòm bụi và tàn than. Bồn bể im vắng, chỉ có tiếng giầy nện âm thầm trên mặt đất. Một tay

nó cầm cái túi vải, một tay nó cầm xích con chó, nó đi ở giữa các đầu súng lạnh lẽo và những khuôn mặt lâm-lì.

*
* *

Ròng rã sáu bảy tháng trời, nó theo con chó đi khắp các nẻo đường khói lửa. Nó đã được chứng kiến những cảnh tàn phá, đổ vỡ, ở khắp mọi nơi. Người và vật xông xáo giữa bom đạn. Cuộc sống mới vất vả nhưng gây cho nó nhiều hứng thú. Nó thích được ngồi trên gò cao, ban đêm, nhìn những viên hỏa pháo nổ sáng rực giữa bầu trời. Phía đằng xa, xóm làng ngùn ngụt lửa, viên quanh khoảng chân trời bao la một vệt sáng quắn quai như một con rồng đỏ khổng lồ. Rồi cánh đồng ngồn ngang xác chết, những dinh thự, nhà cửa nổ tung lên dưới từng loạt mìn, hay súng lớn, những đêm lạnh lẽo đi xuyên rừng phải lội qua từng giòng suối tràn ngập ánh trăng. Tất cả làm cho nó quên ngay mình là một đứa bé lạc loài, vừa mất quê hương. Gã đàn ông rất bằng lòng về nó : Sau mỗi lần đi một nhọc, gã thường vỗ lên đầu con lu và an ủi thằng bé :

— Chú mày cồ đi ! Sắp được nghỉ phép rồi. Tao sẽ cho về thành mà chơi, tha hồ thích !

Thằng bé cúi xuống ôm con lu vào lòng. Con vật rít lên những tiếng ư ừ để tỏ dấu thân thiện. Người và vật cùng náo nức như nhau.

Nhưng con Lu không có ngày trở về. Nó đã bị trúng đạn chết trong một buổi đi trận cuối cùng. Thằng bé đào hồ chôn nó ở ven một bờ sông. Nó đi hái những chùm hoa về rắc ở trên mộ. Sờ phận con chó còn tốt đẹp hơn sờ phận hàng bao nhiêu người. Nó nghĩ đến những xác chết mắt đẩu, mắt chân, xinh thối ở khắp mọi nơi trong cuộc hành trình đã qua.

*
* *

Chỉ còn một mình thằng bé theo gã đàn ông trở về. Nó ngỡ ngàng trước khung cảnh thanh bình của thành phố. Ánh sáng xanh đỏ trên các cửa hiệu còn rực rỡ hơn những viên hỏa pháo nổ ngoài trận địa. Nhà cửa san sát, cao ngất ngưỡng nghếch mặt hẳn với khung cảnh tàn phá tiêu điều trên các thôn xóm. Thằng bé không thể ngờ được rằng trong thời chiến tranh lại còn có những nơi yên ổn, thanh bình đến như thế.

Gã đàn ông mang nó về một căn nhà rộng, có vườn hoa ở chung quanh, có đá sỏi lót trên lối đi, và bồn bể toàn bóng mát. Một lũ trẻ đẹp như những người trong tranh bu lại quanh chiếc xe đồ ở thềm cửa. Gã đàn ông bẻ bông lên từng đóa và hôn như mưa lên cổ, lên mặt chúng. Một đóa đá mũi giấy nhỏ xíu vào ống chân khắng khiu, đen đũi của thằng bé mà nói :

— Tù của ba há ba ?

Gã cười tít mắt, vừa ôm một người đàn bà trong tay, vừa nói :

— Ừ ! Nó coi con Lu đây. Nhưng con Lu chết rồi !

Một đóa òa lên khóc, trong khi cả bọn chu treó :

— Con Lu chết rồi !

— Con Lu chết rồi !...

Gã đàn ông không đáp, khoác tay người đàn bà đi vào nhà trong. Một đóa trẻ xúm lại quanh thằng bé nhao nhao :

— Sao mày trông nó lại để nó chết !

— Mày đánh chết con Lu phải không

— Thằng tù này phải bỏ vào tù mới được.

Rồi chúng nó bỏ hết lên nhà. Thằng bé lại ngồi bó gối ở đầu thềm. Nó nhớ con Lu và những ngày gian nan trong rừng rậm.

Đền chiều, gã đàn ông mới nhớ ra nó sau một giấc ngủ vùi. Gã chạy đi tìm. Nó cũng ngủ ở một góc cửa. U già dẫn nó xuống nhà dưới và cho nó ăn một bát cơm nguội.

U hỏi nó :

— Bỏ mẹ mày ở đâu.

Nó đáp :

— Ở nhà quê.

— Vùng nào ?

— Tôi không biết.

— Quê mình mà cũng không biết. Bò mẹ còn hay chết ?

— Tôi không biết !

U ngạc nhiên trông kỹ vào khuôn mặt nó. Cặp mắt nó lơ lơ, vầng trán ngắn ngắn, hai gò má hóp lại, đầy vẻ bần thiêu và đần độn. U nhún vai bỏ ra ngoài sân. Tiếng chân u dẫm lên sỏi lạo xạo, xen lẫn với tiếng cười nói loạn xạ ở nhà trên. Nó không nhìn theo, mà tìm một chỗ khuất lòi đi, ngồi xuống bó gối. Mắt nó lơ lơ nhìn lên từng dãy xoong chảo trắng bóng mắc trên tường. Ngọn đèn bụi bậm rờng xuống từ những cái cột cao, gập chạn bên cạnh nó đầy muỗi và mùi ẩm mốc. Bất giác nó thấy nhớ quê nhà, nhớ những buổi đi chăn trâu về được tắm ở hồ ao. Nó nhớ cả những buổi đi hành quân dẫm qua xác chết. Sự chết chóc, bom đạn không làm nó sợ sệt bằng khung cảnh êm ả trong căn nhà sang trọng này.

Từ phút ấy, không ai nhớ đến nó. Mọi người còn bận rộn với những cuộc vui. Nó ngủ thiếp đi trong mùi chả nướng, mùi thịt xào, mùi cơm canh thơm ngào ngạt. Mỗi đêm gần khuya, lúc rửa bát ở ngoài bể nước, u già mới chợt nghĩ ra. U lẩn vào xó bếp, xách cổ nó dậy :

— Mày là cái giống gì chứ đâu phải là người. Có cái mồm mà cũng quên !

Rồi u vét vào bát cho nó đủ các thứ đồ ăn. Nó ngồi ở dưới chân

ghề, gặm xương ngon lành. U bật cười nói :

— Dễ tao không nhớ ra thì mày chịu chết đói hờ !...

Nó không đáp. Mắt nhìn xuống tô cơm váng mỡ.

Sáng hôm sau, bọn trẻ quây quần ở trước sân xi măng. Một đứa nói :

— Chúng mình giải tù ra đây.

Cả bọn đồng thanh :

— Phải đây !

— Mình phải xử nó về cái tội làm chết con Lu.

Chúng nó hè lại, trói thẳng bé bằng một sợi dây gai. Một đứa nói :

— Phải có súng mới được, không có nó tầu thoát mất.

Mấy thằng kia bỏ lên nhà, lục lọi ở gầm bàn, xó tủ, lấy xuống hai khẩu súng gỗ. Một đứa dí vào mông tai thằng bé, hét to :

— Mày mà vượt ngục, ông bắn bẻ sọ.

Rồi nó ăn đầu tội nhân xuống, bắt quì. Đứa lớn nói :

— Tao làm quan tòa !

— Em làm luật sư hỏi tội nó.

— Thề còn em làm gì.

Đứa lớn đáp :

— Mày làm lính áp giải.

— Thề thì anh phải đưa súng cho em.

Quan tòa cũng cần có súng chứ.

Thằng bé phụng phịu 1 giây rồi chạy xuống bếp. Một lát nó cầm ra một cái then cửa. Nó thúc vào lưng thằng bé hét to:

— A lê! Có nom thấy gì đây không! Lôi thôi ông bắn!

Đứa lớn bệ vệ ngồi trên một cái ghế gỗ, 2 tay nó khuỳnh ra, nó lầy giọng nghiêm trang hỏi:

— Tại sao mày làm chết con chó.

Thằng bé đáp:

— Nó bị đạn!

— Mày bắn phải không?

— Không.

— Thề thì ai bắn.

— Tôi không biết!

— Thằng này nói dối! Mày trông nó mà lại không biết!

Lính đầu đá vào đít nó cho ta!

Một đứa giờ mũi giấy lên vừa đá lia lịa vừa hét:

— Mày có khai không? Mày có khai không?

— À, gan hả? Đúng nó là một thằng liên lạc!...

Thằng bé vùng lên. Sợi dây gai tuột ra khỏi cổ tay nó. Nó co chân chạy ra phía hàng rào. Lũ trẻ chu treó:

— Tù sông! tù sông!

Bác tài xế đang lim dim ngủ trong chiếc ô tô, chợt choàng dậy. Bác trông thấy nó chạy qua bề phun

nếu đời trắng chết

SAO-TRÊN-RỪNG

nếu đời trắng chết
tuổi vừa thu non
khi mộng chưa tròn
mái buồn liễu rủ
mì xuôi giấc ngủ
lòng khép vạn đời
anh sẽ cảm lời
vu vơ biển lạnh
một trời hiu quạnh
mắt đôi trắng sao
anh đắp mồ cao
mồ xây cát biển
anh quỳ tưởng niệm
trên bờ hư vô
như hồi ngày thơ
em chôn con bướm
em chôn con còng
để hiểu thêm rằng
cõi đời mộng mị

cõi đời mộng mị
anh đi lang thang

S.T.R.

(những bài tình đầu)

nước. Vội vã, bác mở tung cửa xe, chồm ra lao về phía nó. Nó bủn rủn chân tay. Tốp người xúm lại. Những cái báng súng nện vào lưng nó. Nó nghe thấy tiếng lao xao, ồn ào như một ngày nào nó bị lôi lên khỏi bờ ao.

— Trói... đánh... liên lạc... liên lạc...

*
* *

Tuần lễ sau, gã đàn ông lại lên đường. Nhưng lần này gã không đem nó đi theo nữa vì con chó chết rồi. Nghiễm nhiên nó trở thành một thằng tù, hầu hạ công không mọi người trong nhà. Sự tự do của nó đóng khung trong bốn bức hàng rào. Buổi sáng nó phải dậy thay u già đun nước sớm, rồi quét dọn, lau nhà, chẻ củi và rửa bát. Lâu lâu nó lại bị lũ trẻ bắt công đi vòng quanh sân. Những lúc rỗi, nó hay ngồi nhớ đèn quăng thời gian dặt con chó đi theo cuộc hành quân. Súng nó nổ, đạn réo, người chết, khung lẫn u già cảnh hỗn độn, rồn rập làm hứng thú hơn nhiều. Có bảo nó :

— Tù như mày là tốt phúc lắm

con ạ. Vào trại giam còn khổ bằng mười.

Nó nhìn u bằng cặp mắt đần độn nhưng tin tưởng. Bởi vì cái khung cảnh thanh bình ở nơi thành phố này đối với nó nhiều đe dọa hơn là những ngày sống tự do trên các nẻo đường bom đạn. Có hôm u hỏi nó :

— Làm sao mày bị bắt.

Nó đáp :

— Người ta bắt tôi.

— Nỡm lăm thì ai chả biết. Nhưng tại làm sao cơ chứ.

— Thề thì tôi không biết !..

U già bật lên cười. U nhìn nó thương hại. Nó cũng nhìn u ngơ ngác. U nói :

— Tao chưa thấy đứa nào đần độn và ngớ ngẩn như mày. Có cái thân phận của mình mà cũng chẳng biết...

Nó chợt thấy u nói đúng. Vì thật ra, nó không hiểu một điều gì về thân phận của nó cả...

NHẬT-TIỀN

Sài Gòn tháng 3/1962

Để sống một đời sống tự-do

HẰNG NGÀY CÁC BẠN HÃY ĐỌC

nhật báo **TỰ-DO**

TIẾNG NÓI CỦA NGƯỜI VIỆT TỰ-DO

Thời đã qua màu xanh-lá-cây
 Mong xuân, xuân đến được ba ngày
 Mai đem trắng gửi sương đầu núi
 Cúc rụng, vàng khô lạc xứ mây

Cửa rung chiều gió, trăng chưa mọc
 Ngủ giấc ra vào tỉnh đợi say
 Trời đất chẳng quên, chìm, lặng, tắt
 Cho buồn vui nghỉ hết đêm nay

Vận khúc đàn xưa buông xa khơi
 Vẫn mùa thương nhớ, vẫn sao rơi
 Mở trang sách cũ thơ tình héo
 Giữa mấy muôn năm chuyện khóc cười

Ca ngâm dài than van
 Ai đưa về điệu khác
 Co duỗi tìm không-gian
 Thoát ly đen tối ngủ khuya tàn
 Khất nợ cuộc đời, mai hãy chán

Hương quen thoảng tóc giờ gây phần
 Cựa gối, ngoan-lành khép mộng tươi
 Tạm lánh nơi đây giờ sống mới
 Quanh co

trở lại với con người.

Hòa-Âm số 4

Đ.Ý.

BÀY TỎ

DƯƠNG - PHÙ - SAO

Giờ trải hết đời anh không chỗ nào tươi đẹp
Cho mắt em trông xuống mát linh hồn

★
★

Ngực mơ hồ, giọng nói, hai mươi năm,
Tầm tay ngẩn, mùa đông, lòng đã tít.,
Khó: thuốc mộng lung, tháng ngày ần hiện
Thôi hết nhìn phường phố mắt hân hoan

★
★

Sóng vỗ muôn đời hồn biển động xa xăm
Văng trán rộng đông đầy sương khói núi

★
★

Nắng Sài Gòn anh khăn quàng mũ đội
Ngựa im bờm, cách biệt, đứng hoang vu
Con tim chàng tiếng đập đã đầy thu
Bàn tay chàng hư vô lời vẫy gọi

★
★

Khuya Nhatrang đèn vàng ga xám đợi
Anh co ro, ốc biển nín câm buồn
Trăng lặn xuống rừng mây trắng chất như non
Lòng yên tĩnh, bỗng ngàn thu gió thổi

★
★

Phố bạn bè anh về cầm tay Quảng-Ngãi
Tím ngát chiều mây khói Hạ Lào bay
Chuyến xe đèo lưu lạc trầy về xuôi
Hồn biệt xứ xôn xao từng xóm chợ

★
★

Mở mắt cột đèn nhìn ca-rô vỉa phố
Bỗng ngại suốt đời xa lạ hết anh em !

Thôi buổi sớm nào hồng, giấc mộng nào xanh
Tóc mượt thùy dương, linh hồn em huệ trắng
Bao dung anh về với tuổi thiên đường

..

Tay em dài mỗi ngón lá phong lan
Hãy góp cho nhau mười cành phượng thảo trắng
Nước mắt làm mưa thu, môi hồng làm nắng sáng
Đề anh dựng lâu đài trên ngực cao nguyên
Đề anh ngó xuống đời bằng cặp mắt vành khuyên
Bằng đôi cánh bồ câu vỗ lên vầng trán biếc

..

Với buổi sớm tình ca, buổi chiều nhã nhạc
Với trái tim em, anh tiếp tục lên đường...

D. P. S.

(Thơ của Hà)



Hy Lạp

BÙI - GIÁNG

Bề xô về bến cát mờ
Nửa đời trôi giạt em chờ đón tôi
Bình minh thơ đại hai môi
Lời chưa nói cũng như lời đã trao
Còn lư hơi thở miệng đào
Đêm qua kỳ mộng giọng nào đã nghe
Ngày sau chuyện cũ bên hè
Tiếng vang đầu lá dội về trong sương
Tàn canh với hận sa trường
Những người đã khuất trên đường viễn chinh
Triền miên hải đảo một mình
Chiều xanh lớp lớp sóng bênh bằng mây
Mùa xuân hiện giữa ngàn mai
Nguyên hình Nữ Chúa trên ngày phù du.

B. G.

Nguyên tác của :

CONAN DOYLE

Bản dịch của :

ĐẶNG-TRẦN-HUÂN

MA GIỮA

ĐẠI DƯƠNG

VẠN Sinh là phó giám đốc công ty Liên Sinh Thái chuyên trách việc xuất cảng cà-phê tại Tích-Lan. Ông dòng dõi người Hòa-Lan, nhưng tâm hồn và cách xử sự hoàn toàn như người Anh-Cát-Lợi. Tôi là đại diện tại Luân-Đôn của hãng ông từ nhiều năm. Hàng năm ông vào dịp ba tháng hè ông trở về Anh nghỉ ngơi bao giờ cũng tìm tôi để hỏi han về cách cư xử ở tỉnh thành và thôn quê Anh-Cát-Lợi. Ông rời phòng giấy tôi với bảy phong thư trong tay: chỉ ít ngày sau tôi nhận được tin từ một vài vùng xa của các bạn tôi gửi tới cho biết họ rất quyền luyến ông. Sau đó tôi lại nhận được tin ông đính hôn với cô Ái-Mỹ-Ly và ít ngày nữa họ sẽ làm lễ cưới. Nhưng những ngày hè ngắn ngủi lắm, chả

mây chốc đã tới lúc ông phải trở về Tích-Lan. Thề là đôi vợ chồng mới hưởng tuần trăng mật ngay trên chiếc tàu buồm một ngàn tấn của công-ty để về Colombo. (1)

Thời ấy, cà phê được mùa ở Tích-Lan, Những cánh đồng bao la đã từng đem lại những nguồn lợi vĩ đại. Trông những hương chè hay cà phê bát ngát ở Tích-Lan người ta vẫn thường cho đó là những mảnh đất tượng trưng cho lòng can đảm bền bỉ của người Hồng Mao.

Các điền chủ chưa hề biết tới những thiên tai, những tháng mưa dầm để hủy hoại tất cả hoa mầu trên những thửa ruộng cò bay thẳng cánh.

(1) thủ-đô Tích-Lan

Năm 1872, không có một triệu chứng xấu nào cho mùa màng cả. Các điền chủ sống trong hy vọng tràn trề. Vạn-Sinh lại dẫn người vợ trẻ đẹp về Luân-Đôn. Sau khi giới thiệu, cả ba chúng tôi đi ăn tiệm. Vạn-Sinh cho tôi biết ở Tích Lan công việc rất bề bộn và tôi sẽ đáp tàu *Sao Mai* cùng vợ chồng ông đi Tích-Lan vào thứ hai tới.

Ngày chủ nhật tôi gặp ông lần nữa. Ông tới tìm tôi từ lúc chín giờ tới, vẻ mặt lo lắng và buồn rầu. Tôi bắt tay thấy tay ông khô và nóng hổi. Ông nói với tôi bằng một giọng mệt nhọc :

— Anh có chanh quả, làm ơn cho tôi một ly. Tôi khát nước cháy cả cổ, mà mỗi lần uống là khát thêm.

Tôi bấm chuông gọi đầy tớ bảo lấy bình nước và ly rồi bảo ông :

— Ông đang lên cơn sốt. Tôi trông mặt ông thật sắc lắm.

— Tôi không sốt, chỉ hơi khó chịu thôi. Tôi ăn không thấy ngon và đầy bụng. Khí hậu ở Luân-Đôn quá xấu, tôi không thể sống ngọt ngào trong bầu không khí chật hẹp với hơn bốn triệu người hô hấp như ở đây.

Ông vừa nói vừa vung hai bàn tay gân guốc ra phía trước với vẻ hăm hực như người nghệt thờ.

— Khi tàu ra khơi. Không khí ngoài biển sẽ làm ông dễ chịu hơn.

— Đúng, tôi rất đồng ý với anh về điều đó. Tôi cần thay đổi khí

trời chứ hông cần bác sĩ. Nếu ngày mai mà chưa xuống tàu chắc là tôi sẽ bệnh nặng.

Ông cầm ly nước chanh uống một hơi, rồi lấy hai tay xoa lên bụng. Ông nhìn tôi bằng đôi mắt mờ ảo.

Anh! Tôi cần tới sự giúp đỡ của anh vì hiện giờ tôi đang ở vào một hoàn cảnh thật tệ hại. Đầu đuôi thế này : Tôi mới nhận giấy thép báo tin mẹ vợ tôi ốm nặng và nhà tôi phải trở về ngay thăm mẹ. Tôi không thể về cùng với nhà tôi được vì chắc anh đã thừa hiểu công việc làm ăn đang dở nên tôi không thể đi trong lúc này. Vừa rồi tôi lại nhận được tấm giấy thép nữa báo tin nhà tôi không thể tới vào ngày mai nhưng thứ tư sẽ đón tàu ở Falmouth (2) vì tàu tôi thế nào cũng ghé thành phố này. Nhưng tôi thấy thật là khó khăn khi bắt người ta phải tin vào một điều huyền bí và nếu người ta không tin thì lại nguyên rủa chề trách. Thôi! Mặc cho người ta nguyên rủa, phải không anh? Anh hiểu ý tôi nói chứ?

Ông cúi về phía trước và hít hít mấy cái mạnh như người đang thôn thức.

Tôi sức nhớ tới những câu chuyện được nghe người ta kể lại về phong tục của dân chúng trên đảo và thói quen uống rượu nặng không pha nước của họ. Có lẽ rượu đã làm

(2) Một thành phố ở miền Nam nước Anh gần gần Manche.

cho đôi tay Vạn Sinh run rẩy và thốt ra những lời tôi nghĩa chẳng? Tôi bỗng thấy lòng se lại khi nghĩ rằng người thanh niên quý phái này đang sa vào con đường tội lỗi.

Tôi nghiêm nghị bảo Vạn Sinh :

— Ông phải đi nghỉ ngay đi.

Vạn Sinh nhìn tôi với vẻ mặt ngạc nhiên và dơ tay lên dụi mắt như để cố thức thêm chút nữa. Bằng một giọng nhẹ nhàng, ông nói :

— Tôi phải đi anh ạ? Hối này, tôi thấy khó chịu trong người nhưng bây giờ thì đã khá rồi... Ồ, tôi vừa nói cái gì nhỉ? À, tôi nói chuyện nhà tôi. Phải rồi, nhà tôi sẽ ghé bên Palmouth. Tôi cũng muốn đi tàu để tới đón nhà tôi ở đó. Tôi được hô hấp một chút khí trời trong sạch là sẽ khoẻ khoắn trong người ngay. Vậy, chỗ tình bạn, tôi nhờ anh giúp tôi một chút việc riêng; anh đặt xe lửa đi Falmouth trước tôi vì tôi sợ rằng tôi đi đường biển không tới kịp. Tôi nơi anh trông nom nhà tôi giúp. Anh cứ đến thẳng khách sạn Hoàng Cung tôi sẽ đánh giấy thép cho nhà tôi biết trước. Nhà tôi cũng có một cô em gái đưa tới khách sạn.

Tôi đáp :

— Rất vui lòng giúp ông công việc đó. Thực ra, tôi cũng thích đi một chuyến xe lửa cho lạ. Vì khi về Tích Lan sẽ tha hồ đi biển rồi. Còn trường hợp ông, tôi thấy việc thay đổi không khí thật là cần thiết. Bây giờ thì ông nên đi nghỉ thì hơn.

— Vâng. Tôi sẽ ra bên ngay bây giờ và sẽ ngủ đêm trên tàu.

Mắt Vạn Sinh thoáng có một vẻ ngây dại.

— Mày đêm nay tôi chỉ chấp chờn không ngủ ngon giấc. Đầu óc tôi lúc nào cũng nghĩ tới những nguyên lý thần... thần... ở... thần linh họ... nghĩa là..

Ông nói như gào lên :

—... Nghĩa là tôi hoài nghi các lý thuyết thần linh. Có lúc tôi tự hỏi tại sao Đấng Tối Cao cầu tạo ra loài người? Tại sao chúng ta sống ở trên đời với muôn ngàn khổ cực? Chắc tôi nay, tôi sẽ dễ chịu hơn.

Ông tì tay vào thành ghế, gương gào đứng lên. Tôi nghiêm khắc nói :

— Ông Vạn Sinh, ông nên nghe tôi. Tôi thấy ông đi không vững. Ông không thể xuống tàu được. Đêm nay ông ngủ lại đây với tôi. Chắc ông đã uống nhiều rượu lắm.

Vạn Sinh trở mặt hỏi lại cụt lùn :

— Rượu?

Mọi ngày dù ông có uống rượu cũng vẫn không thấy ngơ ngác như hôm nay.

— Anh Kim : Tôi lấy danh dự thề với anh rằng từ hai ngày nay tôi không hề đụng tới một cốc rượu nào. Anh cho là tôi say rượu thì anh lầm rồi. Mà chính tôi cũng không hiểu sao hôm nay tôi lại khó chịu như vậy.

Ông cầm tay tôi đặt lên trán. Tôi kêu lên :

— Trời ơi !

Da ông mỏng như da trẻ con. Dưới da, một lớp những cục sần sùi lồi nhô như cuội nhỏ.

Ông cười và nói :

— Anh chớ lo ngại. Tôi mắc chứng đau mắt từ lâu rồi nên nó thế.

— Đau mắt sao lại có nốt mẩn trên trán ?

— Không, đó là tại khí hậu ngột thở ở Luân Đôn này đây. Ngày mai, nhất định tôi lại khỏe như cũ. Dưới tàu cũng có một bác sĩ giỏi lắm. Thôi chào anh tôi đi nhé !

Tôi kéo Vạn-Sinh ngồi xuống ghế :

— Ông không nên coi thường chuyện này. Ông hãy ngồi yên đây, để tôi kiểm bác sĩ đã.

Tôi đứng dậy lấy mũ và tới tìm vị bác sĩ ở đầu phò. Nhưng khi trở về nhà vắng tanh ; Vạn-Sinh đã bỏ đi rồi. Người nhà tôi kể lại khi tôi vừa ra khỏi cửa Vạn Sinh cũng kêu xe ngựa đi ngay. Ông bảo người xà ích chờ ông ra bến tàu.

Tôi hỏi :

— Mà thấy ông ta có vẻ mệt nhọc không ?

Hắn cười :

— Mệt ! Không, ông ta vừa lên xe vừa hát ầm ĩ.

Nghe thằng nhỏ kể lại tôi thắc mắc không yên. Nhưng tôi đoán chắc Vạn-Sinh xuống tàu Sao Mai

thì cũng có đủ thuốc men và bác sĩ sẵn sóc cho ông. Và lại dù muốn tôi cũng không biết làm thế nào hơn được nữa. Tuy tự bào chữa như vậy, nhưng khi nghĩ tới Vạn-Sinh với đôi tay nóng cháy, những câu nói lảm nhảm khó hiểu, cặp mắt nặng trĩu, vầng trán sần sùi như người hủi, tôi không khỏi bị ám ảnh về cuộc viếng thăm lạ lùng của ông ta

* *

Mười một giờ sáng hôm sau, tôi ra bến, thì tàu Sao Mai đã nhổ neo từ lâu. Tôi sẽ không được tin tức gì của Vạn-Sinh trước khi tới Falmouth. Khi trở về bàn giấy, tôi nhận được điện tín báo bà Vạn Sinh đã tới Falmouth. Như vậy chiều mai tôi và bà sẽ gặp nhau ở khách sạn Hoàng cung để chờ ngày tàu ghé bến. Mười ngày trôi qua, chúng tôi không nhận được tin tức gì về tàu Sao Mai cả.

Tôi sẽ không bao giờ có thể dễ dàng quên được mười ngày đó. Khi tàu Sao Mai rời sông Tamise để ra khơi, một cơn giông tố nổi lên dữ dội kéo dài suốt một tuần lễ không một giờ nào ngừng mưa gió. Từ trước tới nay chưa có một trận bão nào dai dẳng và cuồng loạn như thế ở miền Nam nước Anh. Đứng trên khách sạn nhìn qua cửa sổ, biển hiện ra trước mặt với sương mù mờ mịt. Gió thổi rào rào trên các ngọn sóng. Mây, gió, nước như xô đuổi nhau về phương Tây. Ngày lại ngày tôi vẫn mong chờ

trong khung cảnh buồn thảm ấy bên người vợ bạn u buồn lặng lẽ với đôi mắt hoảng hốt. Suốt ngày, nàng ngồi bên cửa kính mắt đắm đắm nhìn về phía trùng dương thăm thăm mờ mịt sương mù mong đợi một con tàu bắt ngời tiền tới. Nàng không than vãn câu nào, nhưng về mặt nàng là cả một thiên hận sử.

Tới ngày thứ năm, nóng ruột không chịu nổi tôi tìm một người thủy thủ già hỏi thăm tin tức. Tôi muốn nói riêng với hắn nhưng Ái Mỹ - Ly như đoán biết vội vã đến bên ngược mắt nhìn chúng tôi như cầu khẩn.

Nghe tôi kể rứt lời, người thủy thủ già trở mặt kinh ngạc :

— Khởi hành từ Luân Đôn bảy ngày rồi ? Như vậy đã chịu bão trong năm ngày. Có hứ gì chịu đựng nổi trên biển Manche trong những ngày cuồng phong này. Như vậy chỉ có thể có ba giả thuyết. Một là thầy thời tiết xấu tàu đã phải ghé vào một bến nào ở bờ biển nước Pháp.

— Không có lý vì Vạn Sinh biết là chúng tôi đang chờ ở đây và đã gửi giấy thép báo trước.

— Vậy thì chắc tàu phải tiến thẳng về phía Nam để tránh cơn bão đang tập trung tại vùng này. Nếu giả thuyết này đúng chắc hiện nay tàu không xa đảo Madère (3) là mấy. Giả thuyết này có nhiều

điểm tin được. Bà có thể yên chí như vậy.

— Thế còn giả thuyết thứ ba thì sao ?

— Tôi nói là có ba giả thuyết ư ? Không, chỉ có hai thôi. Tôi có nói tới giả thuyết thứ ba lúc nào đâu. Chắc chắn tàu Sao Mai bây giờ đang ở giữa Đại Tây Dương. Bà sẽ có tin tức của ông khi cơn bão dịu dần. Bà đừng quá lo ngại. Bà hãy kiên tâm chờ đợi, mai thế nào trời cũng tạnh ráo hơn.

Người thủy thủ già đoán quả không sai : ngày hôm sau trời sáng sủa quang đãng chỉ còn một vài đám mây nhỏ vẫn ở phương Tây. Tuy thế, chúng tôi cũng chưa được tin gì về tàu Sao Mai cả. Ba ngày lo lắng trôi qua, ngày thứ tư chúng tôi reo lên vì vui mừng khi nhận được lá thư của viên thuyền trưởng tàu Sao Mai do một thủy thủ mang tay tới khách sạn. Đọc mấy giòng đầu tôi toan giấu lá thư nhưng Ái - Mỹ - Ly đã nhanh tay giằng lấy.

Nàng nói với giọng thần nhiên :

— Tôi đã đọc mấy câu đầu rồi. Cứ để tôi xem hết cũng không sao.

Lá thư như sau :

« Thưa ông. Ông Vạn Sinh bị mắc bệnh đậu mùa giữa lúc tàu bắt buộc phải xa bờ để tránh bão. Chúng tôi không biết làm sao mà ông thì mê man mất trí. Căn cứ trên bản đồ có lẽ vị trí tàu Sao Mai hiện nay cách đảo Madère độ

(3) Một đảo ở Đại-Tây-Dương về phía Tây Maroc.

820 cây số. Chúng tôi cố gắng cho tàu ghé vào đảo để đưa ông Vạn Sinh lên điều trị tại một bệnh viện ở đảo này trong khi tàu thả neo ở ngoài vịnh chờ bà Vạn Sinh và ông tới kịp. Chúng tôi nghe nói mấy ngày nữa có một tàu buồm khởi hành từ Falmouth đi Madère. Thư này sẽ được gửi tới ông khi tàu trở về và mong ông trả cho thuyền trưởng một số tiền thù lao tương xứng.

Kính chào ông.

Thuyền trưởng Sao Mai
HINH

Đọc xong thư, Ai-Mỹ-Ly không nói lời nào. Trông nàng lúc ấy kiểu diễm như một nữ sinh mới ra trường nhưng vẻ mặt rắn rỏi cương nghị. Nàng mím môi, rồi với một chiếc nón chụp lên đầu.

Tôi hỏi:

— Bà đi bây giờ?

— Vâng.

— Bà có cần tôi giúp đỡ gì không?

— Không. Tôi tới bác sĩ.

— Bà đau?

— Không! Tôi đền nhờ bác sĩ chỉ dẫn cách chữa bệnh đậu mùa.

Chiều hôm ấy nàng bận rộn luôn tay. Sáng hôm sau chúng tôi đáp tàu *Tường-Vi* để đi Madère. Gió thổi thuận chiều đưa tàu lướt trên sóng biển. Trong năm ngày đầu, tàu đi với tốc độ lý-tưởng và chẳng còn bao lâu nữa chúng tôi tới đảo Madère.

Nhưng tới ngày thứ sáu, bỗng nhiên trời nổi gió buộc tàu chúng tôi bất động giữa một vùng biển nước quanh như dầu hoi.

Khoảng mười giờ đêm ấy, chúng tôi cùng ra boong tỉ tay lên lan can ngắm cảnh. Ánh trăng hắt phía sau in bóng đen xăm của chiếc tàu và đôi đầu chúng tôi xuống mặt nước lấp lánh. Những đợt sóng tắm ánh trăng vàng run rẩy giải dài xa tấp tới tận chân trời đơn lạnh. Chúng tôi cùng cúi đầu và nói chuyện nhỏ nhỏ. Giữa lúc đang bàn tán về tiết trời và cầu mong biển lặng, bỗng nghe một tiếng động mạnh dưới nước như tiếng quẫy của loài cá hương. Và đúng lúc ấy, dưới ánh trăng vắng vặc, Vạn Sinh nhô lên khỏi mặt nước đầu quay về phía chúng tôi đang đứng.

Chưa bao giờ tôi trông thấy vật gì rõ ràng như thế. Trăng tròn vành vạnh, trời không một ngọn mây. Vạn Sinh chỉ cách chúng tôi chừng mười sải tay. Mặt ông hơi to hơn khi gặp tôi ở Luân-Đôn, da có nhiều đốm sọc nhỏ màu xám đen. Đôi mắt và miệng ông mở to như bất ngờ gặp một chuyện kinh hãi. Hai vai ông có vật gì trắng như vải băng. Một tay áp trên tai, còn tay kia đặt ngang trước ngực. Tôi thấy ông từ dưới nhô lên. Mặt nước êm lặng vẽ thành những vòng tròn lan rộng tới tận thành tàu. Rồi ông lại chìm xuống với một tiếng động ròn như tiếng củi khô nổ trong lò sưởi vào một đêm đông băng giá. Lúc tôi nhìn lại không

còn thấy dấu vết gì nữa ngoài một vòng nước xoáy tròn ngay ở chỗ ông hiện lên. Tôi không nhớ rõ là đã kiễng cao chân đứng im ở thành tàu bao nhiêu lâu, để một tay bám chặt vào lan can cho khỏi ngã, một tay đỡ người thiếu phụ yếu ớt khi đó đã nhắm mắt và bất tỉnh. Vốn là người gan dạ, nhưng khi ấy tôi cảm thấy xúc động đến tận đáy lòng. Tôi đập chân xuống sàn tàu hai ba lần để biết chắc là còn tự chủ được mình và những sự việc xảy ra không phải là trong giấc mơ.

Ái Mỹ Ly rung mình, mở mắt. Nàng gương đứng ngay người lên tỳ tay lên lan can quay mặt ra phía biển lấp lánh ánh trắng. Nàng có vẻ mặt hốc hác như người mất ngủ và trông già đi đến mười tuổi. Nàng nói phều phào :

— Ông có trông thấy không ?

— Có. Tôi có trông thấy một vật gì.

— Anh ấy đây ! Anh Vạn Sinh. Anh ấy chết rồi.

Tôi lăm bắm trong miệng một câu nói hoài nghi.

Nàng lại thì thầm :

—... Chắc chắn là anh ấy vừa mới chết ở bệnh viện trên đảo Madère. Tôi linh cảm thấy đúng như vậy. Lúc nào anh ấy cũng nghĩ đến tôi, cũng trông ngóng tôi. Anh ôi ! Anh Vạn-Sinh yêu quý ơi ! Không bao giờ em còn được thấy mặt anh nữa !

Nàng thồn thức nấc lên. Tôi dẫn nàng vào phòng máy và để nàng

khóc cho hả nỗi buồn. Gió bắt đầu thổi nhẹ trong đêm và chiều hôm sau tàu chúng tôi đã tới thả neo tại vịnh Madère. Tàu *Sao Mai* đậu cách chúng tôi vài trăm thước ; một chiếc cờ cắm và một chiếc cờ tang treo cao trên ngọn cột buồm chính.

Ái-Mỹ-Ly chỉ tay và nói :

— Kia ông trông xem !

Đôi mắt nàng ráo hoảnh. Nàng biết có khóc cũng không cứu sống được chồng.

Tối đêm, chúng tôi mới được phép lên tàu *Sao Mai*. Thuyền trưởng Hinh chờ chúng tôi trên boong. Về bồi rồi và buồn rầu hiện rõ trên khuôn mặt người thủy thủ rám nắng. Ông còn đang lúng túng lựa lời khéo léo để báo tin hung dữ thì Ái-Mỹ-Ly đã chặn trước :

— Tôi biết nhà tôi đã mất rồi. Nhà tôi mất hồi mười giờ đêm qua tại nhà thương trên đảo. Có đúng thế hay không ?

Thuyền trưởng nhìn nàng với đôi mắt kinh ngạc.

— Thưa bà, không phải. Ông nhà qua đời cách đây tám ngày giữa lúc tàu lênh đênh giữa biển. Vì thời tiết xấu, không biết ngày nào có thể ghé bờ nên chúng tôi đã bắt buộc phải thủy táng.

Trên đây là tất cả những chi tiết chính về cái chết và sự xuất hiện của Vạn Sinh ở khoảng 35 vĩ độ Bắc và 15 kinh độ Tây. Trường hợp xuất hiện kỳ dị của Vạn Sinh giữa biển như thế thường rất ít khi xảy ra

nên đã trở thành đầu đề cho nhiều cuộc bàn cãi và thành đề tài cho biết bao tác phẩm. Giới thông thái cũng chú ý và cho rằng việc Vạn Sinh xuất hiện giữa đại dương chỉ là một trường hợp ma quái do thần giao cách cảm gây nên. Riêng tôi, tôi nghĩ rằng có những chuyện thần giao cách cảm lạ lùng thật nhưng về trường hợp của Vạn Sinh thì khác hẳn. Tôi đoán quyết cái xác xuất hiện giữa biển dưới ánh trăng Đại Tây Dương đêm ấy chính là ông Vạn Sinh bằng xương bằng thịt. Ở đời có nhiều sự tình cờ kỳ dị lắm. Vì thế tôi vẫn tin rằng một sự tình cờ lạ lùng đã run rủi chiếc tàu buồm của chúng tôi dừng lại đúng ngay chỗ thủy táng Vạn Sinh một tuần lễ trước, Không những thế, bác

sĩ còn cho tôi biết rằng cục chì buộc vào người Vạn Sinh lúc thủy táng rất lỏng lẻo và thường thường sau bảy ngày ngấm dưới nước xác người sẽ churong và có thể nổi lên mặt nước. Bác sĩ cũng cho rằng lúc đầu sức nặng của cục chì lôi xác chìm xuống đáy biển, nhưng khi cục chì rơi ra, cái xác nổi phềnh lên mặt nước một cách bất ngờ như chúng tôi đã trông thấy. Còn nếu có ai hỏi tại sao cái xác nhô lên rồi lại biến đi một cách ma quái và nhanh chóng tôi cần nhắc người ấy suy ngẫm về tiếng động ròn như tiếng cùi khô và vũng nước xoáy tròn khi cái xác biến đi. Vùng biển ấy có tiếng là nhiều cá mập và giồng cá này thường kiếm ăn vật vờ gần mặt nước.

Đặng Trần Huân

Đã Phát Hành vào đầu tháng 4/1962

NHÂN DIỄN VÓC DÁNG NGUYỄN ĐỨC QUỲNH

THẾ PHONG viết về đời sống một lãnh tụ nhóm Hàn Thuyên.

● Hàn Thuyên và Cousseau — Nguyễn - đức - Quỳnh và Salon littéraire 54-58 — Chính trị và văn nghệ hay là tôi chống cái lối nghe bằng tai văn nghệ suy diễn theo óc chính trị.

ĐẠI NAM VĂN HIẾN xuất bản cục. Có bán ở các hiệu sách lớn Saigon và Ai Hoa Huế.

B. N. C. I.



BANQUE NATIONALE pour le Commerce et l'Industrie

S. A. au capital de 80.000.000 N. F.
siège social : 16 Bd des Italiens Paris 9^e

SAIGON

36 Rue TÔN-THẮT-ĐẠM

135. *Đại-lộ* NGUYỄN-HỮU
(ex Charner)

Téléphones : 21.902 — (3 Lignes)
22.797 — B.P.E. 5

PHNOM-PENH

26, *Moha Vithei Preah Bat Norodom*
(ex Dudart de Lagrée)

Téléphones : 385 et 543
B.P. 122

Succursale de Hongkong

Central Building Queen's Road Central

Tel. 35.601

P.O. Box n° 763

La B. N. C. I. et ses filiale possèdent plus de 1.000 sièges en France, dans les territoires d'Outre-Mer et à l'Étranger, notamment en A. O. F., A. E. F. Antilles, Colombie, Uruguay, Sarre — Francfort-sur-le Main (Bureau de Représentation), en Afrique du Nord, Irak, Syrie et Liban (B.N.C.I. « A ») ; à Madagascar et à la Réunion, à Djibouti, à Addis-Abeba (Bureau de Représentation) (BANQUE NATIONALE POUR LE COMMERCE ET L'INDUSTRIE — OCEAN INDIEN) ; à Londres, Lagos, Apapa, Kane, Ebute Matta (British and French Bank) ; à Bâle (Banque pour le Commerce International) ; à Mexico Banco del Atlantico ; à Panama (Panama Trust Co. Inc.).

GIAO THÔNG NGÂN HÀNG

BANK OF COMMUNICATIONS

Địa chỉ (Adresse)

Hàng Chính (Siège Social)

ĐÀI - BẮC — TRUNG - QUỐC

Phân-hàng Saigon (succursale de Saigon)

87, Đại-lộ Hàm-Nghì (Bd de la Somme), 87

Điện-thoại 21.549 và 24.547

AGENCE DE CHOLON

158, Đại-lộ Khổng-Tử (Bd Gaudot)

Điện-Thoại : 36.268 và 36.269.

Danh sách điện báo : COMMUBANK

Các hăng Đại-lý thiết lập trên các thành thị lớn khắp thế giới, chuyên doanh tất cả các nghiệp vụ ngân hàng : và có tủ bảo hiểm cho thuê, mỗi tủ tiền thuê mỗi năm từ 300\$ đồng trở lên.



NGƯỜI CHA VÀ NGƯỜI CON

Truyện ngắn của MAI-THẢO

TỪNG đưa một — cả thầy năm đứa — từ buồng ngủ nôi đuôi nhau lừ đừ tiến sang phòng khách. Tôi đang ngồi đọc báo. Tôi giữa phòng, chúng tản ra. Thằng lớn đeo lưng lẳng ở về đuôi một khẩu súng lục gỗ, báng súng bọc giấy kim tuyến vàng óng ánh, ngực nó, ở phía tay trái, dính một ngôi sao năm cánh lớn, bằng giấy bạc. Thằng nhỏ nhất cũng vậy. Dáng đi, điệu bộ chúng, như những đồ trang bị trên người chúng, cũng giống nhau như đúc. Nhìn những khuôn mặt non choẹt ấy thoát sắc lạnh lại, những đôi mắt gườm gườm, sáng quắc tóe lửa — những đôi mắt khi đã đoán thấy sự hiện hữu của kẻ thù —

nhìn những thân hình chuột nhắt ấy di động chậm chạp, thận trọng trên nền đá hoa, trong những bước chân khuỳnh khuỳnh, dè dặt, trong cái phong thái ngang tàng của những đảng anh hùng tý hon bản nhanh và bản giỏi nhất thế giới, những đảng anh hùng đó đang nín thở, chờ rình, nghe ngóng, rón rén, rồi bất thình lình quay vút lại, bàn tay lăm lăm trên báng súng sẵn sàng nhả đạn, nửa mình tụt rạp xuống, đôi mắt trừng trừng xuyên thủng cái màn dầy đặc bóng tối của một số góc tường tượng — khi kẻ thù đã xuất hiện, đã đối diện — tôi không thể nhịn cười được trước cái cảnh tượng ngộ nghĩnh, nhưng

tôi không dám cười. Đi thật xấu thật xa vào cái thế giới thiên đường ảo tưởng thần thánh, những thượng đế nhỏ thó là những đứa cháu tôi đang sống rất thực, rất mê đắm cái trò chơi kỳ thú của chúng, căn phòng khách hiền lành đã biến thành một vùng đất địch núi non trùng điệp, một thứ thung lũng của tử thần, bàn ghế, đồ đạc đã hóa thân thành con ngựa, quấy rượu, mái nhà, tảng đá, chúng nó đang truy nã, đang thanh toán kẻ thù, tiếng cười giấu cợt lúc này là một tội ác, tôi biết thế, và tôi không dám cười. Một tiếng thét lạnh gáy : « Giơ tay lên ». Tôi giật mình trước một nòng súng đen ngòm chia thẳng vào mặt. Thằng nhỏ nhất đã tìm thấy kẻ thù, kẻ thù đó chính là tôi, tôi đành buông tờ báo giơ cả hai tay lên. Nhưng kẻ giết người phải đến tội. Păm, păm. Tôi ngã xuống, tôi chết rồi và bỏ mặc cái tử thi kẻ thù khôn kiếp năm đó, những đứa cháu tôi lại dăm chiêu, lừ đừ khuynh khuynh, dệnh dặng, thằng lớn dẫn đầu, thằng nhỏ tập hậu, vượt biên giới trở lại phòng ngủ.

Trò chơi đó tái diễn đã hơn một tuần nay, ngày nào cũng dăm bảy bận và tôi bị bắn chết đã hàng trăm lần, kể từ cái buổi sáng chủ nhật tôi đưa chúng nó đi xem Ciné, cuốn phim *Trắng Sĩ với khẩu súng bá vàng* của Henry Fonda. Chúng nó mê Henry Fonda và cái biệt thự nhỏ, yên tĩnh của anh tôi, dưới bếp, ngoài hàng lang, trong buồng khách, buồng ngủ, ngoài vườn, trong buồng

chứa đồ, đã xuất hiện đầy chật những Henry Fonda với khẩu súng bá vàng và ngôi sao bạc của người trắng sĩ mã thượng dũng cảm. Trò chơi đó tạo thành một thích thú vô song và toàn thể ở những đứa cháu con người anh ruột tôi, không trừ một đứa nào, trò chơi đó không hề một lần — tuy nó cũng đi xem phim — có mặt Khôi, Khôi không hề một lần nhập cuộc, Khôi không hề một lần tham dự.

Nó ngồi đó, thật xấu, trong lòng ghế, hai cánh tay bu bẫm duỗi thẳng song song trên đùi gối, mái tóc húi ngắn lồm chồm trên vầng trán rộng, đôi mắt nhìn thẳng rùng rùng, cái miệng mím chặt, khuôn mặt trang nghiêm, lững lờ, bất động và im lặng như một pho tượng. Không một thái độ, một phản ứng. Nhặt tờ báo lên, tôi cúi xuống hỏi nó :

— Cháu không chơi với các em sao ?

Nó nhìn tôi, đoạn lại nhìn thẳng trước mặt, không lắc cũng không gật đầu. Phút đó, tôi có cảm tưởng câu hỏi của tôi như tiếng gõ cửa một căn nhà đóng kín, nó đã thu mình vào một thế thủ như con ốc cuộn tròn trong vỏ, bao bọc toàn khắp cái thân thể và cái tâm hồn thơ trẻ của nó bằng một tấm giáp sắt. Tôi rút túi lấy năm đồng chia cho nó : « Cho cháu ». Nó thò tay cầm lấy nhưng vẫn ngồi yên. Tôi vỗ vai nó, thân mật : « Ra ngã tư tìm hàng bò viên, mau lên ». Lúc đó Khôi mới rời khỏi lòng ghế, khuôn

mặt trang nghiêm lững lờ vẫn không biểu lộ một trạng thái mừng vui nào, nó từ từ đứng dậy và mở cửa đi ra.

* * *

Một buổi sáng, tôi nhớ cách đây đã sáu tháng, Đường, anh cả tôi, nhận được lá thư của một người cô ngoại từ Biên-Hoà gửi về Đọc thư xong, Đường ngẫm nghĩ một lát, rồi ngừng lên hỏi tôi: « Chú bận gì không? Tôi ngạc nhiên trả lời: không. Đường gõ gõ ngón tay xuống lá thư: « Đây là thư cô Linh viết nói về anh Quảng. Và thằng Khôi, đứa con của Quảng. Tôi muốn nhờ chú đi đón nó về đây cho ăn học cùng với các cháu. Chú còn nhớ anh Quảng không?

— Quảng con cô Cả ? tôi hỏi.

— Đúng, Quảng con cô Cả. Đường cau mặt nói tiếp: Lạ thật, cô Linh nói nó là đứa con độc nhất của Quảng, Quảng đã đền nỗi nào mà phải nhờ cô Linh nói với chúng mình nuôi dưỡng hộ? Thôi được, hãy cứ đón nó về đây đã. Chú đi ngay hộ tôi bây giờ mới kịp trở về chiều nay. Đường đứng dậy, trao lá thư cho tôi: Quảng hiện ở Trảng Bom, địa chỉ của Quảng đây»

Trên chuyến xe hàng cũ kỹ lăn ọc ạch trên con đường quốc lộ sò một, suốt cuộc hành trình, nhìn sang những cánh rừng cao-su bát ngát, hàng nghìn gốc cây kéo hút tầm mắt vào những đường dài thẳng tắp, với những khung ánh sáng

hiện lên thật xa dưới vòm lá xanh đặc tối thẫm như những cửa hầm, tôi đã nghĩ đến Quảng, nhớ lại Quảng.

Quảng là con đầu lòng của một người cô — cô Cả Đoàn — chị ruột cha tôi. Trong số những cô, thím, dì, mợ, nội, ngoại, xa gần của chúng tôi, có thể nói cô Cả là người đàn bà xấu số, hẩm phận, bất hạnh và đáng thương nhất của cái thành phần mà mẹ tôi thường có thói quen gọi chung là những con gái của giòng họ Nguyễn. Mẹ tôi nói: « Con gái họ Nguyễn vất vả, nhưng không ai vất vả bằng cô Cả Đoàn. » Và điều đó thật đúng. Nói về cô Cả, Mẹ tôi thờ dài: « Cô cả Đoàn thì vất vả suốt đời. » Cô Cả vất vả thật và sự vất vả đó hiện hình ra bề ngoài, từ cái tiếng nói lúc nào cũng vội vàng, từ cái dáng đi lúc nào cũng hấp tấp, nửa thân trên đâm chúm về đằng trước, như chạy. Cái hình ảnh mà mẹ tôi thường dùng để diễn tả cái thân phận của những người đàn bà về làm dâu họ Nguyễn, cũng như những người đàn bà họ Nguyễn xuất giá — như trường hợp cô Cả — là cái hình ảnh rất tục ngữ đó của một hạt mưa sa. Hạt vào ruộng móc. Hạt ra vườn đào. Đó là hình ảnh một định mệnh tùy thuộc vào may rủi, vào hồng phúc, vào thiên số. Của một đời sống thiếu vắng hoàn toàn mọi điều kiện chủ động. Và cô Cả tôi đã là cái hạt mưa sa xấu số rơi vào ruộng móc đó là cái hoàn cảnh, cái đời sống tối tăm cùng khổ của người

chồng cô, đời sống tôi tăm cùng khổ của những người đàn ông sinh trưởng, lớn lên và chết đi trên những thửa đất cằn cỗi của một xóm nghèo, mà mọi đổi thay tốt đẹp chỉ có thể thực hiện bằng bỏ đi, bằng xuất ngoại, bằng ly hương, bằng lập nghiệp ở những địa phương khác, dưới những vùng trời khác.

Được may mắn thuộc vào gia đình một người đàn ông họ Nguyễn đủ can đảm xuất ngoại và tạo dựng được một địa vị, một cơ nghiệp — là cha tôi — những kẻ xa làng là chúng tôi chỉ rất họa hoằn, thường là vào mỗi mùa xuân, mới trở về quê cũ một lần. Nhưng những lần hồi hương hiếm hoi cũng đủ để tôi không thể nào sóa bỏ được trong trí tưởng, ấn tượng về đời sống trần trụi, nập sinh hoạt cùng cực của cái thôn xóm nằm dưới chân đê Hồng Hà kia.

Những vũng nước tù, những ao bèo, những con đường sông trâu lầy lội, những mái tranh siêu đồ, những bụi tre xơ xác gió lộng, và những bóng người lấm than, lúi thủi, vất vưởng, lay lắt trên cái bồi cánh tôi xám đen độ choáng vầng. Người làng không có ruộng đất, cũng không có một nghề nghiệp đáng kể, đủ để trở thành một sinh kế nuôi thân. Lợi tức độc nhất hàng năm trông hoàn toàn vào số lượng ngô bắp ít ỏi mong manh của mấy thửa bãi nổi bên kia bờ đê, lợi tức đó chỉ cần một đêm nước lớn dâng lên phủ kín khắp

bãi là tiêu tán. Và mất mùa, và đói, thì người làng, từ cụ tiên chỉ đến thẳng mõ, lại quay vào cái nghề thủ công lỗi thời và cùng khổ nhất: làm vàng. Chồng cô tôi chính là một điển hình của những bóng người lúi thủi lấm than đó vì thiếu điều kiện, thiếu tham vọng, bạc nhược an phận, nên đã sống rất già và chết rất trẻ bên đồng vàng giấy rẻ tiền. Cho tới Quảng, Quảng cũng lớn lên và cũng sống cái tuổi ấu thơ của Quảng trong cái cảnh ngộ tối tăm, kín đặc, không một lối thoát này. Quảng hơn tôi mười hai tuổi. Hình ảnh mà tôi giữ được của Quảng, ở những ngày tháng trẻ dại của mình, là cái vóc dáng xanh yếu, khuôn mặt nhẵn nhụi của một người anh họ ngồi xôm bên những chồng nứa chẻ nhỏ những thếp giấy bồi, chậu hồ bột nệp, lúng túng ngượng nhen đứng dậy khi chúng tôi ăm ỉ kéo tới, và cái ngược mắt buồn rầu chứa đầy của Quảng buổi chiều từ cổng làng nhìn lên mặt đê cao, khi chúng tôi lên xe trở lại với ánh sáng và đời sống rục rờ của thành phố.

Cha tôi thầy Quảng thông minh, khuyên cô tôi cố gắng cho Quảng ăn học đến nơi, đến chốn, điều mà cô tôi nghe theo. Nhưng tôi được ban thành chung, Quảng cũng phải bỏ học. Ít lâu sau đó Quảng đã hai mươi tuổi — trong ý định chia sẻ một gánh nặng gia đình chống chọi đã quá lâu trên đôi vai gầy yếu và đơn độc của người chị xấu số, cha tôi đã về tận làng đón Quảng

xuống ở cùng với gia đình tôi, trả lương tháng cho Quảng để gửi về cho cô tôi, bằng cách giao cho Quảng trông nom sổ sách kê toán, và buổi tối, kèm thêm chúng tôi học. Sống dưới mái gia đình tôi, Quảng đã làm mọi công việc được giao phó, một cách chu đáo và có lương tâm, điều khiển cho cha tôi rất đôi hài lòng, và đã khiến mẹ tôi — lúc nào cũng nhìn đời như «đũa có đôi» — tính đến chuyện thay quyền cô tôi, gây dựng cho Quảng. Đã trưởng thành, nhưng bản chất không đổi thay, giữa chúng tôi, Quảng vẫn là kẻ xa lạ đó, lăm lỳ, tư lự, ít nói, những xúc động và ý tưởng thẩm kín bị đánh chìm xuống tận đáy cùng một nội giới u uẩn, sự biểu tỏ ra bề ngoài, chỉ là sự cách biệt và cái thái độ im lặng, cái thái độ hư vô mơ màng những phút Quảng cúi đầu đi đi lại lại hàng giờ ở khoảng sân vắng sau nhà, những đêm tôi chợt thức giấc, nhìn thấy bóng Quảng trên khung cửa sổ nhìn đắm đắm lên nền trời sao, những buổi chiều Quảng một mình đi qua chiếc cầu nhỏ sang con đê bên kia sông, cái bóng nổi lên vòm trời như một tháp chuông cô độc.

Tuy vậy, ở cái con người lăm lỳ trầm mặc đó đôi khi đã bắt chợt nổi dậy những phút cău kinh, những cơn giận dữ khủng khiếp. Và khi giận dữ, Quảng biến đổi hoàn toàn đến độ mất tự chủ. Đôi mắt Quảng đỏ ngầu. Tay chân Quảng run bần, miệng Quảng sùi bọt mép, mặt

Quảng tái nhợt. Như một người điên.

Đó là những lúc mà, đang đắm chìm ngây ngất trong cái thế giới ảo tưởng của mình, Quảng bị chúng tôi tới phá quấy, làm rộn, hoặc chê giễu. Quảng ưa mơ mộng và có thói quen vừa mơ mộng vừa đi đi lại lại. Những lúc đó Quảng ở trên mây, khuôn mặt đờ đẫn như bị mê hoặc bởi chính sự mơ mộng của mình, những lúc đó, Quảng hoặc vừa đi đi lại lại, hoặc vừa khe khẽ ngâm thơ. Và chỉ cần chạy đến ôm chầm lấy Quảng, hoặc đùa nghịch ám ý quanh người Quảng, làm thức tỉnh Quảng khỏi giòng mơ mộng triền miên liên tục của Quảng, là đủ để Quảng hét lên như một người điên, và chắc chắn là chúng tôi sẽ ăn phững cái tát nên thân. Một trong những câu thơ tôi nhớ Quảng thường ngâm ngợi là câu này mà chỉ rất lâu về sau tôi mới biết là của Lưu-Trọng-Lưu :

*Ước gì thuyền đậu ngoài muôn
bến.*

Tôi nhớ có một lần đã hỏi Quảng về câu thơ đó : « Ngoài muôn bến là cái gì, anh Quảng ? » « Ngoài muôn bến là là... hừm hừm... » Quảng có vẻ muốn cắt nghĩa cho tôi hiểu, nhưng liền đó Quảng đã cau mặt gắt lỏn mắng tôi là trẻ con biết gì mà hỏi và đuổi tôi đi học bài. Bây giờ, nghĩ lại về Quảng, tôi mới biết cái hình ảnh « ngoài muôn bến » của câu thơ cũ chính là hình ảnh nổi mơ ước trừu tượng, niềm ám-

ảnh siêu hình của Quảng, và câu thơ đã cắt nghĩa ở một khía cạnh nào đó cho cái quyết định lìa bỏ gia đình tôi của Quảng, lúc bấy giờ.

Sống với chúng tôi được ngót hai năm, bỗng nhiên một hôm Quảng xin cha tôi cho phép được nghỉ việc, lấy cớ là về làng thăm mẹ và lũ em nhỏ. Cha tôi bằng lòng, nhưng dặn Quảng phải trở lại. Nhất là mẹ tôi, mẹ tôi bắt Quảng hứa phải trở lại, bởi đã dăm sẵn được một chỗ cho Quảng và muốn hỏi cái «chỗ ấy» cho Quảng. Quảng vâng dạ. Nhưng Quảng về mà không trở lại. Nửa tháng sau, người trở lại, lại chính là cô tôi. Cô tôi mếu máo, khóc lóc báo tin cho cha mẹ tôi biết, Quảng đã xuống một chiếc tàu biển, đi theo đoàn mộ phu đồn điền cao-su vào Nam-kỳ.

* *

Chiếc xe hàng tắt máy đậu lại trước một túp lều dựng sát mặt lộ, đầu một lối đi vào. Một dãy nhà lá lụp sụp gò lên nhau chạy dọc theo lối đó, đối diện với cánh rừng cao-su phía nhà máy bên kia với những mái ngói đỏ chói nổi bật trên nền lá xanh đậm. Bà cụ hàng nước bảo tôi «thấy Quảng» ở căn nhà cuối dãy. Tôi đi vào, những chiếc xe be vừa chở gỗ qua đây, những vệt bánh chở nặng lún xuống còn in hằn trên mặt đất ẩm ướt. Suốt lối đi, những đứa trẻ con trần truồng ngồi chầu bấu trên những chiếc vỏ xe cũ vắt ngón ngang từng đồng lớn. Năng

bùng lên dữ dội. Không khí chập chờn choáng váng. Đền trước một tầm phen nửa mà nước mưa đã làm thành những tầng rêu loang lổ khắp bốn góc, tôi đứng lại. Tôi cất tiếng gọi lớn: «anh Quảng, anh Quảng». Tiếng chân người lệt sệt kéo lệt trên nền đất bên trong, một bàn tay thò ra đẩy tầm phen, tầm phen nhích đi để lộ một khoảng trống hẹp, khoảng trống hẹp đó đã đủ cho tôi nhìn thấy người đứng trước mặt là Quảng.

Tôi còn nhớ, mãi mãi, cái cảm giác của tôi lúc bấy giờ, là một nhói buốt kinh hoàng ở ngực, sự nhói buốt đau đớn đâm suốt vào tim như một chiếc gai. Qua bao nhiêu năm, tôi vẫn nhận được Quảng, nhận được ngay, tức khắc, nhưng đồng thời cũng là để nhận được, tức khắc, sự đổi thay lạ lùng của Quảng, nó hiện hình ở khuôn mặt Quảng. Chưa từng ở một người nào, chưa bao giờ, tôi lại nhìn thấy, lại có một bằng chứng cụ thể về sức tàn phá hủy hoại ghê gớm, khủng khiếp của cái mà người ta vẫn gọi tuổi tác và thời gian, nhưng không phải, không phải vậy, không phải là tuổi tác và thời gian, mà chính là sức tàn phá hủy hoại của chính sự sống, khi sự sống đã không còn là một nguồn nuôi dưỡng, khi sự sống chỉ còn là một sức tàn phá dã man, mọi rợ, cái sức tàn phá của cơn rần độc mỗ mỗ, mỗ mỗ không thôi vào mắt vào mũi, của những giọt cường toan cháy sèo, cháy sèo, mãi mãi, không

thời vào trán vào miệng, và bây giờ thì sức tàn phá đó đã để lại đầy đặc, kín khắp những vết theo kinh khủng.

Trong ý tưởng gặp lại một người đứng tuổi, tôi đã đứng trước mặt một ông già. Và sự già nua này cũng khác thường, rùng rợn. Nó tạo cho tôi cái cảm giác lạnh ớn, tôi đã xem ở một cuộn phim quái đản nào đó, của một khuôn mặt trước một phút thanh niên, trẻ trung, một phút sau đã biến hình, tất cả những nếp nhăn nhất loạt hiện ra, tất cả những đường máu đường gân đồng loạt rút mất, của một trái xanh thoát chột méo mó, nhăn nhúm, thời rữa và rụng xuống. Quảng mang trên mặt Quảng cái khuôn mặt đó, cái khuôn mặt của một sự già nua thể thâm hiện hình, cái khuôn mặt hải hùng của cái chết phơi bày toàn vẹn nhất, đầy đủ nhất, kinh dị nhất trên khuôn mặt của một kẻ còn sống.

Tôi không gặp Quảng đã ba mươi năm. Nhưng điều đó chẳng chứng tỏ gì hết. Giá có là ba trăm năm sau, tôi vẫn không thể nào ngờ Quảng có thể đổi khác đến như vậy.

Cô gắng lắm, tôi mới tạo được một nụ cười và hỏi Quảng:

— Anh Quảng còn nhớ tôi không nào?

Đôi mắt đục đỏ của khuôn mặt tàn phá nhìn tôi trong cái nhìn

đờ đẫn, mệt nhọc, Quảng lắc đầu: « Không ». Quảng nói, giọng khàn khàn, rồi Quảng cúi gập xuống trong cơn ho rũ rượi. Tôi đành phải nói tên tôi, và vẫn chưa đủ, phải nhắc đến tên thầy tôi, lúc đó Quảng mới biết. Quảng à à mấy tiếng, đoạn né sang một bên cho tôi bước vào. Căn buồng tôi mờ mờ, hơi lạnh từ mặt đất toát lên. Một cái tủ áo mất cả hai cánh, quần áo ném ngổn ngang trên những ngăn trống. Một chiếc trống che thấp và một chiếc giường còn buông màn kín mít, tấm mùng tôi bản như căn buồng thiếu ánh sáng. Một cái bàn gỗ, hai cái ghế, trên mặt bàn để một ấm bình tích nước, mấy cái chén lông chông, một ngọn đèn dầu, ánh lửa trắng bệch.

Chúng tôi cùng ngồi xuống chiếc trống tre. Dọc đường, nhớ lại câu thơ cũ mà Quảng vẫn ưa thích: « Ước gì thuyền đậu ngoài muôn bến » tôi đã định bụng gặp lại Quảng sẽ nhắc lại để trêu Quảng, nhưng tôi không còn can đảm nữa. Người anh họ mơ mộng ngày trước đã lùi rất xa rất khuất sau cái ông già, kẻ lạ mặt đang ngồi trước mặt tôi, và thú thực, phút này, tôi đã muốn đứng giậy ra ngoài, tôi đã muốn bỏ đi thật mau, để may ra, còn giữ được một phần nào cái ấn tượng muốn giữ về Quảng, nếu không là muộn quá.

Tôi hỏi Quảng:

— Anh vẫn mạnh?

— Dạ, tôi vẫn mạnh, Quảng trả lời và lại im lặng ngó xuống bàn

tay, bàn tay mà tôi đã nhìn thấy những ngón gầy quắt, run run của người mắc chứng động kinh. Đó là những ngón tay lầy bầy của kẻ nghiện rượu đến cái độ rượu đã hành hạ đã hủy hoại mãnh liệt cơ thể. Không muốn kéo dài sự im lặng bắt đầu trở nên nặng nề, tôi vào thẳng câu chuyện :

— Chúng tôi vừa nhận được thư cô Linh...

Nhưng : — Chú nói lớn một chút. Quảng đã ngắt lời tôi, và lấy tay chỉ chỉ vào tai : chú nói nhỏ tôi nghe không thấu chú à !

Tôi ngán người, Thảm thật. Quảng già, Quảng còn điếc nữa. Tôi đành ngồi xích lại, và đằng hắng lấy giọng, tôi nói lớn vào tai Quảng là chúng tôi đã nhận được thư cô Linh, và Đường cho tôi lên đây đón thẳng Khôi về cho ăn học cùng với lũ con Đường. Lúc đó, Quảng mới nghe rõ. « À, vâng, thẳng Khôi ». Nhìn ra cánh vườn cao-su lúc đó đã im ắng trong nắng đứng bóng như tìm kiếm, Quảng lắm bầm : « Quái, nó lại chạy đâu mất rồi », Và quay lại tôi : « Vâng vâng, chính thế, chính thế, tôi muốn phiền các chú trông nom giúp tôi thẳng cháu. Tôi muốn phiền các chú... tôi muốn phiền các chú... »

Thân hình Quảng cúi gập lại như có một sức nặng vô hình đè xuống và Quảng cứ lặp lặp nhắc đi nhắc lại : Tôi muốn phiền các chú, tôi muốn phiền các chú... cho đến khi Quảng ngừng lên, đôi mắt đục đờ

của Quảng đã dần dụa. Trên những khoé mắt mệt nhọc, giòng lệ dềnh lên, tràn đầy, ứa ra, lăn chảy từ từ thành vệt xuống khuôn mặt tàn phá. Quảng khóc, và ngồi nhìn Quảng khóc, tôi thấy hiện lên dần dần, một sự đổi thay ở Quảng. Tôi thấy tôi lắm. Sức hủy hoại của đời sống ghê khiếp thật, nhưng không toàn thể, tận cùng như tôi đã tưởng. Trên những nhà cửa đổ nát tan tành dưới trận giông bão cuồng nộ tôi vừa nhìn thấy ở cuối đáy cái góc vườn tâm hồn của Quảng, một nhánh cây non, nhánh cây đó vẫn sống, rất khỏe, và rất xanh. Nhánh cây đó, mọc dần theo giòng lệ chảy, đang làm tươi mát lại — như một trận mưa đầu mùa — cái khuôn mặt sa mạc héo hon của người anh họ tôi.

Nhắc đến thẳng Khôi, đến đứa con độc nhất, Quảng đã chạm tới cái phím đàn trùng cuối cùng trong hệ thống những đường tơ cảm xúc đã tê liệt đã yên nghỉ của Quảng, thắp lên cái ngọn nến cuối cùng còn cháy sáng leo lét trong cái tâm linh đen đặc của Quảng. Trước đôi tượng của một niềm ăn năn, hối hận và thảm sầu vô cùng tận, người cha trong Quảng đã sống lại. Sự sống là một hồi sinh đau đớn. Nhưng Quảng đã sống lại, với nó.

Chắc đã lâu lắm, Quảng mới được khóc như vậy. Tôi nghĩ, tốt hơn là để mặc cho Quảng khóc. Những giọt nước mắt ấy tốt và cần cho Quảng. Nghĩ vậy, tôi đứng dậy đi ra cửa, nhìn ra ngoài. Cánh rừng cao-su trước mặt ngút ngàn chạy dài, ánh

nặng đứng lại trên những tàn lá đầy như một cái mái chối lòa lạp lảnh, không lọt được xuống dưới, thắm cỏ xanh nõn trải qua những gốc cây cách quãng đều đặn. Cồng vào nhà máy vắng tanh. Một toán phu ngồi quây quần ăn cơm trưa trên một khoảng đất trống. Những cánh bướm bay lượn chập chờn cuối lối đi mở vào cánh rừng già. Yên lặng, bát ngát, buổi trưa lớn ngủ thiếp.

Tôi đảo mắt nhìn toàn thể khu đồn điền, thâm tâm chợt nổi lên sự so sánh đời sống thoi thóp tàn lụi trong cái nắng chói chang thiếu hụt dần dần với sự thoi thóp tàn lụi của đời Quảng. Như một chôn vùi, một lãng quên ghen ngạo. Con thuyền ước muốn được « đậu ngoài muôn bên » đã bỏ dở cuộc hành trình mộng tưởng ở chôn này, những khoang thuyền mục nát đã nằm gỏi đầu mà chết trên bãi khô của hòn đảo hoang vu, và những phiến gỗ thoi thóp thờ dài thì vẫn không thôi nhớ thương những đại dương và những vùng trời sao không bao giờ biết đến.

Tôi còn đang băng khuâng với cái ý nghĩ buồn rầu đó về đời Quảng, bỗng hiện ra ở đầu đường một đứa nhỏ. Nó từ phía quán nước chạy về, vừa chạy tới vừa thở. Thấy tôi, nó đứng sững lại. Đầu nó đội một cái mũ cối to vành đã rách, tay nó cầm một chai rượu và một gói lá chuối, Tôi tránh ra cho Khôi — bởi chính là nó — bước vào. « Cháu Khôi đây » Tiếng Quảng

nói sau lưng tôi. Tôi lại gấn mím cười xoa đầu nó, — Khôi đã bỏ mũ xuống. « Chạy đâu mà dữ vậy ? » Trong cái không khí nhột nhột, tiểu tụy của căn nhà, sự có mặt của đứa nhỏ như một vết sáng rực rỡ chiếu vào và làm sáng lên. Trán nó lấm tấm mồ hôi. Khuôn mặt tròn hoay râm nắng đen cháy. Tay chân mập mạp trông thật thích mắt. « Chào chú đi thẳng này », Quảng nói. Khôi nhìn bồ, rồi nhìn tôi trân trân, nhưng không chào. Nó đặt chai rượu xuống, đi lại phía cái rổ ở góc nhà lấy ra hai cái đĩa mang để lên mặt bàn, đoạn tháo giây lạt buộc gói lá chuối, nó đổ những miếng thịt lợn ba chỉ thái mỏng lên chiếc đĩa lớn. Xong đâu đó, nó đi lại đầu giường. Cúi mọp xuống, nó lôi ở gầm giường ra một cái hũ sành. Bưng cái hũ lại bàn, nó nâng hũ lên ngang tầm ngực, đổ một ít lạc rang lên cái đĩa nhỏ, đoạn đẩy hũ lại và lại mang để vào chỗ cũ.

Trong suốt thời gian dọn bữa rượu hàng ngày cho bồ, Khôi không nói một tiếng, cũng không hề nhìn tôi : Dọn xong, nó lại ngồi xuống ở một góc phản. Tôi nghĩ thầm « Thật con nào bồ này », và mím cười bảo Quảng : « Thằng cháu lăm lỳ tề » Quảng nhếch mép, ngó con : « Tính nó vẫn thế đó. » Tôi hỏi nó : « Cháu đã ăn cơm chưa ? » Nó nhìn tôi nhưng vẫn không hé răng khiến Quảng phải đỡ lời con : « Chú mặc cháu. Nó ăn rồi. Thôi ra ngoài chơi để thấy và chú uống rượu ».

Khôi bỏ đi rồi, tôi ngồi vào bàn với Quảng. Quảng nhắc chai rượu, những ngón tay Quảng run lạt bất khiến tôi phải đỡ vội lấy. Máu rượu trắng đục lờ lờ trong chiếc ly cầu bầu. « Mời chú dùng tạm » Quảng nói như xin lỗi và đưa ly lên môi. Tôi hỏi : « Anh uống nhiều lắm nhỉ ? » Quảng gật, và lại uống tiếp. Có rượu Quảng như sống lại, đôi mắt đỏ sọng những tia máu ngang dọc. « Chú không uống ? » Tôi lắc đầu. Một lát, Quảng đã ngà ngà :

— Tôi bị « nó » — Quảng chỉ vào chai rượu — đã mười mấy năm nay, bây giờ giá có muốn bỏ cũng không được nữa. Đời tôi sớm muộn rồi cũng chết rụi ở cái số rừng này, bỏ làm gì, bỏ làm gì. Quảng như thì thầm với chính mình. Còn thằng nhỏ, còn thằng nhỏ... Quảng ngừng lên nhìn tôi, mái tóc rũ rượi trên khuôn mặt mà men rượu càng làm nổi bật những dấu tích tàn phá thê thảm, Quảng nói tiếp như khóc :

— Nó cứ sống mãi với tôi rồi đời nó cũng đèn đôn mắt như đời tôi mất thôi. Tôi nghiệp cho nó. Mẹ mất sớm, bỏ thì rượu chè bê tha thê này. Nhờ các chú làm ơn trông nom, nuôi dưỡng cho nó thành người, tôi đội ơn các chú. Nó cứng đầu cứng cổ lắm. Các chú phải giầy bảo nghiêm khắc sau này nó mới khá được.

Tôi chỉ còn biết tìm lời an ủi Quảng. Người anh họ tôi, mà một điểm sáng le lói cuối cùng của lương tâm vừa chiều sáng trong

một thức tỉnh ngắn ngủi và đau đớn, như một chiếc phao vừa dềnh lên đã lại đắm chìm tức khắc dưới mặt biển giống bão. Quảng gục đầu xuống, và men rượu nồng nặc, choáng váng lại liệm dần, từng mảnh một, những mảnh vỡ vụn của một đời sống tàn tạ.

Một lát sau Khôi trở về. Tiếng động làm Quảng ngừng lên. Quảng gọi con lại gần. « Con thu sếp quần áo về Sài Gòn với chú ». Tôi lo lắng nhìn thẳng nhỏ, chờ đợi sự kinh ngạc và sự giãy dụa khốc lốc của nó. Nhưng không, Khôi yên lặng đi nhặt nhanh quần áo sếp vào một chiếc bị côi. Thái độ nó bình tĩnh như một người lớn. Tôi đoán Quảng đã bảo cho con biết từ trước. Không muốn kéo dài những giây phút, đối với Quảng khổ sở như một cực hình, thằng nhỏ vừa sếp xong quần áo là tôi đứng giậy, xin phép Quảng được ra xe ngay. Quảng đứng tựa lưng vào tầm phen, nhìn chúng tôi đi. Tôi bắt tay Quảng và nắm lấy tay Khôi : « Đi cháu » Nó đi theo tôi nhưng giằng tay ra. Cái mũ côi đội lệch trên đầu, Khôi đi giật lùi. Nó vừa đi giật lùi, vừa đắm đắm nhìn lại bỏ nó như thê, mắt ráo hoảnh, cho đến khi ra đèn đường lớn. Suốt dọc đường, tôi thử gọi chuyện vài lần, nhưng vô hiệu. Nó ngồi thẳng, hai tay ôm chặt lấy chiếc bị để trên đùi, mặt quay nghiêng, nó yên lặng ngó ra ngoài và giữ mãi dáng điệu đó cho tới khi chúng tôi về đến thành phố

*
* *

Khôi không về đã hai ngày. Buổi sáng thứ hai, ăn điểm tâm xong, nó lấy cặp, đội mũ đi học, với lũ con Đường như thường lệ, nhưng đến trưa, ngồi vào bàn ăn, chúng tôi nhận thấy ngay sự vắng mặt của nó. Hỏi, thằng con lớn của Đường nói nó thấy Khôi lần cuối cùng ở cổng trường, trước khi vào lớp — hai đứa học khác lớp nhau — lúc tan học nó có ý chờ Khôi cùng về nhưng không thấy, lại tưởng Khôi đã về nhà từ trước. Đến ba giờ trưa thì chúng tôi bắt đầu cảm thấy lo ngại thực sự. Tôi vội vàng mặc quần áo tới trường, ở đây tôi được người thầy học Khôi cho biết nó không hề tới lớp từ buổi sáng, ông lại tưởng nó đau và nghỉ học. Từ trường đi ra, tôi thuê xe đến thẳng nhà mấy người cô và chú họ chúng tôi, những nơi tôi và Đường thường hàng tuần lui tới và đã có một vài lần đem Khôi đi theo. Nhưng ở nơi nào mọi người cũng đều lắc đầu nói không hề trông thấy bóng dáng thằng nhỏ.

Tôi nghĩ đi nghĩ lại, chỉ còn thấy có già Lâm, già Lâm là thân sinh ra người mẹ xấu số của Khôi, (sau này tôi mới biết mẹ Khôi đã chết vì một tai nạn khủng khiếp ở đồn điền cao-su), và xuống đó. Nhưng ông lão miền Nam hiền lành chất phác này cũng không đem lại được một tia sáng mới nào. Cái hy vọng cuối cùng tan biến, tôi đành trở về nhà thuật lại đầu đuôi cho Đường về những kiếm tìm vô hiệu quả trong suốt một ngày ròng

rã. Và đến buổi tối, thì lo lắng nhìn nhau dưới ánh đèn, chúng tôi chỉ còn có thể đi đến một kết luận: hoặc Khôi đã bị lạc, hoặc nó đã gặp phải một tai nạn lưu thông nào đó.

Hết ngày hôm đó, sang buổi sáng và buổi chiều hôm sau, tôi dành tất cả thời giờ vào việc đến hỏi thăm tin tức về những người mới bị thương được chở đến các bệnh viện, các trạm cấp cứu công cộng ở đô thành và các miền phụ cận, một mặt khác, gặp ai quen biết tôi cũng lưu ý kiểm tìm dùm.

Nhưng rồi lại thêm một ngày nữa qua đi trong hoài công. Khôi vẫn biệt vô tăm tích.

Đến chín giờ tối, cảm thấy mệt mỏi, chán nản và bất lực hoàn toàn trước sự mất tích của đứa nhỏ, tôi nghĩ không có cách nào hơn là đến thẳng quận cảnh sát.

Sau khi đã cầm cúi ghi những đặc điểm về vóc dáng, mặt mũi, phục sức lên một mảnh giấy nhỏ, người cảnh sát đặt bút rặng lên hỏi tôi:

— Ông nghĩ thằng nhỏ có thể đến một địa chỉ nào đó không? một người bà con, một người bạn nó chẳng hạn?

Tôi lắc đầu và vắn tắt thuật lại hai ngày kiếm tìm vô hiệu quả của mình.

— Thằng nhỏ là con một người anh họ hiện ở xa gửi về nhờ các ông nuôi dùm?

Tôi gật đầu. Y nhìn tôi, gật gù :

— Hừ, nuôi dùm. Ông cho tôi biết sự thật : nó có bị bạc đãi hắt hủi bao giờ không ?

Đang mệt mỏi, bực bội, ý nghĩa của câu hỏi làm tôi nổi nóng. Tôi quát mắng :

— Ông nghĩ về gia đình tôi thế nào mà cho rằng nó bị bạc đãi hắt hủi ?

Thấy tôi nổi dóa, người cảnh sát mỉm cười đứng dậy :

— Câu hỏi này chỉ có tính cách nghề nghiệp, ông đừng vội hiểu lầm. Thôi được, ông cứ về. Chúng tôi sẽ loan báo cho các quận. Có tin tức gì mới lạ, sẽ liên lạc với gia đình ông ngay.

Ở quận cảnh sát đi ra, tôi nhìn đồng hồ : đã mười giờ đêm. Tôi chậm một điều thuốc và cuối đầu chậm chạp bước đi trên hè đường. Qua những rạp chớp bóng, những tiệm giải khát, những ngã tư nhộn nhịp xe cộ, nhìn những bầy trẻ nhỏ hơn hờ ngồi giữa bờ mẹ chúng, trước những cốc kem nhiều màu có ngọn, nhìn những gót chân lấm chẫm băng qua đường trong sự dẫn dắt của những bàn tay người lớn, tôi nghĩ đến nó. Đến cái câu hỏi đầy mỉa mai nghi ngờ của người cảnh sát. Đến sự có mặt của Khôi trong gia đình tôi những ngày tháng vừa qua. Đến cái trách nhiệm của chúng tôi với Đường. Đến cái trách nhiệm lớn lao của người lớn đối với đời sống và tâm hồn những đứa nhỏ.

Tôi nghĩ lại, có một điều chắc chắn là Khôi không bao giờ bị bạc đãi, hắt hủi. Vậy cái nguyên nhân nào đã khiến nó bỏ đi ? Và đi đâu ? Tôi loay hoay tự hỏi với mình như thế, và tự hỏi, tôi đã dần dần trở lại trong tâm trí cái thái độ kỳ lạ của nó, cái thái độ ấy đã có từ lúc nó đi giạt lùi khỏi nhà, từ lúc nó lên xe, hôm tôi lên Trảng-Bom đón nó về, thái độ ấy, trong cái không khí đầm ấm yên vui của gia đình Đường vẫn không thay đổi, vẫn nguyên vẹn, mà chỉ đến bây giờ tôi mới chợt khám phá thấy. Đó là cái thái độ rùng rùng cách biệt, ở ngoài, của một kẻ lạ mặt. Của một điệu ngồi thu mình bất động. Của một đôi mắt mở lớn ngó thẳng nhưng không hề ánh lên cái ánh lửa ham thích mừng rỡ trước bất cứ một điều gì. Tóm lại, của một cái nhìn thân nhiên, im lặng, lững lờ, đi qua, không phản ứng, không gia nhập.

Phải rồi, Khôi đã đến với thành phố, với người khác, với gia đình chúng tôi như thế đó. Trong cái thái độ của một kẻ, bởi không có quyền lựa chọn và tự định đoạt, nên không thể phản đối. Nhưng không phản đối không có nghĩa là nó đã chấp thuận, hoặc nếu có đi nữa, thì cũng chỉ là chấp thuận trong một hoàn cảnh, một giây phút, một thời kỳ nào đó mà thôi. Chứng cứ là sau đó, là bây giờ, nó đã lặng lẽ bỏ đi. Thu nhặt dần trong tâm tưởng từng cữ chữ, từng nét mặt, để thấy

tổng hợp thành từ những cái đó, cái tư thái đỉnh đạc, chủ động, đẹp một vẻ đẹp vừa thư thái vừa trầm tĩnh của đứa nhỏ, điều khiến tôi kinh ngạc là cái tư thái đó đã có thể có được ở một tuổi nhỏ như nó, cái thân hình bé bỏng ấy đã mang một tâm trí, một kích thước ít thấy ở cả những người lớn, một sự trưởng thành không đợi tuổi, một ý thức vượt bậc. Và sự trưởng thành và ý thức ấy đã soi sáng, đã điều động, đã tạo cho nó một con đường, một thế giới, một chủ định không đổi dời, không lay chuyển. Không, Khôi không gặp phải tai nạn nào đâu, nó cũng không lạc đường, không mất tích. Nó chỉ trở về, như một con chim, một loài cây với cái vòm trời, cái mảnh đất của nó. Nó chỉ trở về với cái điểm xuất phát, với cái bản thể, với cái tiếng réo gọi của chính nó.

Và tôi đã đoán được, không, tôi đã biết chắc được Khôi hiện ở đâu. Tôi yên tâm trở về nhà.

Chiếc xe hàng, vẫn chiếc xe hàng ọc ạch, cũ kỹ, chờ tôi tới địa phận Trảng Bom và đậu lại ở đầu lối đi vào con đường nhỏ, đúng chỗ tôi đã bước xuống sáu tháng trước đây. Cái quán lá dựng sát mặt con lộ, bà lão già móm mém, cánh rừng cao-su ngút ngàn thêm thiếp trong nắng lớn vẫn còn đó. Tôi bước vào quán, tôi ngồi xuống chiếc trống tre, tôi gọi một ly nước trà đường, và chỉ tay về phía cuối con đường nhỏ, tôi hỏi bà lão bán hàng :

— Thấy Quảng vẫn ở trong kia ?

— Dạ, phải. Bà lão nhìn tôi và đáp.

— Đứa con giai của thầy Quảng đã về đây rồi chứ cụ ?

Chừng như lúc đó bà lão đã nhận ra tôi :

— Thấy là người mấy tháng trước đây lên đón nó về Sài Gòn đây phỏng ?

Tôi gật và bà lão cũng gật đầu theo :

— Thằng nhỏ đã về đây được hơn một tuần rồi. Bộ thầy lại muốn lên kiếm nó về nữa sao ?

Tôi mỉm cười lắc đầu trong khi bà cụ chép miệng :

— Con nít có khác, đại nghịch. Ở đây khổ chết chứ sung sướng gì. Chắc nó trốn về không cho thầy biết phải không ?

Tôi lại mỉm cười lắc đầu và tôi trả lời bà lão là Khôi không trốn, Khôi không trốn ai hết. Sau đó, bà lão thuật lại cho tôi nghe, hôm Khôi về, xe chưa kịp ngừng nó đã nhảy xuống và chạy bay vào con đường nhỏ. Đến buổi chiều thì mọi người thấy Quảng và con đi ra. Người cha vừa cười vừa khóc còn thằng nhỏ thì nghiêm trang dắt tay bồ nó như một người lớn, rồi hai bồ con dìu nhau đi dạo khắp khu vườn cao su.

Cũng từ hôm đó, theo lời bà lão, đã có một đôi thay lớn lao không ngờ đến với cuộc đời tưởng như đã vĩnh viễn tàn lụi của Quảng — Quảng ôm lấy con, Quảng thể độc sẽ bỏ rượu, Quảng đã bỏ được

ruợu và Quảng đã xin được làm việc trở lại trong nhà máy cao-su của đồn điền.

Tôi từ biệt bà lão và trước khi lên xe trở về, tôi đứng ở đầu con đường nhỏ nhìn vào. Con đường chạy dài dưới ánh nắng đứng bóng, bên những hàng cây ngút ngàn thẳng tắp như một đời sống, một trạng thái bình yên. Con đường đó như gắn liền với bóng nắng ấy, những hàng cây ấy, như một toàn thể hòa đôi không thể tách lìa, không thể đôi khác. Con đường

phút đó như có hẳn một đời sống, một chủ định, một thái độ. Nó đẹp một vẻ đẹp bất khả xâm phạm. Tôi quay gót trở lại, và tôi nghĩ, tôi nghĩ đến một người cha, tôi nghĩ đến một người con. Nghĩ rằng trên cái trang sách lớn của đời sống tôi đã nhận được rất nhiều bài học quý giá, nhưng đây là lần đầu tiên, cái con người lớn ở tôi đã nhận được một bài học thật quý giá viết bằng những ngón tay của một đứa trẻ nhỏ.

Mai-Thảo

DÃ CÓ BÁN TẠI CÁC HIỆU SÁCH

TRUYỆN DÀI ĐẦU TIÊN
của *VÕ-PHIẾN*

GIÃ - TỪ

● Vài người tuổi tác, năm ba thanh niên vừa trai vừa gái, chừng ấy đã trải qua một thời kỳ hỗn loạn nhất của lịch sử.

● Một câu chuyện tình dở dang, đồng thời cũng là một thảm cảnh của một gia-đình, gợi nhắc đến tâm-trạng của một lớp người.

● Bề ngoài, họ là những người rất tâm thường; mỗi chúng ta đều có thể tưởng đã gặp họ ở đâu đó. Nhưng trông kỹ, mỗi người trong bọn họ đều có một tâm sự lạ lùng hoặc một say mê mãnh liệt, làm cho họ thành ra những nhân vật kỳ-quặc.

BÁCH KHOA XUẤT BẢN

GIÁ 38 \$

Bán sỉ tại tòa soạn Bách Khoa
160, Phan-Đình-Phùng — Saigon

MỘT TÁC PHẨM KHÔNG THỂ THIẾU TRONG TỦ SÁCH
GIA ĐÌNH CỦA BẠN ĐỌC BÁCH KHOA

Quan niệm sáng tác của các nhà thơ, nhà viết truyện, nhà soạn kịch

Người phụ trách :
NGUYỄN-NGUYỄN

I.— Sáng-tác để làm gì? Để cho mình hay cho thiên hạ? Để cho bây giờ hay cho mai sau?

II.— Sáng-tác theo một đường lối nhất định nào hay là tùy hứng?

III.— Những gì đã xảy ra trong tâm-trí và trên trang giấy của tác-giả từ khi tác-phẩm bắt đầu phát-nghén cho đến lúc nó thành hình?

IV.— Những kinh-nghiệm sống và sáng tác thích nhất.

XXV

★ ĐO-BÁ-THẾ

Sinh ngày 10-6-1917 ở làng Mĩ-Hòa-Hưng, tỉnh Long-Xuyên.

Điện ảnh gia; giám đốc hãng Đông-Phương phim, chủ tịch hội Sản xuất phim ảnh Việt-Nam, vừa sản xuất phim vừa viết truyện phim.

Đã cộng tác với các báo: Ánh sáng, Dân quí, Tự-do, Đồng-Nai.

Đã đăng báo những truyện dài: Người nữ tình báo (Tự-do, 1959), Thím bảy Giỏi (Đồng-Nai, 1961).

Sắp xuất bản: Ngã tư Quốc tế (truyện dài) và hai truyện kể trên.



Đỗ-Bá-Thế

[...] Thầu xếp sách để xuống giường ngáng đầu hỏi Minh-Hải :

« — Tại sao mày nói lạ vậy chứ ? »

« Mày không được phép nghi kị anh em đã từng sống chết với mình từ trước đến nay. Nếu mày cứ nghi mãi lẫn nhau, sinh ra điều bất bình càng thêm oán hận chứ không ích lợi gì đâu ! »

« Minh-Hải hất nắm hạt dẻ xuống sàn gạch, ngồi bật dậy nhìn trừng trừng vào mắt Thầu, nói một cách tức tối :

« — Lúc nào anh cũng tin lòng dạ người ta như lòng dạ của mình. Tôi hỏi anh chuyện của anh Tường chỉ lấy lệ thôi, chứ tôi đã biết rõ anh ấy đã hội họp với Phan-Tư-Nghĩa, liên lạc viên của Mặt Trận Thành, với các nhà trí thức Nguyễn-Xiển, Tạ-Quang-Bừu, Vũ-Đình-Hoè... »

« Cái cơ Vũ - Đình - Hoè nhờ anh Tường viết chương trình giáo dục chẳng qua là để che đậy với mọi người thôi. Kế hoạch chính của Đệ Tam là làm cách nào để biết được việc làm của anh em mình sắp thi hành và sẽ thi hành dù phải hi sinh một số anh em trí thức. »

« Tôi tức giận là công việc quá rõ ràng như vậy mà anh Tường vẫn như nhưn tuyên bố với mọi người là anh đang tìm nhân vật tiểu thuyết viết « Gái nước Nam làm gì ? » cho anh chị Tân-Việt ». »

Độc giả nào trên ba mươi tuổi — nhất là độc giả đó là người miền Nam — xem qua mấy đoạn tiểu thuyết trên đây lại không muốn tìm tác giả. Tôi thuộc hạng trên đây.

Phòng khách của anh đơn sơ đến chỗ lạnh lùng.

Không cần phải là nhà quan sát tài tình mới đoán thiếu bàn tay người đàn bà trong căn phố này của một cái hẻm đường Phạm-Ngũ-Lão. Cho nên khi tôi hợp tách nước trà đường mà nhăn mặt, tôi cũng không ngạc nhiên nhiều : nhà không có đàn bà, thì cháu nhỏ có thể làm muối bột với đường cát trắng !

— Truyện thành tư Rô của anh trước kia ở báo Tự-Do đã làm người đọc muốn hiểu anh ; truyện thím bảy Giỏi của anh ở báo Đồng-Nai lại khiến độc giả muốn tìm anh... »

— Để « làm cho một mách » ?

Và anh cười. Mặt anh như dài thêm ra, và trán anh như rộng hơn, như để sẵn sàng đối phó và chịu đựng.

— Không đâu. Tìm anh để hỏi trong truyện dài mới này, đâu là hư, đâu là thực, đâu là phần của nhà tiểu thuyết, đâu là phần của chứng nhân thời đại.

Mặt anh bỗng trở nên dăm chiêu, và hai bàn tay to anh bao lấy cái tách nhỏ để trước mặt.

— Tôi nghĩ bạn đọc nào tinh í một chút thì đoán được ngay. Tôi đã để tên các nhân vật lịch sử ấy, thì đâu có thể « bịa » lời và việc của họ.

— Không bịa 100% thì cũng thêm thất ít nhiều chứ ?

— Điều đó tránh sao cho khỏi, anh. Huống chi tôi đề « Thím bảy Giỏi, truyện dài », chứ đâu có ghi : hồi kí.

— Vậy khi viết nó, anh có mục đích...

— Tôi thấy đó là một bổn phận mình không thể không làm.

— Bổn phận đối với ai đây ?

Một nét buồn hiện trên mặt rắn rỏi và hơi xanh của anh :

— Bổn phận đối với những anh em nay không còn nữa.

Anh im lặng một phút.

— Trong biến cố lịch sử năm 1945, tôi có cái may mắn đi từ Nam ra Trung, ra Bắc, rồi lại từ Bắc vô Trung, về Nam, tôi được nghe cũng lắm, được thấy cũng nhiều, gặp gỡ cũng bộn, nên tôi thấy cần ghi lại một thời đặc biệt của Đất Nước để được đính chánh những gì tôi cho là không đúng, để đưa ra ánh sáng những gì ít ai rõ, để góp một ít tài liệu cho các sử gia. Như anh thấy, tôi viết : chính anh Hồ-Hữu-Tường đã thảo chương trình giáo dục cho Vũ-Đình-Hoè, người đầu tiên giữ bộ Quốc gia Giáo dục của chánh phủ Việt-Nam dân chủ cộng hòa, để coi có ai đính chánh thì cứ lên tiếng đính chánh !

Và anh gạch câu chót này bằng một cái nhìn thách đố.

— Hẳn là độc giả trong Nam theo dõi « *Thăm bảy Giỏi* » của anh một cách... tò mò. Vì ai còn lạ gì Minh-Hải trong truyện : chính là hiện thân của Đồ-Bá-Thể, người đã mang cặp cho Tạ-Thu-Thâu từ Nam ra Bắc, rồi từ Bắc vô Trung, đến khi anh Thâu bị sát hại ở Quảng-Ngãi, mới một mình một bóng về Nam !

— Anh cười cười.

— Chẳng những độc giả theo dõi, mà nhân viên hội đồng kiểm duyệt cũng...

— Dỗi theo ?

Anh và tôi cùng cười.

— Ngoài cái lí do : vì anh cho là một bổn phận đối với những người đã chết, còn có lí do nào khác khiến anh viết « *Thăm bảy Giỏi* » ?

Anh trầm ngâm một phút, rồi hai tay anh đưa ra trước, mấy ngón tay xoè ra, như khi nói trước đám đông.

— Tôi xin vài dòng một chút. Và xin trở lại « *Thằng tư Rô* », mà anh Như-Phong đã đổi là « *Người nữ tình báo* » khi đăng báo Tự-Do, để có vẻ... li kì một chút. Tư Rô là một người nông dân, đóng một vai chánh trong quyển tiểu thuyết đầu tay của tôi. Tại sao tôi lại chọn một nông dân ?

« Số là về chánh trị, như anh biết, tôi ở cánh tả. Song tôi khác anh em cùng chí hướng. Anh em cho rằng cách mạng ở Đông-Nam-Á sẽ từ thợ thuyền bùng lên, (chuyện trên hai mươi năm trước) tôi thì cho rằng giới trí thức, tiểu tư sản có ý thức cách mạng, còn làm cách mạng, thì là giới nông dân, chứ chẳng phải giới thợ thuyền. Tôi lật ngược cái kim tự tháp ! Cái lối nhận định này ảnh hưởng tôi khi tôi viết tiểu thuyết nói trên.

« Và để ý, anh sẽ thấy rằng tiểu thuyết đầu tay của tôi không có nhân vật chánh, hay là có nhiều nhân vật chánh cũng thế. Đó là do tôi chịu sâu đậm ảnh hưởng tiểu thuyết Nga, Tàu ».

Tôi ngắt lời anh :

— Sẵn đây, anh cho biết độc giả « *Người nữ tình báo* » có phản ứng gì không ?

— Khá nhiều. Có khen, mà cũng có chê. Chê nhân vật tư Rô tôi dựng nó thô bạo, nó sỗ sàng quá ! Chê văn tôi viết có cạnh có góc, chưa thuần.

— Còn « *Thím bảy Giỏi* ? ».

— Tôi nhận được thư khuyến khích cũng bộn và cũng nhiều độc giả gán cho tôi đã tiểu thuyết hóa cuộc cách mạng dân tộc với « *dụng ý* ».

— Dụng ý gì ?

— Chính tôi cũng không biết. Vì không hẹn, mà các bạn ấy chấm dứt sau hai chữ dụng ý mà các bạn để giữa ngoặc kép. Anh muốn hiểu sao thì hiểu !

— Còn anh ?

— Tôi thì chẳng hiểu gì hết. Bởi tôi chẳng có dụng ý gì, mà chỉ có bốn phận, như đã trình bày với anh khi nãy. Ngoài ra, tôi còn một lí do khác, là muốn ghi lại một cái ám ảnh của thời trẻ dại.

« Anh còn nhớ Đơn-Hùng-Tín chớ, không phải Đơn-Hùng-Tín trong truyện Tàu, mà ba Tín, lấy tên Đơn-Hùng-Tín, một tướng cướp hào hiệp, cướp từ Biển Hồ đến Hậu-Giang, khét tiếng một thời, truyện anh ta đã ăn sâu vào trí non nớt của tôi.

« Vai chánh trong quyển truyện dài này là một người phụ nữ không tên tuổi, con của Đơn-Hùng-Tín. Cha bị hại, cô chìm trong đời sống đại chúng, lấy chú bảy Giỏi, một điền chủ. Chồng vì cờ bạc, sa sút, thím mài dao, chém

lộn mướn để nuôi chồng. Sau chồng làm cách mạng, lên Sài-Gòn, dính vụ án đường Barbier, theo Đệ Tam, rồi theo Hòa-Hảo, rồi ra Bắc. Cướp chánh quyền ở làng, kêu vợ 5 năm tù (án điển hình), vì tội chém lộn mướn — tội lưu manh ! — trước kia. Thím theo Nguyễn-Bình, giúp đỡ tướng này nhiều, nhờ tánh can trường, nhờ lúc nhỏ cha cho học trường nhà Trắng, biết tiếng Pháp khá. Nguyễn-Bình bị đưa về Bắc, thím đi theo. Dọc đường, Bình bị ám hại, thím trở về quê cũ, trí đã đau vì sự xâu xé giữa Quốc-Cộng, lòng lại xót vì hai đứa con trai chết trong máu lửa, và luôn luôn ám ảnh chồng đã kêu án 5 năm. Thím bèn đào dao cũ đã chôn sâu, mài, quyết tìm thằng chồng vô nghĩa nọ. Nhưng khi gặp chồng, thấy chồng sợ chết ra mặt, thím chẳng ra tay, trở về quê cũ, cạo đầu, lập am, tu... »

— Vậy những nhân vật của anh trong truyện này...

— ... hầu hết đều có thật. Một ít đã chết, phần đông còn sống ở thế giới bên nay hoặc bên kia. — Có người nào dở sống dở chết không anh ?

Anh nhú mày rồi nhẹ gật đầu :

Cháu Quỳnh-Dao, con gái nhỏ anh, lễ phép rót nước trà, mời. Thấy cháu — một tài tử tí hon của màn bạc — tôi chợt hỏi anh :

— Anh viết truyện có giống như khi anh làm phim không ?

— Làm phim có ảnh hưởng đến viết tiểu thuyết khá nhiều. Đó là trường hợp của tôi. Phải có cái « *sườn phim* » đã. Dựng nhân vật lâu lắm, anh à. Tôi phải

sắp xếp hành vi các nhân vật, không thể thả các « ông bà cô cậu » ấy đi rong được. Điều tôi kị nhất là tạo những nhân vật phi thường, dựng đứng những siêu nhân. Nhân vật của tôi thường thường vậy thôi, có thể là anh, là tôi, có thể là cháu Quỳnh-Dao đứng đây hay cô em lang thang nào đó, hoặc những người sống quanh ta.

— Còn anh viết có dễ dàng không ?

— Không anh à. Phải có cái dàn trước, từ đầu tới đuôi, rồi tôi mới viết được. « *Thím bảy Giỏi* » đã làm tôi đứng khựng ở đoạn kết thúc. Mãi sau biến cố 11 tháng 11 năm rồi, tôi mới tìm được nó. Tôi không biết làm văn ra sao.

— Thế thì anh nghĩ sao viết vậy ?

— Gần như thế.

— À, tôi được anh Bình-Nguyên-Lộc cho hay truyện dài « *Ngã tư Quốc tế* » của anh viết lạ lắm, và bao giờ anh viết xong, Bến-Nghé sẽ xuất bản. Thế đã xong chưa, anh ?

— Cũng gần xong. Đó là món nợ tinh thần tôi mắc anh Bình-Nguyên-Lộc. Đây là một truyện xã hội, tôi lấy ngã tư Quốc tế ở Sài-Gòn mình làm bối cảnh.

Có tiếng ồn ào. Rạp Nguyễn-Văn-Hảo gần đó vừa văng hát. Tôi giựt mình. Nhìn lại đồng hồ, đã quá khuya. Tôi toan đứng lên, già từ anh, sức nhớ, ngồi nán lại.

— Quên hỏi anh vì sao anh viết.

— Vì một lời nói khích của một cô em gái lang thang ở quê người. Anh còn nhớ Hoài-Trình chớ ? Năm 1953, gặp em nó trong một tiệm cà phê ở Paris. Hết chuyện chung, đến chuyện riêng. Cô em « ngang tàng » ấy bỗng nhìn tôi : « Dân Nam siêng ăn chơi mà làm biếng viết văn lắm. Mà có viết, thì viết điệu Hồ-Biểu-Chánh, Nguyễn-Chánh-Sắt, nghĩa là : dùi đục chấm mắm nêm ». Tôi nóng mặt, thì cô em núi Ngự sông Hương ấy tiếp : « Anh, rảnh rang, thử viết xem có phải như lời thiên hạ đồn không ? » Tôi rần giừ bình tĩnh :

« Ờ, để anh thử viết một truyện, xem sao ! » Và tôi nghĩ đến thằng tư Rô, một nhân vật điển hình nông dân miền Nam. Ba tháng sau, tôi viết được bốn chương, đưa cho cô em từng học làm văn với Nguyễn-Tuân trong thời kháng chiến ấy xem sao. Xem xong, cô em đó trả bản thảo lại tôi với một câu có vẻ... bà chị :

« Anh viết được đấy, có thể hơn Hồ Biểu-Chánh và Nguyễn-Chánh-Sắt, sao anh không viết cho đời bớt hăm hực, bớt cô đơn ? »

Tôi bắt tay anh.

— Thế là hết « *Thằng tư Rô* », đến « *Thím bảy Giỏi* », lại còn « *Ngã tư Quốc tế* » sắp xong. Vậy thì, đàn bà cũng... có ích vậy thay !

Nguyễn-Ngu-1 viết lại.

★ PHẠM-CAO-CÙNG

Sanh năm 1914 tại thành phố Nam - Định (Bắc-Việt).



Bắt đầu viết từ 1928 cho nhiều báo, như : Bắc-Kỳ thể thao, Hải-Phòng tuần báo, Loa, Đông-Tây, Vịt Đực, Phong-hóa, Ngày nay. . .

Có rất nhiều bút hiệu, lấy tùy theo loại văn viết : Văn-Tuyển, Trần-Lang, Phượng-Trì, Anh-Cà, Phạm-Thị-Cà-Mốc. . .

Chuyên viết truyện trinh thám, truyện võ hiệp, truyện dã sử, truyện phiêu lưu, truyện nhi đồng, truyện tâm lý.

Chủ trương tuần báo nhi đồng Học sinh (1939-41) và nhà xuất bản Huyền-Nga. Gần đây có hồi giúp báo Trinh thám, Tuổi Xanh và hiện đương phụ trách phụ trương Học sinh. . . cho nhật báo Ngôn-Luận.

Tác phẩm có trên 300.

Loại trinh thám : Vết tay trên trần (1936), Gia tài nhà họ Đặng, Chiếc tất nhuộm bùn, Người một mắt, Kỳ-Phát giết người, Nhà sư thọt, Đám cưới Kỳ-Phát, Bóng người áo tím. . .

Loại võ hiệp Tàu : Chu - Long kiếm, Lục kiếm đồng, Võ hùng kiệt, Kinh thiên lão hiệp, Càn-Long du Bắc. . .

Loại dã sử Việt : Tiếng sấm Bạch-Vân, Đường gươm họ Lý, Hai chiến sĩ, Những kẻ không hèn. . .

Loại phiêu lưu : Người cá voi, Đầu xanh gió bụi, Ông già đáy biển, Công tử Càn-Thor, Bọn người vô vọng. . .

Loại nhi đồng : Con ruồi cánh gấm, Lão tướng cướp, Cây nhị Phượng-Hoàng.

Loại tâm lý : Kinh hoàng.

Con người trung niên đang ngồi đối diện tôi ở hiệu ảnh Huyền-Nga bên chợ Vườn - Chuối này, một đêm gần Tết, sao tôi thấy không khác gì mấy người đàn anh ngồi trước mặt tôi ở hiệu kem Zéphyr, bên bờ hồ Hoàn-Kiểm, một tổ mùa thu.

Mặc dầu có đến mười lăm năm cách quãng.

Năm tháng có chất chồng thêm, con cái có đông đúc thêm, việc làm có túi bụi thêm, nhưng cái vẻ trẻ trung, tinh nhanh, tháo vát của cha để anh chàng Kỳ-Phát vẫn như xưa : vẫn cái cương quyết ở cảm, vẫn cái duyên dáng trên môi, vẫn cái chịu đựng nơi chót mũi và vẫn cái vui bay nhảy trong đôi mắt tươi cười...

— Anh nhất định chẳng buông tha cho tôi à ?

— Làm sao mà buông tha anh cho được. Thiếu mặt con người xông xáo vào mảnh đất Trinh-thám, len lỏi vào trường Võ-hiệp Tàu, dạo chơi trong vườn Dã-sử Việt, tò mò nhìn cái thế-giới Tâm-lí, lạc lối trên đường Phiêu-lưu, tha thiết với Nhi - đồng . . . , thì cuộc phỏng vấn do tôi phụ trách sẽ như . . . nhà sư thọt !

Anh tủm tỉm cười, và nhẹ nhàng mời tôi dùng đĩa hẩu chấy vừa bày trước mặt chúng tôi với lê, bưởi, mận. Thế là cuộc phỏng vấn bắt đầu dưới dấu hiệu ngọt ngào !

— Nào, nhà phỏng vấn muốn làm tội cái tôi nào trước đây ?

« Cái tôi trinh - thám, hay cái tôi võ hiệp ?

— Tôi cũng chưa biết nên hỏi cái anh nào trước đây.

« Mà này ! Anh bước vào nghề văn nghiệp báo bằng cái cửa nào ?

— Chắc anh không ngờ. Bằng cái cửa Thể thao.

— . . .

— Lúc bảy giờ, tôi mười lăm tuổi, theo học trường Cao đẳng tiểu học ở Nam-Định. Có một trận đá bóng hào hứng giữa trường tôi và trường khác, tôi bèn cao hứng viết bài tường thuật kèm theo bài nghiên cứu về võ Nhật gửi cho tờ « Bắc - Kỳ thể thao ». Bài được đăng, và ông chủ nhiệm tìm đến nhà thám « cây bút thể thao mới mọc » ấy. Ông đã sững sốt và hơi thất

vọng vì thấy nhà phóng viên thể thao ấy là một chú bé con !

— Còn vào nghề văn ?

— Bằng cái cửa võ hiệp Tàu. Số là tôi nhận lời cộng tác với anh Phùng-Bảo Thạch, lúc ấy trông nom tờ « Hải-Phòng tuần báo » đang độ xuống. Anh Thạch đang tìm cách kéo độc giả. Lí-Ngọc-Hưng, một người Trung-Hoa, đang được hoan nghênh vì những truyện võ hiệp Tàu dịch dịch một cách vụng về, ngây ngô ngớ ngẩn nữa. Anh Thạch bèn bảo tôi tìm một truyện võ hiệp Tàu nào có nhiều tình tiết li kì, rồi mượn người dịch. Và « Hải-Phòng tuần báo » sau đó đăng truyện võ hiệp « *Giang-Đông tam hiệp* ». Truyện ăn khách, chừng ấy tôi mới cho anh Thạch biết truyện đó do tôi. . . bịa ra, chớ chẳng nhờ ai dịch ở sách Tàu nào cả. Rồi sau cộng tác với nhà xuất bản Mai-Linh, gặp phong trào tiểu thuyết kiếm hiệp bán từng tập mỏng hàng tuần, tôi mới sáng tác những « *Chu - Long kiếm, Lạ-kiếm-đồng, Nhữn-kiếm đạo. . .* »

— Tôi còn nhớ thời thịnh hành của loại kiếm hiệp. . . , khoảng 1933-38. Chẳng những giới bình dân ham đọc, mà giới học sinh Trung học cũng mang võ trường coi lên lút trong giờ học, trong đó có các truyện võ hiệp của anh. Vậy anh có một « đường lối » gì trong việc « sản xuất » loại truyện này không ?

Anh nhíu đôi mày hơi rậm, thông thả trả lời :

— Nói đường lối thì to chuyện quá. Nói ý định thì đúng hơn. Tôi lúc đó chiều theo ý thích của độc giả thường

để trước làm mình thỏa lòng, sau làm người đọc hả dạ. Thời kì đó, dưới chế độ kiểm duyệt của thực dân, mình khó mà viết theo ý muốn những truyện xã-hội, đã kích những điều chướng tai gai mắt, những tham quan ô lại. Mượn khung cảnh nước Tàu xa xưa, mình tha hồ múa bút.

— Anh cho biết đôi dụng ý của anh.

— Như trong « *Kinh-Thiền lão hiệp* », tôi cho một vị kiếm khách bắt cóc hoàng hậu trong một đêm hoa đăng tại kinh kì, đưa người sống giữa nhung lụa ngọc ngà no đủ ấy đi thăm những cảnh cùng cực, cơ hàn trong dân gian... rồi trở về cung lúc cuộc vui chưa mãn.

« Trong *Càn-Long du Bắc*, tôi muốn chống lại tác-giả Tàu « *Càn-Long du Giang-Nam* »: ông ta cứ đưa cái « chân mạng đế-vương » của ông vua nhà Thanh này ra mãi, muốn gì được nấy và kiêu ngạo không ai bằng. Tôi thì bắt ông vua này phải thấy rằng uy quyền tột bậc, giàu sang hơn người của ông cũng chẳng làm sống được đứa con nuôi thân yêu đã chịu chết để cứu ông, và chiếc ngai vàng rực rỡ của ông cũng bất lực trong việc chinh phục một tấm lòng nhi nữ, dù người này đã từng chịu ơn ông.

— Và đó là một yếu tố thành công của anh ?

— Cũng còn đôi yếu tố khác. Như lối hành văn gọn, tình tiết éo le, một mối tình chua xót...

— Còn khi phải nói lão...

— Thì nói lão... hơn ba Tàu !

— Anh cho đôi ví dụ.

— Ví dụ trong một truyện của tôi; ở một tửu-quán, một nhân-vật nọ búng một hột côm để khiêu khích một người khách nọ, hột côm ấy soi thủng một bức tường dày. Đủ biết « sức » hột côm ấy trở nên mau và mạnh đến chừng nào. Nhưng khi người ấy búng lần thứ nhì, thì người bị khiêu khích kia điềm nhiên đưa đôi đũa lên gấp hột côm đang bay, nhẹ nhàng để nó xuống bàn. Thì đủ biết tài nhanh, sức mạnh của người sau này nó ghê gớm đến bậc nào.

« Một ví dụ thứ nhì. Tàu họ cho nhân vật họ phi kiếm để lấy đầu địch. Một nhân vật của tôi chỉ có nhìn, là nhà ngã người tan ».

— Anh còn nhớ chuyện võ hiệp nào của anh mà anh thích nhất ?

— Truyện « *Võ hùng kiệt* ». Buồn cười là tác giả thích nhất, song độc giả chẳng hoan nghênh, nhà xuất bản phải bảo tôi kết thúc sớm.

— Anh có biết vì sao không ?

— Vì tôi đã quá táo bạo — táo bạo một phần tư thế kỉ trước. Tôi cho một nữ đồ đệ yêu sư phụ của mình và được sư phụ đáp lại. Cả hai định lấy nhau, thì môn đồ nhao nhao phản đối. Tôi đó độc giả cũng phản đối, cho tôi muốn cổ vũ sự vô luân !

Người đi chợ Tết bắt đầu đông. Tiếng guốc, tiếng nói cười ở ngoài đường mỗi lúc một tăng. Dĩa trái cây trong nhà cũng đã vơi dần. Tôi chuyển qua truyện trinh thám.

— Nhân vật Kỳ-Phát trong các truyện trinh thám của anh có thật chớ.

— Có thật.

— Và tài tình như trong tiểu thuyết ?

— Anh bạn học cùng trường Kĩ nghệ thực hành của tôi ấy có tài khác. Tài mở ổng khóa rất nhanh, cả ổng khóa chữ. Khi bị cái khiêu trời cho về khía cạnh quan sát, tìm hiểu, ước đoán, thúc đẩy tôi đọc truyện trinh thám Pháp, rồi nảy ra ý viết loại truyện này, thì tên nhân vật chánh đã sẵn sàng cho tôi. Kỳ là lạ, mà bạn tôi có tài lạ mở ổng khóa, *Phát*, gọi ta nhớ đến phát minh, phát kiến, một cái gì đột ngột tung ra. Tưởng không còn tên nào xứng hơn là tên Kỳ-Phát.

— Nhưng anh ấy có bằng lòng cho anh mượn tên không ?

Anh cười.

— Chẳng những bằng lòng mà còn vui lòng nữa. Quảng cáo không công cho hiệu « Radio Kỳ-Phát » của anh ấy ở ngay Hà-Nội !

— Và khi anh không cho Kỳ-Phát của anh bắn súng tài tình, phóng xe hơi chớp nhoáng, và biến những đô thị hiền lành của nước nhà thành một tiểu Paris hay một Chicago nhỏ, là anh có ý định gì ?

— Giản dị lắm, anh à, Đó là không muốn đi xa sự thực trước mắt. Cho người đọc tìm được mình. Các nhân vật mình hễ động một cái là rút súng lục ra và tạo ra những cách giết người quá đời li kì, những cuộc đuổi bắt quá ư sôi nổi không khi nào xảy ra ở nước ta thời bấy giờ, cái thời mà sấm súng không phải là việc dễ.

Tôi muốn người « anh hùng » của tôi không phải là bực phi thường, để người ta đứng ra mà phục ; trái lại, tôi muốn người « anh hùng » ấy rất gần người thường, có khác phần nào là nhờ trí nhận xét, óc suy luận và tài... chịu khó.

— Còn đề tài, khung cảnh các nhân vật trong những truyện trinh-thám của anh, anh đều tưởng tượng phần lớn ?

— Phần lớn lại do thực tế đem lại. Một cảnh trí quen thuộc thuở nhỏ, đôi người bạn có cá tính gặp lại tình cờ, những câu chuyện giữa bạn bè... giúp tôi không ít. Có khi tên tác-phẩm cũng do một kỉ-niệm, một hình ảnh nào đó gợi nên.

— Anh có định đeo đuổi theo con đường viết truyện trinh-thám chớ ?

Anh gật đầu.

— Tôi vẫn tìm đọc những quyển tiểu thuyết trinh thám có tiếng gần đây của Âu-Mĩ. Tôi thấy giờ các tác-giả danh tiếng không còn theo phương pháp cổ điển nữa : một vụ trộm, một án mạng xảy ra, làm cho độc giả hết ngờ người này đến ngờ người kia là thủ phạm ; rồi cuộc, thủ phạm là người chẳng ai ngờ !

Giờ, thì họ cho ta biết ngay thủ phạm, nhưng tác giả hấp dẫn ta bằng cách tả tâm trạng của kẻ gây ra nông nổi. Truyện trinh thám hay ngày nay không khiến ta coi ngấu ngiến để mau tới trang chót, mà khiến ta chăm rãi đọc lần lần tới kết.

— Theo anh, muốn viết truyện trinh thám hay, phải có điều kiện gì.

— Điều kiện chánh là phải hiểu cảnh và người mình định đưa ra. Tỉ như cho câu chuyện xảy ra trong giới cận bā của xã hội, mà ta sống đời lên xe xuống ngựa, không gần gũi, chuyện trò với hạng ngủ gằm cầu, nằm xó chợ..., thì làm sao mà tránh được phần giả tạo. Kể đó, là phải biết ít nhiều về chuyên môn của nhà thám tử: như xem dấu tay, lần đạn chẳng hạn, để khi mình đưa ra nhận xét hay luận bàn về những mồn này trong truyện, mình làm bạn đọc tin mình. Chớ mình nói vu vơ, không được.

« À, anh còn nhớ lúc anh gặp tôi ở Hà-Nội, năm 46, đó là lúc tôi được mời giúp việc cho ti Công an thành. Tôi được dịp đi điều tra nhiều vụ án mạng, cướp trộm... Khoảng thời gian này giúp tôi nhiều, vì có lắm cái khám phá bất ngờ! Nếu mình chỉ tưởng tượng trên giấy trắng, thì ít khi mình tìm được những cái « gút » lạ lùng như đời sống cung cấp cho.

— Còn như khi anh viết, anh có một lối nào chớ?

— Tôi đi ngược, anh à. Tôi nghĩ phần kết trước, tôi cắm một cây trụ, rồi đi lần cho đến chỗ bắt đầu, tôi cắm một cây trụ, và khoảng giữa, những cây trụ nhỏ hơn đánh dấu những đoạn chánh với những đường nối liền các trụ ấy. Xong tôi xóa những con đường ấy, và khi viết, tôi đi từ trụ đầu đến trụ kế, cho đến trụ cuối cùng.

— Quên hỏi anh câu quan trọng này. Lắm nhà phê bình không nhận tiểu thuyết trinh-thám là một loại văn riêng biệt, cho đó là một ngành phụ thuộc,

không được đứng chung hàng với tiểu thuyết ái-tình, tiểu thuyết xã-hội, tiểu thuyết tâm-lí... Anh nghĩ sao?

— Tôi nghĩ rằng các nhà phê bình ấy không thể quyết-định. Vì có những người thích tiểu thuyết ái-tình sẽ chê tiểu thuyết xã-hội... lỗi thời lộn xộn, cũng như ngược lại. Cũng có những người thích cả hai! Anh hay tôi có muốn đưa nó lên hay hạ nó xuống cũng chẳng được nào. Tiểu thuyết trinh-thám có bị coi là một thứ phù phiếm, giỡn chời, hay được xem là một loại riêng biệt, là do giá trị thật của nó mà thôi.

— Anh cho biết cái anh-võ-hiệp và cái anh-trinh-thám thế cũng đủ rồi. Giờ xin anh kể cho nghe một kỉ niệm về đời làm báo viết văn của anh...

— Một kỉ niệm... li kì, hay... rùng rợn?

— Một kỉ niệm cảm động.

Giọng anh trở nên nhỏ nhỏ, đều đều...

— Hai mươi năm về trước, khi trông nom tuần báo « Học sinh », tôi có được nhiều thư của các em ở khắp nước, xa có gần có, trai có gái có. Trong các em ở xa, tôi để ý một em gái, người Hậu-Giang, học ở Sài-Gòn, trường « Collège de jeunes filles indigènes ».

— Tục kêu là trường Áo Tím.

— Phải. Lờn thư thật thà, giọng thư quyến luyến. Thư đi thư lại, mỗi cảm tình càng ngày càng thắt chặt. Năm ấy, tôi có việc cần vào Nam. Tôi dàn xếp để vào Sài-Gòn vào lúc nghỉ hè, để

có thể gặp cô em ấy. Chẳng dè nghĩ hè ở Bắc sớm hơn nghĩ hè ở Nam. Mà cô em lại ở nội trú, chủ nhật, có người nhà đến trường rước mới được ra. Tôi gửi thư cho hay tôi đã vào Nam, hiện ngụ ở... , và mong được gặp em. Chủ nhật ấy, tôi chờ, mà chẳng thấy bóng.

« Chủ nhật sau, tôi có việc phải đi Học-Môn ; chiều về, người bạn ở nhà cho hay khi sáng có một cô nữ sinh, mặc áo tím, đến tìm tôi. Nghe tôi đi xa Sài-Gòn, nữ sinh buồn ra mặt, đứng tần ngần, rồi cáo từ, chẳng nhả lời gì, chẳng để lại chữ chi. Tôi nghe bạn thuật lại mà ngẩn ngơ, cảm như vừa để mất một cái gì rất quý báu mà rất mong manh, không bao giờ còn gặp lại. Rồi tôi phải trở về Bắc. Từ đó, có thư đi mà chẳng có thư về...

— À, tôi nhớ ra rồi. Chính anh có viết lại truyện này đăng trong báo Học-sinh, cho nàng cái tên là Hoàng-Oanh thì phải.

— Chính thế. Tôi mong cô em ấy hiểu rõ đầu đuôi câu chuyện, để chẳng hiểu lầm tôi...

— Sao lại hiểu lầm anh được ! Có thể chủ nhật trước, cô bị phạt ở lại, hay người nhà không ai rước...

— Tôi thì lại nghĩ, thư v ết lẽ gì đó đến tay em trễ, thành ngày chủ nhật hẹn, với tôi là chủ nhật trước, với em lại là chủ nhật sau. Đến tìm tôi, chẳng gặp, em có thể cho tôi không giữ lời, buồn và lặng lẽ tuyệt giao.

— Còn một câu hỏi chót, nhưng giờ thì không hỏi anh nữa !

Anh nhìn tôi.

— Định hỏi anh truyện trình thám nào anh thích nhất. Giờ thì đã biết rồi.

— Đó là... ?

— « Bông người áo Tím ».

Nguyễn-Ngu-Í thuật.



★ TRÚC-LIÊN

Tên thật : Võ-Thị-Tuất.

Sanh năm 1929 tại Tân-Hưng, tỉnh Sa-Đéc (Nam-Việt).

Nhập tịch làng văn làng báo từ 1948.

Làm thơ, viết truyện.

Cộng tác với các báo : Mùa gặt mới (Huế), Tin điện, Tiếng chuông. Tuần san Phòng thương mại, Nhân loại, Cách mạng quốc gia, Giáo dục phổ thông, Phổ thông, Vui sống, Mai, Bách Khoa...



TrúC-Liên

Một con đường đất nhỏ, một chiếc cầu cây ngắn, đưa đến nhà của người chẳng lạ với những khách thường xem tranh ở các phòng triển lãm ở đô-thành. Và chủ nhân trong bộ kimono xinh xắn với nụ cười quen thuộc đã vui vẻ tiếp tôi tại phòng khách gọn gàng, có ảnh kỉ-niệm trời Âu lồng dưới mặt bàn, có tranh lập thể treo ở vách, và có đèn lồng đồng đưa...

— Đời có mặt xấu, mặt tốt, nhưng tôi chỉ nhắm cái khía cạnh tốt của cuộc đời. Và khi quan sát người hoặc việc, tôi chỉ để ý đến cái phần tức cười của nó hơn là phần bi thảm. Như anh thấy trong truyện « *Xe buýt và tôi* » đã đăng ở Bách-Khoa. Đó là về văn. Còn về thơ, tôi cố ghi tâm trạng của mình, mà tâm trạng thì buồn nhiều hơn vui.

« Văn hay thơ, tôi thấy cần đọc thêm sáng tác nước ngoài để được thêm phần sâu sắc.

« Tôi ham đọc sách từ thuở nhỏ, lúc còn học ở trường tiểu học. Nhờ các thầy chỉ vẽ, khuyến khích, chị em lập thành nhóm đọc sách và tập viết văn. Lên lớp nhất, tôi học với anh Nguyễn-Hoàng-Tư (1), được anh dìu dắt một dạo.

« Rồi biến cố lịch sử năm 1945. Khi trở về thành, ở nhà muốn cho tôi tiếp tục việc học dở dang vì thời cuộc. Tôi nghĩ giam mình trong lớp

học để người ta nhồi những thuyết mình không thích, nhưng hiểu biết mình không cần, là một cách lãng phí tuổi xuân, nên tôi xin gia đình được đi làm, còn giờ rảnh, thì vào thư viện, đọc.

« Cuộc sống về nghề nghiệp ảnh hưởng đến đề tài tôi viết khá nhiều. Tôi còn nhớ sau một thời gian bị mất tự do trong nhà giam đường Tự-do (thời kháng chiến), tôi viết hai truyện do đời sống và những điều nghe thấy trong ấy gợi hứng, đó là *Lối thoát* và *Một cuộc hồi xuân*. Còn khi đứng làm quản lí một tiệm ăn, tôi cũng tạo được vài nhân vật, dựng được năm bảy truyện : nhờ quan sát khách ăn !

« Thường, cốt truyện tôi mượn ở cuộc sống quanh mình.

« Một người bạn gái tôi hồi cư, sống sa sút với mẹ già trong một ngõ hẻm, bằng lòng lấy một người chồng già giàu có, đã làm tôi vừa chua xót vừa bức tức : mẹ bạn tôi muốn sống lại cảnh nhàn hạ thời xưa, ép con gái yêu mình đem tuổi xuân để đổi lấy xe hơi nhà lầu. Sự « đổi chác » ấy, tôi phải phơì nó lên trên mặt giấy mới thấy đỡ hăm hực. Đó là truyện « *Cuộc gặp gỡ sau mùa li loạn* » đăng ở Giáo dục phổ thông.

« Và cách đây không lâu, trong một buổi gặp gỡ tại nhà anh Đ. T. , tôi có kể chuyện nhà tôi đang bị lôi thôi vì chủ đất, anh Vũ-Hạnh liền bảo tôi : « Một đề tài nóng hổi cho cô đó. Cô còn dợi gì mà không viết ». Tôi nghe lời anh, và sau đó không lâu, truyện

(1) Nhà thơ và nhà soạn kịch thơ trẻ tuổi và nhiều hứa hẹn của miền Nam, đã bỏ mình vì nước khoảng đầu năm 1946.

(Lời chú của người phỏng vấn)

« Một cuộc tàn sát » ra đời trên Bách-Khoa.

« Cũng có đôi khi, cuộc sống tẻ nhạt quá, tôi để cho tưởng tượng dẫn dắt, viết truyện quái đản, như « *Giai nhân trong cốc nước* ».

« Tôi viết để thỏa mãn một nhu cầu, nên không nghĩ gì đến mai sau, đến tiếng tăm cả.

« Anh hỏi tôi có nuôi mộng gì về văn nghệ ? Chỉ có một thôi, anh à : mộng viết một truyện dài về thanh-niên thời hậu chiến. Nhưng chỉ được có năm mươi trang, rồi để đó. Nhưng thế nào tôi cũng phải hoàn thành.

« Anh nói phải, tôi thấy đó còn hơn một món nợ phải trả, mà là một bổn phận mình phải làm. Lần nữa là vì muốn để những gì mình cảm nghĩ lắng xuống hẳn, và cũng để kiểm soát lại những điều mình nhận xét ».

« Nói chung, con gái mà viết văn, thì thường bị gia-đình cản trở : viết văn dễ trở nên lãng mạn, rồi do đó mà nhìn đời, xét người lệch lạc, có ảnh hưởng không hay cho mai sau. Riêng phần tôi, thì lại được dễ dãi. Ba tôi trước hi vọng anh tôi sẽ trở thành nhà văn, anh tôi lại chọn con đường khác, nên khi thấy tôi tập tành viết lách, người rất vui lòng, mà tôi cũng thích thế. Nhưng khi thấy tôi lui cui trên trang giấy, mà tôi làm việc rất nhẹ nhàng và cảm người nhà gây tiếng động.

« Còn giao thiệp với anh em trong giới, tôi nghĩ mình hồn nhiên, thẳng

thắn, thì ít gặp gì phiền. Tự nhiên là hồn nhiên tới một mức nào đó thôi. Tôi cho kị nhất là làm dáng, làm điệu khiến người ta coi thường mình. Giữ gìn thái quá, bạn bè dễ lánh xa, mà thân mật thái quá, dễ khiến người ta hiểu lầm. Cái « vừa phải » ở đây là điều cần.

« Anh cứ hỏi, chỗ anh em với nhau, anh đừng ngại gì cả. À, tôi chẳng cần nghĩ ngợi gì lâu. Người bạn đường của tôi sẽ là một người theo con đường văn-ngệ, nhưng mà đi ngã khác. Để cùng bồi bổ cho nhau.

« Không đâu. Những gì tôi viết, chớ tôi sau này sẽ được xem sau thiên hạ. Anh nghĩ coi : đời người chỉ còn có chút tự-do trong tâm tưởng, mà người ta — dẫu người đó là phân nửa của mình đi nữa — lại muốn kiểm-soát, hay muốn chen vào bằng cách này hay cách khác, thì còn chi là bình đẳng ! Như thế đâu phải là yêu nhau, mà là phụ nhau tận gốc tận nguồn ! »

Tôi không còn gì để hỏi nữa, nhưng mà còn nhìn qua cửa sổ phía sau phòng khách. Vì nếu phía trước cho khách thấy rõ ràng còn đường nhựa với xe qua người lại, nhà cửa đứng yên, thì cánh cửa sổ nói trên mở cho khách thấy một vùng lau lác dầm mình dưới nước mơ màng, giấu che sau nó để ai đoán biết được những gì...

Nguyễn-Ngu-Í viết lại



★ MAI-THẢO



Sinh ngày 8-6-1927 tại Hải-Hậu tỉnh Nam-Định (Bắc-Việt).

Đã chủ trương tờ Dòng-Việt (1945) ở Hà-Nội với Trương-Uyên.

Sau hiệp định Genève, cộng tác với tờ Dân chủ, Người Việt.

Từ 1956, chủ nhiệm tạp chí Sáng-tạo.

Đã xuất bản: Đêm già từ Hà-Nội (truyện ngắn, 1955), Tháng giêng cỏ non (truyện ngắn, 1956.)

« Người sao mười hện chín rươi thường
đơn sai » !

Tôi định có tình cờ gặp lại người chủ nhiệm của Sáng Tạo, thì lời chào anh sẽ là câu thơ « Chín rươi » trên đây, thêm một tiếng.

Nhưng tôi bỏ ngay ý định này khi, vào phút chót, được anh nhắn mời đến nơi anh ngụ vào trưa một thứ bảy để « chẳng phải trả lời cuộc phỏng vấn » mà để « nói chuyện ».

Và câu đầu anh thốt, là:

— Sở dĩ tôi cứ nay lần mai lửa với anh, là vì tôi không đồng ý với tinh thần và mục đích của cuộc phỏng-vấn lớn ở Bách-Khoa mà anh phụ-trách.

— Anh không tán thành việc làm này mới đây hay là từ lúc ban đầu ?

— Ngay từ lúc ban đầu.

Tôi thăm nghĩ : ngay từ lúc ban đầu, mà anh đợi khi cuộc phỏng-vấn gần kết thúc, mới chịu hé môi, thì quả là « yêu nhau thì lại bằng mười phụ nhau » ! Nhưng dầu sau, anh nói trẻ còn hơn anh lặng im luôn. Nên tôi hỏi anh :

— Vậy xin anh cho biết vì sao.

Anh từ từ rút một điều thuốc, nhẹ nhẹ đưa lên môi, chăm rãi quẹt lửa, hút một hơi dài rồi mới thông thả trả lời.

— Rồi tôi sẽ nói vì sao. Còn giờ, anh cho tôi nói hết ý nghĩ của tôi.

« Tôi không tán thành công việc anh phụ trách, là vì tôi cho rằng những vấn đề mà cuộc phỏng vấn đặt ra dưới hình thức những câu hỏi đều là những giả vấn đề.

Anh ngừng nói. Khói thuốc càng tăng vẻ xa vắng của gương mặt dài phẳng phát dầu mặt môi.

Tôi yên lặng chờ.

— Về phía người đọc, tôi thấy, cuộc phỏng vấn không làm sáng tỏ được gì hết, còn về phần người sáng tác, cũng không giải thích được gì hết. Có ứng bản khoản, nhưng thắc mắc. Cho nên thành thực là tôi không có ý kiến gì về những câu hỏi đó.

Giọng anh bỗng mất cái vẻ đều đều đượm ít nhiều mệt nhọc, và mắt anh

cũng mất cái vẻ xa vắng ban đầu. Tôi bèn hỏi lại:

— Anh không trả lời vì không muốn?

— Vì không có gì để trả lời thì đúng hơn.

Tôi cười:

— Bởi lẽ hỏi anh sáng tác để làm chi, cũng như hỏi anh ăn cơm, anh uống cà-phê, hay anh hút thuốc để làm gì?

Anh lắc đầu: « Không giống nhau thế đâu. Chẳng hạn như tôi nhận thấy những câu hỏi của cuộc phỏng vấn buộc người được hỏi đến phải nói đến cái « tôi », buộc họ phải tự trình bày con người của họ ra. Nói ra, đã là điều khó, điều kì, mà lại nói ra cho mọi người nghe, thì thật là một điều tối kì. Chắc các bạn trong nhóm « Sáng Tạo » cũng nghĩ như tôi, nên ai nấy đều đã kiếm cớ từ chối. Nhưng anh đã cố tình đeo đuổi... , (anh cười) thì xin « đền » anh bằng một vài ý kiến ở ngoài lề cuộc phỏng vấn vậy.

Tôi lắng lắng nghe.

Anh châm điếu thuốc thứ nhì.

— Thí dụ như câu hỏi: « Viết cho bây giờ, hay cho mai sau », không bao giờ đặt ra với tôi.

Anh nhìn ra cửa sổ.

— May thay, tôi không hề đặt điều đó thành vấn đề. Nếu cứ tự hỏi lần thân như thế, tôi rất cuộc chắc viết không được gì. Hỏi như thế, theo tôi, là sai.

« Người làm văn học không bao giờ tách cuộc sống ra từng đoạn. Dĩ vãng, hiện tại, tương lai chỉ là một toàn thể. Và đối tượng chỉ là đời sống hiện tại, trước mặt, một gồm thành không tách rời được của cả quá khứ, hiện tại và tương lai.

Anh im lặng, nhìn theo khói thuốc. Rồi anh tiếp:

— Lại « viết cho mình hay cho thiên hạ »! Điều này đâu phải tùy người viết. Tùy đề tài, tùy nội dung tác phẩm, tùy thái độ tác giả... tất cả những cái đó hợp nhau lại mới cho người đọc biết — biết một phần nào thôi — người viết sáng tác cho ai, sáng tác để làm gì: nhưng người sáng tác thì không bao giờ tự hỏi như vậy.

Và anh cười lớn:

— « Anh đã thấy đó. Có người trả lời viết cho mình, tức là viết cho thiên hạ, có người trả lời vừa viết cho bây giờ mà vừa viết cho mai sau... ».

— Nghĩa là anh cho họ là những người... ba phải?

Anh chỉ cười thay vì xác nhận hay phủ nhận.

— Vậy anh cho rằng vì cuộc phỏng vấn bắt anh chị em phải phô bày cái tôi, vì câu hỏi đặt sai, nên kết quả chẳng có gì?

Anh để điếu thuốc hút dở xuống bàn.

— Không đúng hẳn, nhưng cũng gần như thế, và bởi đó mà cuộc phỏng vấn đã thất bại. Tôi nghĩ có một vài người cũng đã cảm thấy như thế nên hoặc đã trả lời ra ngoài đề hoặc bằng một giọng đùa cợt.

— Thế thì, theo anh, muốn có hi vọng thành công, ta nên phỏng vấn cách nào đây ?

Giọng anh có phần sôi nổi.

— Tôi nghĩ : nên giới hạn cuộc phỏng vấn trong một vấn đề cụ thể, nhất định, có tính cách thời sự.

« Nên giới hạn cả số người mình phỏng vấn nữa. Tất cả sự thông minh của người đi phỏng vấn về một vấn đề nào đó là tìm kiếm những người đích thực quan tâm và có đầy đủ thẩm quyền phát biểu ý kiến về vấn đề đó, và chỉ cần những người đó thôi. Như thế anh sẽ đỡ tốn công phu và thì giờ vô ích. Và cuộc phỏng vấn cũng đỡ bị loãng nhạt vì những ý kiến lảng nhãng, vô giá-trị.

Thấy anh bắt đầu hăng, tôi lại trở về cuộc phỏng vấn mà anh tuyên bố không trả lời :

— Hỏi về quan niệm đường lối sáng tác, anh cho là không thể đáp, nhưng còn về phương pháp, về kinh nghiệm, tưởng dễ nói và cũng giúp ích phần nào cho những người viết văn tập sự ?

Anh cười nhè nhẹ.

— Nói phương pháp, kinh - nghiệm mình, thì chỉ làm người đọc vui vui vậy thôi, chứ không giúp ích được gì lắm đâu. Tôi tin thế. Bởi mỗi người có một lối làm việc riêng, tùy theo nếp sống, tùy theo bản chất. Còn kinh nghiệm của người này, người khác lắm khi không thể dùng cho mình được. Vả lại kinh-nghiem do mình tìm mới có ích lợi thiết-thực.

Tôi nhìn anh, hỏi một câu hơi xa đề :

— Anh lúc này coi bộ không được mạnh, chắc anh viết không được đều như lúc trước.

Anh gật đầu.

— Tôi viết không được đều, do tình trạng sức khỏe ; làm việc ban đêm cũng phải có giới hạn.

« Tôi vốn viết có phần khó khăn. »

— Nghĩa là anh viết nhiều lần mới xong ?

— Đúng vậy. Tôi ít khi nào viết được thật nhiều trong một lúc. (Anh cười). Lười nên viết cũng lười nữa.

— Vậy chắc anh không viết theo tùy hứng ?

— Chỉ tùy hứng ở trên chi tiết, còn về toàn thể thì không. Sáng tác vẫn được dựng trên một ý-tưởng nhất định nào đó.

— Thành ra anh dựng truyện trên một ý tưởng nào đó...

— Phải. Có một ý-tưởng chính đã, rồi mới dựng sáng tác trên ý tưởng đó.

— Thế thì với anh, sự tình cờ chẳng có một vai trò nào cả !

— Có, anh à. Mà điều lạ chính tôi cũng không hiểu là có thường ở phần kết nên đôi khi phần kết trên giống nó khác phần kết đã định trước.

Anh còn muốn nói gì thêm, bỗng như chợt nhớ điều chi, cau mặt rồi cười.

— Thế là tôi vừa bị anh lừa ! Trên nguyên tắc, thì không trả lời cuộc phỏng vấn do anh phụ trách, mà trên thực tế thì lại trả lời phần nào rồi đó !

Tôi chống chế :

— Chẳng có ai lừa và ai bị lừa cả. Chẳng qua là trong câu chuyện, vô tình anh cho biết đôi điều có dính líu ít nhiều đến đôi câu hỏi của cuộc phỏng vấn, thế thôi.

Bây giờ, xin hỏi anh vài điều về « Sáng Tạo », anh vui lòng đáp chớ ?

Anh ưng thuận và đốt điều thuốc thứ ba.

— Tại chí « Sáng Tạo » thế là chết hẳn hay sẽ còn lên tiếng ?

— « Sáng Tạo tạp chí » tạm đình bản, nhưng tôi hi vọng « Sáng Tạo tuần báo » sẽ được xuất bản một ngày gần đây.

— Sao lại là tuần báo ?

— Vì tôi thấy dưới thể tài tạp chí, ra hằng tháng, cần phải chọn lựa bài vở kĩ càng, chỉ giới thiệu những công trình hay, đẹp, cho nên tạp chí đã gần với một cuốn sách hơn là một tờ báo.

« Còn với hình thức tuần báo, mình gần độc giả hơn, và có thể đề cập đến những vấn đề thời sự hơn. Do đó độc giả thấy sự hiện diện của mình là cần thiết. Trong phạm vi rộng rãi của một tờ tuần báo, mình có thể phê bình đến cả một cuốn sách dở, một cuộc triển lãm tồi, điều đó cũng cần thiết như khi ngợi khen một tác phẩm, một cuộc triển lãm hay. Trái lại người ta không thể nói được tất cả trong một tạp chí.

— Thế tài có khác, nhưng đại cương vẫn như trước chớ ?

— Không thể nói trước được. Có thể như cũ, có thể thay đổi.

— Anh không thể tiếp tục cho Sáng Tạo tạp chí ra đời, hẳn anh đã gặp nhiều trở ngại ?

Anh gật đầu.

— Thế trở ngại do bên ngoài đưa tới hay bên trong sanh ra ?

— Không bao giờ có một trở ngại nào ở bên trong bộ biên tập cả. Sáng Tạo tạm đình bản lúc này là một điều khiến tôi rất ân hận, nhất là đối với những người đã công nhận sự có mặt và vai trò của nó.

— Nhìn lại con đường « Sáng Tạo » đã đi, anh có thấy hài lòng chăng ?
Mất anh sáng lên.

— Đứng về phương diện cá nhân, tôi không tự hài lòng chút nào, Song tôi rất hài lòng — và coi đây là một vinh dự — là « Sáng Tạo » đã có được một bộ biên tập và những người cộng tác như đã có. Nó được đặt trên một mục đích không thương mại nên đã thất bại trên phương diện thương mại. Còn nếu « Sáng Tạo » có làm được một cái gì, hãy tạm cho là: *đã gây được một í chí kiếm tìm về thực hiện cái mới, một ý thức mới.*

— Để mà...

— ... để thay thế đã có, cái đã lỗi thời. Văn học nghệ thuật ở đây mang cái khuynh hướng kì lạ: ta chỉ muốn chôn chân trong những chân trời, những giới tuyến cũ. Sáng Tạo mang cái tinh thần vượt thoát khỏi những giới hạn đó. Nó đứng về phía những cái mới.

— Cái mới đó nó ra sao ?

— Ra sao ư? Không phải một sớm một chiều là đã thấy hoặc tạo được cái mới. Nhưng hãy cứ nhận thức được rằng cần phải có cái mới để đáp ứng cho những nhu cầu và đòi hỏi của văn học nghệ thuật hiện tại, đã là một bước tiến đáng kể. Còn thực hiện được cái mới ấy, không phải là việc riêng của một nhóm người, một cá nhân nào, mà là của tất cả mọi người.

— Có vài tờ báo đã kích lập trường văn nghệ của « Sáng Tạo », anh có bận tâm vì việc này không?

— Nói rằng hoàn toàn không thì là không thành thật, bởi chính tôi đã có vài lần lên tiếng trả lời. Nhưng điều đó không hề làm tôi ngạc nhiên. Chính chúng tôi cũng đã nhiều lần đã kích, lên án những cái xét thấy đã đến lúc phải đã kích, lên án (*anh cười*), nếu có bị đã kích lại cũng là chuyện thường. Thà là thế đi. Chứ Sáng Tạo không bao giờ chịu ấn mình vào một thái độ thỏa hiệp, như thế rất đốn hèn và rất vô trách nhiệm. Điều quan trọng với tôi là « Sáng Tạo » trước sau đã thành thực và trung thành với con đường và mục đích của nó, còn đạt tới được hay không, là chuyện khác. Tôi cho điều đáng tiếc không phải là « Sáng Tạo », là chúng tôi, đã bị xuyên tạc hay hiểu lầm, mà là đáng tiếc cho cái trình độ, cái ý thức về văn học nghệ thuật nói chung ở đây. Nhưng rồi đây, một trào lưu mới, một lớp người mới sẽ thay thế, sẽ đào thải một trào lưu cũ, một lớp người cũ. Đó là một sự thực không kể nào ngăn cản và bóp chết được.

— Dầu không có « Sáng Tạo »?

Anh cười :

— Có « Sáng Tạo » hay không, không thành vấn đề.

Đưa tôi ra đường, anh còn phân trần :

— Anh hiểu cho tôi nhé. Tôi luôn luôn nghĩ việc làm này của anh rất thành thật và không vụ lợi. Nhưng tiếc là kết quả không xứng với công anh. Và vì không đồng ý về tinh thần và nội dung cuộc phỏng vấn nên mới làm anh vất vả như thế.

Tôi bắt tay anh, cười, trả lời thăm cho anh :

— Chính tôi mới là người đã làm anh vất vả suốt buổi trưa nay.

Nguyễn-Ngu-Í viết lại.

SÁCH BÁO MỚI

Bách-Khoa đã nhận được :

— **Le printemps inachevé** của Bà Lý-thu-Hồ, do nhà xuất bản J. Peyronnet et Cie ấn hành tại Pháp, B s Nguyễn-trần-Huân gửi tặng. Sách dày hơn 200 trang. Giá 7,50 quan mới.

— **Tuần san Điện-Ảnh đôi mới**, do O. Nguyễn-Ngọc-Nhà quản-nhiệm, O. Mai Châu chủ bút, O. Vị Ý trình bày, với 32 trang in offset, giá vẫn 6 đ.
B K. trân trọng cảm ơn B.s. Nguyễn-trần-Huân, Tuần san Điện Ảnh và xin ân cần giới thiệu cùng bạn đọc.

★ Á-NAM

Tên thật : Trần-Tuấn-Khai.



Sinh ngày 18 tháng 9 năm Ất-vị (nhằm ngày 4 tháng 11 năm 1895 tại làng Quang-Xán, tỉnh Nam-Định (Bắc-Việt).

Thơ văn đã đăng trên Đông-Dương tạp chí (1913-14), Trung Bắc tân văn, Nam-phong, Khai hóa, Đông-Dương, Đông-Pháp thời báo, Thực nghiệp dân báo, Đông-Tây tạp chí, Vệ nông, Văn học tạp chí, Nhân loại, Hà-Thành ngộ báo, Pháp-Việt tạp chí ở Bắc. Phụ nữ từng san (1932), ở Trung. Đuốc nhà Nam (1934), Việt-Nam (1936), ở Nam. Và sau 1945 : Việt cường, Bách-Khoa, Văn-hóa nguyệt san, Văn học tạp chí, Văn đàn... đã dịch nhiều truyện Tàu.

Đã xuất bản về văn thơ : Duyên nợ phù sinh (quyển I, 1921, quyển II, 1922), Bút quan hoài (quyển I, 1924, quyển II, 1926), Vội sơn hà (quyển I, 1936, quyển II, 1947). về biên khảo Hồn tự lập (tập I, 1924, tập II, 1925), về kí sự : Sách chơi Xuân nhâm-thân (1922).

Hiện đang tòng sự tại nha Văn hóa và sở Tu thư dịch thuật.

— Tôi khởi sự viết năm 1913, cho « Đông-Dương tạp chí » rồi sau cho « Trung-Bắc tân văn », cho « Nam phong tạp chí ».

— Hẳn là cụ làm thơ trước, rồi mới viết văn xuôi ?

Nhà văn lớn tuổi nhất mà tôi tiếp xúc trong cuộc phỏng vấn này thông thả gật đầu và rít một hơi thuốc lào. Rồi đôi mắt già mệt mỏi của cụ mờ màng sau khói thuốc tỏa lan.

— Thuở còn bé, tôi đã thích thi văn...

— Và cụ cũng thường ngâm vịnh ?

Một nụ cười thoáng qua gương mặt nhiều nét nhăn và nhiều nét phong trần của tác giả « Vội sơn hà ».

— Thơ thù tạc, thơ phóng viếng, tôi làm nhiều, quả thật là nhiều. Nhưng làm xong, gởi, tặng, rồi quên đi.

— Thế thì cụ giữ lại...

— Tôi giữ lại để đăng báo hoặc in thành sách những bài thơ làm vì những điều xảy ra trước mắt làm mình xốn xang, những gương anh hùng liệt nữ, chí hướng của người làm trai...

— ... mơ chuyện vá bể lấp trời, mơ lúc chim bằng vỗ cánh ?

Cụ trầm ngâm. Rồi lặng lẽ sửa soạn thuốc lào. Nước lại kêu trong bình nhỏ, khói lại tỏa trong phòng con. Tôi kính trọng bậc lão thành đã từng kích thích thể hệ giàu máu nóng, ba bốn mươi năm về trước, với những bài thơ nung nấu lòng ái quốc, chí quật cường.

*Chim bằng ơi ! Chim bằng ơi !
Mừng nay người lại được thành thơ.
Cất cánh bay cao tít tận trời.
Khói mây muôn trượng thích ngang dọc,
Đường lên vun vút há nhường ai... (1)*

— Nhắc đến thơ với thần, tôi có một kỉ niệm hay hay, kể anh nghe chơi. Về thơ, có gì cảm xúc là tôi làm ngay, nên một đêm nọ, vào khoảng năm 1929-30, tôi ngủ không được, bèn dậy làm thơ. Anh biết cái gì làm tôi nhắm mắt chẳng được không ?

Tôi nhìn kĩ gương mặt héo hon của người đối diện gần đến tuổi bảy mươi, cổ tưởng tượng ba mươi năm về trước... cái gì có thể làm đôi mắt ấy phải nhìn mãi đêm thâu, một tối nào...

— Khoảng ấy, dân chúng bị đàn áp nặng nề về chánh trị, thêm nạn lụt, dân đói khổ trăm chiều. Một vị đại thần Nam-triều ra lo việc cứu nạn lụt ở Bắc. Ông thượng Nguyễn-Năng-Quốc — nhà ở gần nhà tôi — mời vị đại thần này cùng ông Hoàng-Trọng-Phu về nhà, mời cô dâu về, tom chát. Tiếng đồn tiếng bát, tiếng... chó sủa làm inh cả tai. Tôi không tài nào ngủ được, tức bực quá, tôi ngồi dậy, làm ngay bài thơ...

— « Đêm nghe chó sủa » ?

— Không phải hẳn là thế. Cái nhan là : « *Đêm, nghe hàng xóm cười.* » Anh có muốn nghe bài thơ tức cảnh này không ?

Tự nhiên là tôi đáp có. Và giọng vừa vừa, chậm chậm của cụ làm sống lại cảnh

tình trong một đêm của ba mươi năm trước.

Đêm, nghe hàng xóm cười.

Tiếng chó oang oang lẫn tiếng người,

Đâu buồn đây xóm vẫn riêng vui.

Xa miền đời loạn không nghe khóc,

Gần đám nọ yên chỉ thấy cười.

Ưu ái chừng thừa tay gánh vác,

Giang hồ đắm lặn mắt ăn chơi.

Buồn tình câu chuyện hồ thương thờ,

Họa gió trăng kia biết chuyện đời !

« Vài hôm sau, có một anh bạn ở tòa-soạn báo Nhân - Loại đến chơi ; tôi đem bài thơ ra đọc ; anh bạn lấy làm thích, lấy về đăng. Báo ra, cụ Quốc xem bài thơ kia xong, cho người nhà mời tôi sang chơi. Tôi miễn cưỡng đi mà tưởng tượng cảnh võ bàn đập ghế đang chờ mình. Nào ngờ cụ niềm nở đón, xin lỗi vụ làm ồn hôm trước và đã tỏ ra hối hận đã vì chút tình riêng mà làm mất giấc ngủ bà con xóm diềng và thiếu sót với nghĩa chung. Cụ lại tỏ lời cảm ơn tôi đã vạch cho cụ thấy chỗ không phải của mình. Tôi vừa ngạc nhiên vừa sung sướng.

— Và từ đó, hai cụ trở nên đôi bạn thân ?

Cụ gật đầu.

— Ngoài thơ, cụ còn viết truyện ?

— Tôi cũng có viết những đoản thiên, vì thời thế, vì xã-hội. Được độ trăm cái, đăng rải rác trên các báo : Nhân-loại, Đông-Dương tạp chí, Thực-nghiệp, Hà-thành ngộ báo, Nam-cường,

— Thế giờ, hoàn cảnh xã-hội và thời thế có gọi cụ viết truyện không ?

(1) Trong bài «Chim bằng lại bay» làm năm 1923

— Đối với tôi, bây giờ viết là cả một vấn đề. Vốn ít, con đông, tuổi già, sức kém, tôi cầm lấy bút là hết sức ngại ngùng.

— Thế cụ dành để ngồi Bút sét sao?

— Đâu có anh. Sức khỏe yếu thì đành làm các việc khác ít « tử công phu » hơn, như việc phiên dịch cho nhà Văn và sở Tu thư.

Cụ nói đến việc phiên dịch khiến tôi nhớ bộ *Thủy-hử* của cụ dịch, do nhà Anh-Hoa tái bản từng tập mỏng, năm 1944 (20 năm sau bản in đầu), phải dở dang vì cuộc cách mạng 1945.

— Cụ có định tái-bản lại truyện 108 người nghĩa - hiệp vùng Lương - Sơn chăng?

— Chẳng những bộ truyện - dịch này, mà các tập thơ văn cũ : *Duyên-nợ phù sinh*, *Bút quan Hoa*, *Với sơn-hà*.

Cụ thở dài.

— Tôi rất thích bài cụ dịch truyện *Thủy-hử*. có những câu ra đời gần bốn mươi năm mà giờ đọc lại vẫn thấy còn hợp thời, như :

*Xung quanh vẫn nước non nhà,
Nỗi niềm tâm sự biết là hỏi ai?
Nắng chén rượu xem câu chuyện cổ,
Trông giang san xích nhớ đến nghìn
xưa,
Trăm năm dù có bao giờ...?*

— Anh làm tôi nhớ đến ông bạn già Phan-Khôi. Chương-Dân tiên-sinh đọc bản dịch *Thủy-hử* của tôi, lấy làm cảm kích, làm bài thơ cảm tác gởi cho tôi. Mở đầu là :

*Đời loạn vua hèn quan giết dân.
Ông thần pháp luật đứng bằng chân.
Trời sinh theo sát tuân ra máu,
Đổ lại trên đầu lũ bất nhân.*

Tôi nối lời :

— Còn tôi vẫn nhớ mãi bốn câu kết.
*Này vung Lương-Sơn nay ở đâu?
Xa trông che khuất mấy ngàn lau!
Hát anh bài hát sau bìa sách,
Cảm khái riêng ta với ả đầu.*

Rồi hai chúng tôi, những người của hai thế hệ, không hẹn mà cùng nhìn ra cửa sổ. Chẳng biết lúc bấy giờ có đám mây bạc nào lạc lối bay qua không?

NGUYỄN-NGU-Í. viết lại

Cuộc phỏng vấn các nhà văn chấm dứt từ số này, mời các bạn đón đón đọc từ số tới :

TIẾNG NÓI CỦA GIỚI HỘI HỌA

Đề biết : Các họa sĩ quan niệm về ngành mình ra sao? vẽ theo xu hướng nào? ưng ý nhất bức tranh nào của mình? ước mong gì về tương lai Hội họa nước mình?

SINH-HOẠT

NGUYỄN-NGU-Í thuật

Những lời nói Việt-Nam (1)

« Ai muốn cho đây là một trò vui trong buổi đầu xuân, chúng tôi xin cảm ơn. Ai muốn nghĩ đây là sự cắt đứt những đồ cổ của nhà, chúng tôi cũng xin cảm ơn nhiều hơn nữa ».

Cái đây của diễn giả là những câu chuyện về lời nói cũ của ta mà ông thấy rằng sẽ phải bị xếp vào viện bảo tàng. Vì không đây một thể kỉ mà xã hội chúng ta đã đổi mới quá nhiều. Cái thời mà người ta đo thời gian bằng tiếng gà gáy, đo khoảng dài của đường lộ bằng thời gian nhai dập bã trầu, đo tốc độ bằng sự ngồi chưa nóng chỗ..., cái thời gian ấy cách đây không bao lâu mà ta thấy như là xa lơ xa lắc...

Và cuộc sống bây giờ nó mới vội làm sao : ăn vội, làm vội, đi vội, nghe

vội, nói vội, mà chết cũng vội nữa ! Thì rồi đây tất cả có lẽ cứ thẳng đuốn đuột, thật như một chỉ là một, hai chỉ là hai và rõ như trắng chỉ là trắng, đen chỉ là đen, thì tất cả những cái gì gật mà là lắc, khóc mà là cười, tôn mà là chửi, kính mà là bĩ, khen mà là chê, mắng mà là bênh, có lẽ đều là không còn nữa.

Cho nên ông Lê-Văn-Siêu thấy có bốn phạm nghiên-cứu những lời nói của mình, và ông giới hạn : chỉ nói về những lời nói ở miền Bắc.

*
* *

(1) Do hội « Việt-Nam nghiên cứu liên lạc văn hóa Á-Châu » tổ chức tại trường Quốc-gia Âm-nhạc và Kịch-ngệ, ngày 25-3-62,

Công việc này, theo ông, có bốn lí do khiến nó không dễ như ta thoát tưởng :

Một là những lời nói ấy không cụ thể.

Hai là những lời nói ấy biến thái theo giọng nói và đồng thời theo những hàm sở khác về cảnh tình cùng cương vị người nói và mục đích câu chuyện.

Ba là những lời nói ấy lại còn huyền ảo, hư hư thực thực không biết thế nào mà lường.

Bốn là những lời nói ấy, không được ghi lại trong tự - điển hay trong sách vở nào cả.

Đem các phương pháp phân tích khoa học của Tây-Phương mà tìm hiểu, thì không thể được, chỉ có thể dùng trực giác mà thôi.

Nhưng trước khi kê khai các lời nói, diễn-giả tìm những nguyên do đã phát sanh những lời nói ấy, và ông tìm được ba nguyên do : chính-trị, xã-hội và trình độ nhận-thức

* *

Nước ta chưa dựng xong nền móng thì bị người Tàu lấy đến hơn ngàn năm. Ta phải giữ gìn từ cử chỉ đến lời ăn tiếng nói, sau cho kẻ đồ hộ có nghe thấy cũng chẳng hiểu gì cả. Đó là một lời chông đời của người bị trị.

Ta chông đời kẻ mạnh áp bức ta, mà ta cũng chông đời những gì phạm đến đạo đức mà ta rất trọng.

Do đó mà tiếng chửi, lời rủa của ta rất là sâu độc, cho đến tiếng cười cũng được dùng làm khí giới !

Rồi khi nước nhà tự chủ, là bị cái mặc cảm ganh đua văn hiến Trung-Hoa, khiến ta càng giữ gìn theo lễ giáo Khổng, Mạnh hơn cả con cháu của Khổng, Mạnh. Sự kiêng tên húy đối với vua, với quan, với người trong gia-tộc là một bằng chứng.

Đó là những nguyên nhân chính-trị còn về xã-hội, đến giả nghĩ có lẽ vì cái mặc cảm văn hiến nói trên mà ta có lời xưng hô thật là rạch ròi, hơn cả « ông thầy Tàu »

Và vì phải giữ lời ăn tiếng nói cho phù hợp với cả « vị trí » của mình để tỏ ra là người có lễ giáo, mà con người bị áp bức về một phương diện nào đó, nhưng lại có lợi cho tiếng nói được rèn được giữa thành một khí cụ sắc bén.

Cuộc sống nông nghiệp và cái làng là cái lò tinh luyện ra những lời nói hiểm độc vô cùng. Ta hãy nghe tác-giả « *Nếp sống tình cảm của người Việt - Nam* » nhận xét :

« Nhờ vì cuộc sống trăm trăm, không có gì vội vàng cả, cứ mặc cho cây cối nó mọc, mặc cho gió bay, mặc cho thời gian trôi chảy, người ta ngồi nghiêng ngả những câu nói thề nào cho ác độc, cho buồn cười, cho đau đớn, và nghiêng ngả những cách nói thề nào cho đương sự không ngờ mũi dùi đã chia thẳng vào mình mà tất cả ai

ai thì cũng lại biết được ngay. Cùng nghiên cứu những thẻ chồng đờ cho có ai vặn hỏi thì vẫn có lời trả lời để khỏi phải chịu một trách nhiệm gì hết.»

Cho nên những lời nói móc, toàn là tự hạ, hoặc tự nhận là hề, là kém, là dốt, là ngu, chính để mắng người ta một cách gián tiếp.

Và « muốn có hình ảnh của những lời nói ấy, ta chỉ cần xem những bài thơ tự thuật, tự trào của các nhà thơ cũ. Còn muốn có hẳn những mẫu chuyện điển hình cho lời nói ấy, thì là phải chịu mất thì giờ ngồi giữa cho hai bên phân bua với mình.»

Lại có những lời:

« Sấm bên đông động bên tây,

« Tuy rằng nói đấy nhưng đây động lòng.»

Hoặc mượn cái này mà nói ai ai..., như:

« Cha đời cái áo rách này,

« Mất chúng mất bạn vì mày áo ơi ! »

Còn nói chi đến những bậc thâm nho, mừng người ta những câu đòi giết người ! Mà có ai tình ý lắm mới vỡ được cái nghĩa xỏ xiên, mai mỉa độc địa của nó, như « đại lai » thì phải hiểu lớn lại, lớn lại phải nói lái thành lái lợn ; và « ... trăm năm danh giá của bà to », ta chớ có hiểu hình dung từ to ăn chịu với danh giá !

Trước kia, dân ta vốn mê tín dị đoan, nên trong lời nói, cố tránh những điều gở.

Diễn giả đưa ra những ví dụ xưa như chuyện Nguyễn-Hữu-Cầu và Phạm-Đình-Trọng, chuyện Nguyễn-Hữu-Chính cùng những ví dụ nay, như trường hợp Vũ-Đình-Di, trường hợp Lãng-Nhân, Phùng-Tất-Đắc, trường hợp TchyA Đái-Đức-Tuần.

« Tử tức vì không truyền hậu thế,

« Thì đây thi tập đưa con ta ».

TchyA ngâm nga thẻ khi tập « Đấy voi » ỉn xong, lúc đó mới độ ba mươi, nay trên năm mươi mà vẫn chưa con. Anh em biết chuyện cho vì đã nói gở.

Lãng-Nhân có lần viết trên tập lưu bút của mình, ngày mồng một Tết, mấy câu tập kiểu này :

« Trăm năm trong cõi người ta,

« Ấy là Hồ điệp hay là Trang sinh.

« Thôi thôi đã mắc vào vành,

« Biết duyên mình biết phận mình thế sao ».

29 tháng giêng năm ấy, Lãng-Nhân bị lính Nhật đến nhà bắt, cho là tại mấy câu gở trên kia.

Vũ-Đình-Đa sang Nhật vận động chánh trị, xong việc, đáp máy bay về, gọi trước một bưu thiệp về Hà-Nội cho thân phụ để báo tin với hai câu :

« Công tư hai lẽ đều xong,
« Gót tiên chốc đã thoát vòng
trần ai ».

Khi về nước, mượn đường xe
lửa Sài-Gòn về Hà-Nội, bị Việt-
Minh bắt giết ở Quảng-Ngãi. Người
ta bảo tại lời viết gở trên đây, và
đền bây giờ, người nhà còn giữ
bưu thiếp ấy tại bàn thờ người
quá cố.

Khả năng của tiếng nói là đoạn
kết của bài diễn văn. Diễn giả bàn
xét đến lời nói lái là lời rất thông
dụng trong nhân dân, rồi đến lời nói
buông lỏng, lời nói cần phải thuộc
nhiều điển tích, ca dao, câu đố, cùng
chuyện tiểu lâm, lời nói tượng hình
như tỏ tình gần bó bằng cách nhờ
cậy :

Bây giờ anh gặp nàng đây,
Mượn cắt cái áo mượn may cái
quần.
May xong anh trả tiền công.
Đến khi lấy chồng anh giúp của
cho.

Còn với lời ví von, khi chua ngoa
thì khó ai chịu nổi, mà lúc tình tứ
thì không gì cảm động cho bằng :

— Bao giờ rau diếp làm đình,
Gỗ lim ăn ghém thì mình lấy ta,
— Qua đình ghé nón trông đình,
Đình bao nhiêu ngói thương mình
bấy nhiêu.

Để kết thúc buổi nói chuyện,
diễn giả kể một câu chuyện « thật
là điển hình cho lời nói Việt-Nam »
Đó là lời nói dựng đứng trong
một buổi liên hoan văn nghệ ở
thủ đô Hà-Nội, năm 1945, mà hai
vai chủ động là học giả Lê-Văn-Hoè
và kịch gia Đoàn-Phú-Tứ.

Và hai câu cuối cùng của diễn
giả làm người nghe ra vẻ mà còn
ngẫm nghĩ :

« Cho nên người nào cồ ý đi
tìm cái rõ ràng sáng sủa trong Việt-
văn thì thực không bao giờ tìm
thấy được. Chúng tôi có thể kết
luận là : cái gì không tề nhị thì
không phải là Việt-Nam »

Nguyễn-Ngu-Í thuật

ĐÍNH CHÍNH

B. K. số 124, trang 76 chú thích (1) :

Dòng 1 : «Tôi chẳng yêu ai».

Dòng 2 : (A là chữ đầu...)

— trang 115, cột 1, dòng 5 : «chiếc áo đông», xin sửa :
«chiếc áo dòng»,

— trang 116, cột 1, dòng 21 : «Baudelaine» xin sửa «Baudelaire»
cột 2, dòng chót : «thu 1962», xin sửa : «thu 1952».

Bách-Khoa vừa nhận được :

- Nỗi buồn xa người yêu (Du-Tử-Lê) — Cửa lớp học; Mưa (NH-N) — Những oán than trong bài hát chiều hồn... (T. M (Lgt) — Ngược xuôi; cho anh; niềm hối tiếc (Hoa nước mắt) Socrate, một khúc quanh của Triết-sử (Hoàng: Lý-Phúc) — Chiều mơ; Thắng lợi về ta (Đặng-vũ-Anh) — Buổi chiều trên con lộ; và tìm (Tô-Phạm) — Mặt sao thành phố (Sương-Biên-Thùy) Vầng lạnh; Nỗi buồn Việt-Nam; Nhật phai... (Nguyễn-Nho-Sa-mạc) — Nhận định; Thơ tình; Cuối cùng (Nguyễn-Xuân-Tử) — Tình yêu ở Huế; Âm thầm (Hạ-Phổ) — Những bài thơ lục bát; Áo đời (Ngân-Sao-Hà) — Bức ảnh người yêu; Tượng đá: Những điệu buồn lục bát (Hoàng-Anh-Tâm) — Khuôn mặt; Khúc ca lục bát; Vũ-diệu; Bài ca tình yêu (Tạ-Duy-Thọ) — Tuổi em mười sáu (Hoàng-Thị-Lang) — Mưa hoa phượng; Buồn; Mưa rừng; Vì cô; Vì sao (Trường-khanh) — Nhạc khuya; Khoảng buồn; Trở mùa; Lúi đầu (Hoài-Linh-Châu) — Thoáng buồn; người cô độc (Tam-Tư) — Rồi một đời người; Xin về; Kết thúc (Lê-Thủy-Lam) — Lâm lụi; Trăng và máu; mưa đầu mùa (Trúc-Kỳ-Tâm) — Phục-sinh (Đĩnh-hoàng-Sa) — Cuộc khảo sát hải học quốc tế Ấn-Độ Dương (Trịnh-Thiên-Tứ) — Hàng đậu thưa (Khương-Dy) — Đẳng sau cuộc đời; niềm thương (Mặc-Mai-Nhân) — số kiếp mình; thơ cho em; thời gian (Nguyễn-Lương-An) — Khóc em (Thế-Lam) — Xin em đừng khóc; Bài thơ tình đẹp (Tâm-Đạm) — Đàn di em; thi nhân và nàng thơ; nếu; Đơn độc... (Y.S.A) — Trên cao nguyên

tình yêu (Huy-giang) — Lời mật; ta còn nói giống; Chiều cao nguyên; nuôi hy vọng; đợi chờ; thơ nguyên (Thái-tú-Hạp) — Ngày mai; Bài thơ nhỏ (Nguyễn-Lang) — Giấc ngủ thu về (Tô-Quân) — Trăng sáng trong vườn (Trường-Thủy) — Nhà dột (Trình-Trang) — Nhớ chị (Hoàng-Huân) — Viết cho M; Bức ảnh truyền thần; Hồn tôi; Những đêm ngủ đổ... (Huy-Thao) — Nhận định... (Nguyễn-Xuân-Tử) — Nhớ (T.A) — Họa bài Hợp chợ làng vãn (Bách-Như) — Rời rã (Dương-Quân) — Chiều vàng (Nhất-Điệp) Phương tiện thông tin hay là vấn đề báo chí (Minh-Sơn).

Xin trân-trọng cảm ơn các bạn. Tất cả những bài trên đây nếu bài nào qua bốn kỳ Bách-Khoa mà vẫn chưa đăng, trừ trường hợp đặc-biệt có thư riêng, thì xin các bạn coi như là không đăng mà thông cảm cho. Đa tạ.



SÁCH BÁO MỚI

Bách-Khoa đã nhận được :

- **Tình em nhỏ nhỏ**, tập thơ của Hoài-Việt, sinh viên tại Paris, loại « tác phẩm sinh-viên » (tập 1) in thạch bản do Du-tân trình bày, tác giả gửi tặng. Sách dày 60 trang gồm 40 bài thơ. Bạn đọc ở Việt-Nam muốn mua xin liên lạc với Ô. Nguyễn-Văn-Khôi 38 Kiến Thiết Đường Công-Lý, Saigon.
- **Sách mới** (nouvelles acquisitions) nguyệt-san, số 2 (tháng 2-1962) do Nha Giám-đốc Văn-khố và thư-viện quốc-gia ấn hành, có ghi tên các cuốn sách của Nha Văn-khố và thư-viện Quốc-gia nhận được. Nội dung gồm 3 phần: các sách sắp theo phân loại, sắp theo nhan đề, sắp theo tên tác giả.

ĐÍNH CHÁNH

Trong bài « Thái Phiên và cuộc Duy Tân khởi nghĩa » đăng trên B. K. số 123, có để lại các lỗi sau đây :

- Lời chú giải dưới ba tấm hình trang 26 xin sửa lại là :

— Từ trái sang phải : Các cụ Hồ-cầm-Vinh, Trịnh-Mai và Lê-cảnh-Vận (thay vì Lê-cảnh-Vinh).

Lời chú (2) trang 30 xin sửa :

Theo tài liệu của Hương Bình đăng trong báo Hưng Quốc (thay vì Hương Quốc).

- Tại trang 26, cột 1, có đoạn nói là : « Thái Phiên cho lập « Liên Thành thương quán » ở Bình Thuận ». Sự thực theo Công ty Liên Thành cho biết và tác giả bài biên khảo trên xác nhận lại, thì « Liên Thành thương quán » được thành lập từ năm 1906 nghĩa là tám năm trước cuộc vận động cách mạng của ông Thái Phiên, và do đó ông Thái Phiên không phải là người lập ra công ty này.

Vậy xin đính chánh lại cho khỏi sai nhầm và xin cáo lỗi cùng bạn đọc và công ty Liên Thành.

B. K.

NÊN HÚT THUỐC LÁ

JOBB

請吸 金字烟

Cigarettes JOBB Superbats

COFAT

PASTILLES: { **VANCO** MÙI • MENTHOL
CAM MÙI CAM

Chuyên-trị

Các chứng ho, đau Cường họng



VIỆN BẢO-CHẾ VANCO

TRU'ONG-VĂN-CHÔM

Dược khoa Tân-sĩ Quốc-gia

134, Đường Yên-Đỗ — Saigon

THE CHARTERED BANK

Anh-Quốc Ấn-Chiều Ngân-Hàng

(Thành-lập tại Anh-Quốc do An-Chiều năm 1853)

SỐ VỐN : 6.600.000 Anh-kim

DỰ TRỮ : 7.150.000 Anh-kim



Luân - Đôn Tổng - Cục

38, Bishopsgate, London E.C.2



Saigon Chi - cục

CHI - CỤC CHÍNH : 3 Đường Võ-Dĩ-Nguy

CHI - CỤC PHỤ : Đại-lộ Thống - Nhựt
(Nhà dầu Standard Vacuum Oil Co).



Nam - Vang Chi Cục

10, Phlaup Preah Kossamak



*Chi - nhánh thành-lập tại các
nước Viễn-Đông*



Phụ-trách tất cả các công việc ngân-hàng

Có Đại-diện khắp hoàn-cầu

« SỰ AN-NINH CỦA BẠN LÀ TÙY NƠI NGƯỜI BẢO-HIỂM BẠN »

DESCOURS ET CABAUD

Bảo-Hiểm

1-3-5 Bến Chương-Dương — Saigon

Điện - Thoại : 20114 — 20115 — 20116 — 23736

ACCIDENTS — INCENDIE

Tai-nạn

Hỏa-Hoạn

TRANSPORTS — RISQUES DIVERS

Hàng-Hải

Linh-Tinh

ĐẠI - LÝ

của

MUTUELLE GENERALE FRANCAISE ACCIDENTS

CENTRALE — RHONE MEDITERRANEE

LA MUTUELLE DU MANS

Chi Ngành : PARIS - TOURANE - CHOLON - DALAT - CANTHO - VIENTIANE

HONGKONG TANANARIVE - TAMATAVE ABIDJAN DOUALA

QUÝ-VỊ HÃY DẶN DÀNH LẠI NGAY TỪ BÂY GIỜ

MỘT MÁY ĐÁNH CHỮ LẼM TẠI THỤY-SĨ

HIỆU



HERMES

LOẠI XÁCH TAY



LOẠI ĐỂ BÀN GIẤY →

tại nhà in I.N.D.E.O.

IMPRIMERIE NOUVELLE D'EXTRÊME-ORIENT

Điện - Thoại : 20.821 — SAIGON

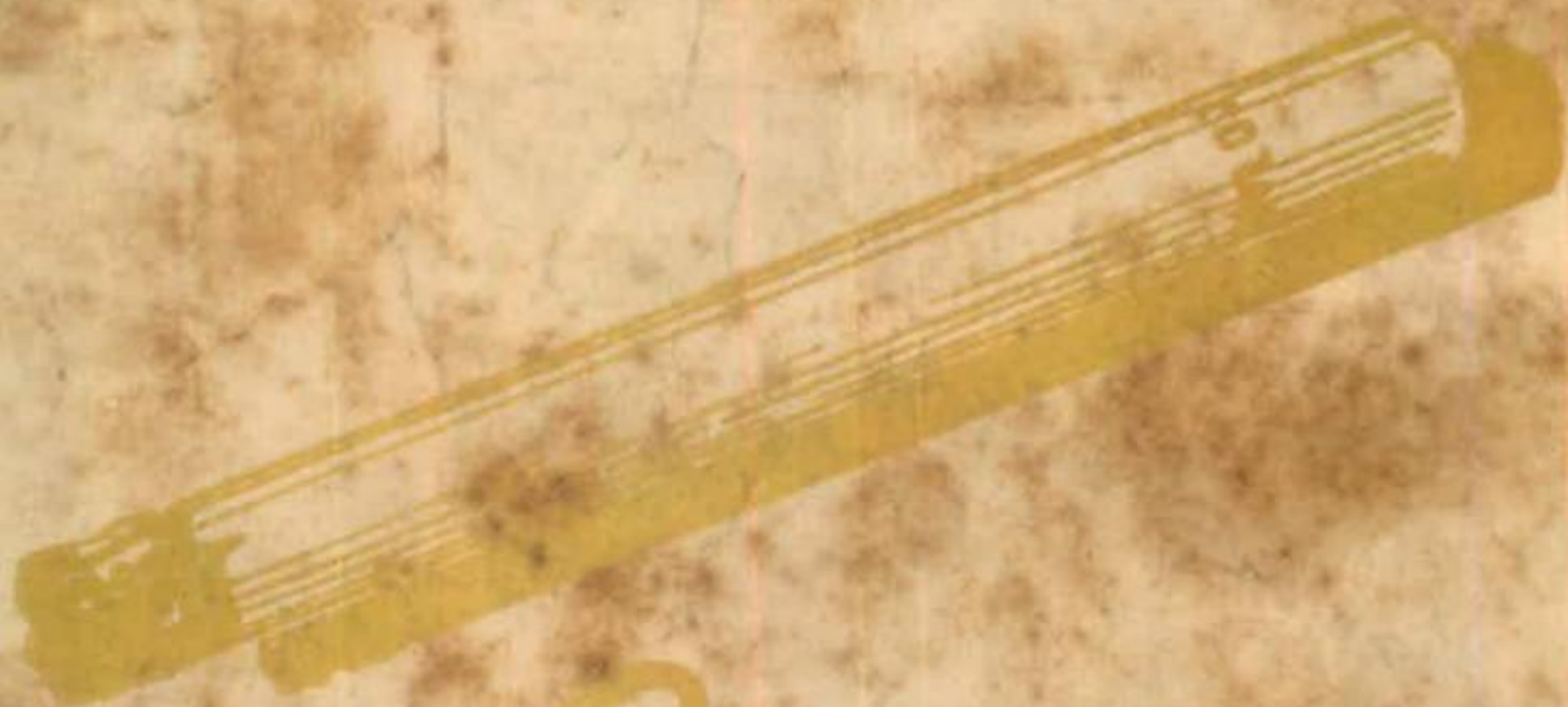




LA-VIE

“33”

HẢO HẠNG



Cigarettes

VIRGINIE

Chủ-nhiệm : HUỖNH-VĂN-LANG
Quản-nhiệm :

In tại nhà in VĂN-HÓA
412-414, Trần Hưng Đạo - SAIGON

Tòa Soạn :
160, Phố...

Giá : 10\$

<http://tietun.hopto.org>